

I THÁNG 5 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRÌ *phong trào Cộng sản Á-châu trong 25 năm qua* * PHẠM TRỌNG NHÂN *một vài nhận xét và kỷ-niệm về Norodom Sihanouk* * BẢO CHÂU *đàn bà nổi loạn* * VÕ QUANG YẾN *cuộc cộng sinh giữa thú vật và cây cỏ* * CUNG GIỮ NGUYÊN *lượng và phẩm* * VŨ HẠNH *nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh hoạt văn-nghệ hiện nay* * ĐÀO TRƯỜNG PHÚC *những vì sao trong vườn khuya* * PHƯƠNG HOA SỬ *tình ca* * HOÀNG LỘC *ngày phép cưới ở Hội-an* * HUỖNH PHAN *yến* * TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * TRĂNG THIÊN *thời sự văn nghệ* * TỬ DIỆP *chuyến bay Apollo 13* *

320





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

▶ *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

Số 320 ngày 1 - 5 - 1970

TỪ TRÌ <i>phong trào Cộng-sản A-châu trong 25 năm qua</i>	5
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>một vài nhận xét và kỷ-niệm về Norodom Sihanouk</i>	11
BẢO CHÂU <i>đàn bà nổi loạn.</i>	23
VŨ QUANG YẾN <i>cuộc cộng sinh giữa thú vật và cây cỏ</i>	29
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cân khôn : Lượng và phẩm</i>	34
VŨ HẠNH <i>nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh-hoạt văn nghệ hiện nay.</i>	41
ĐÀO TRƯƠNG PHÚC <i>những vì sao trong vườn khuya (truyện)</i>	49
PHƯƠNG HOA SỬ <i>tình cảm (thơ)</i>	60
HOÀNG LỘC <i>ngày phép cưới ở Hội-an (thơ)</i>	61
HUỲNH PHAN Yến <i>(truyện)</i>	62
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	71
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	75
TỬ DIỆP <i>Apollo 13 : một thất bại vinh quang.</i>	77

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 40đ Công sở : 80 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tap chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Xứ Trầm Hương** (Tỉnh Khánh Hòa) của Quách Tấn do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót 500 trang sưu khảo công phu, gồm 5 phần trình bày về Lịch sử, Địa lý, Thắng cảnh, Cổ tích, Dân sinh, Nhân vật tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang. Nhiều hình ảnh đẹp và 1 bản đồ tỉnh Khánh Hòa. Bản đặc biệt. Giá bản thường 340đ.

— **Phong trào Duy-tân** biên-khảo của Nguyễn Văn Xuân do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 376 trang, gồm 4 phần: những người lãnh đạo phong trào, căn cứ địa và sự phát động của Phong trào, những công cuộc đã hoàn thành của Phong trào, sự tham dự của quần chúng và sự khủng bố của bọn cầm quyền. Tài liệu phong phú và nhận định mới mẻ. Bản đặc biệt.

— **Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây phương** của Lê Tôn Nghiêm do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 170 trang gồm 7 chương từ: « Khởi điểm tư tưởng Heidegger » đến « Khúc ngoặt hay chân tính tính thể », một chỉ nam vững chắc nhất vào nguồn mạch một tư tưởng gia thời danh và khó đọc nhất của thế kỷ 20. Bản đặc biệt. Giá bản thường 130đ.

— **Lúa sạ miền Nam** tập thơ của Kiên Giang do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang gồm 20 bài thơ, nhiều bài bị kiểm duyệt bỏ tới mấy chục câu và có nhiều bài bị bỏ trọn bài. Trình bày trang nhã. Tranh bìa của Hiếu Đệ, 2 phụ bản của Huy Tường và Đình Cường. Bản đặc biệt.

— **Ca múa học vui của Lê-Cao-Phan, Tâm-Phương** tái bản, tác giả gửi tặng. 36 bản nhạc trẻ sáng tác từ năm 1949 dành cho các trường Trung, Tiểu học và các phong trào giáo dục thanh thiếu nhi Việt-nam. Sách in đẹp, trình bày với sự hợp tác nghệ thuật của Nguyễn-Cao-Đàm, Duy Thanh, Vũ-Anh. Một tập nhạc tuồng thiếu nhi cần có trong tủ sách mọi gia-đình. Giá 120đ.

— **ANGKOR (Đế - Thiên Đế-Thích)** của Lê Hương sưu tầm về nguồn gốc, lịch sử, cách xây cất và mô tả tất cả nơi đền đài bằng đá do các Quốc vương Cao Miên xây dựng, hướng dẫn độc giả xem từng ngôi đền một, từ ngôi thứ nhất trong vòng lớn (Grand Circuit), vòng nhỏ (Petit Circuit) và những ngôi ở ngoài hai vòng này. Sách dày 340 trang, 20 ảnh chụp hình vẽ hồi thế kỷ thứ 17, 19 — do Nhà Quĩnh Lâm xuất bản, giá 350đ.

— **Địa-chất-học thực hành** của Trần Kim Thạch. Nguyễn Văn Vân; Lê Quang Xáng do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách 206 trang gồm 3 phần chính: công tác của địa chất gia trên địa-thể; thủ-thuật căn bản của địa chất gia tại phòng thí nghiệm; cách viết một phúc trình hay một bài khảo cứu về địa chất học. Có rất nhiều hình vẽ. Bản đặc biệt. Giá bản thường 260đ.

— **Cải tổ giáo dục** do Nguyễn Quỳnh Giao phỏng vấn các ông Cao Văn Luận, Thích Minh Châu, Thích Đức Nghiệp Trần Văn Quế, Trần Văn Từ, Nguyễn Ngọc Huy, Trần Ngọc Ninh, Hoàng Văn Đức, Nguyễn Văn Phú, Vũ Quốc Thông, Lê Sáng về: Có cần cải tổ toàn diện nền giáo dục hay không? Sách dày 156 trang, do Thấu Tiến xuất bản và gửi tặng. Giá 120đ.

Phong trào Cộng-sản Á-châu trong 25 năm qua

Trong 25 năm qua, từ khi Đệ-nhi Thế-chiến chấm dứt, phong trào Cộng sản đã hoạt động mạnh mẽ tại Á-châu. Chủ nghĩa Cộng sản đã như vết dầu loang lan ra trên khắp lục địa này bằng những phương thức nội chiến, nội loạn hay cướp chính quyền. Nếu năm 1945 tại Á-châu người ta chỉ có một quốc gia Cộng sản duy nhất là Ngoại Mông thì một phần tư thế kỷ sau phong trào cộng sản đã nắm được chính quyền tại Hoa-lục với 750 triệu dân, Bắc cao với 15 triệu dân và Bắc Việt với gần 20 triệu dân. Ngoài ra phe Cộng sản còn hoạt động bí mật hoặc chiến đấu võ trang công khai tại nhiều quốc gia khác như Việt Nam, Lào, Cam Bốt, Thái Lan, Phi Luật Tân, Nam Dương v.v...

Trước những âm mưu, những toan tính cướp chính quyền bằng bạo lực của họ, nhiều lúc người ta phải e ngại rằng làn sóng đỏ có thể tràn ngập cả Á-châu.

Nhưng mặc dầu họ đã tích cực hoạt động và không bao giờ để lỡ cơ hội bành trướng, những người cộng sản đã luôn luôn gặp những trở lực không vượt nổi, những sức đối kháng của phe tư bản không kém mạnh mẽ và vào năm 1970 viễn tượng một Á-châu xích hóa đã lùi xa khỏi chân trời, không còn là một đe dọa trầm trọng cho các quốc gia thuộc phe tự do nữa.

Tuy không đủ mạnh hay chưa đủ mạnh để làm chủ cả lục-địa nhưng sự hiện hữu của phong trào Cộng sản cũng là một dữ-kiện quan trọng của đời sống chính trị Á-châu. Trước hết phong trào Cộng sản Á-châu trong 25 năm vừa qua đã tiến được một bước rất dài. Sau nữa vì có sự hiện hữu của phong trào Cộng sản mà phe quốc gia đã phải luôn luôn tìm cách ngăn chặn. Mỗi quyết định quan trọng của phe quốc-gia đều ít nhiều nhằm mục-đích đấu tranh với phe Cộng sản.

BƯỚC TIẾN CỦA PHONG-TRÀO CỘNG-SẢN Á CHÂU TRONG 25 NĂM QUA

Năm 1945, khi Đệ nhị Thế-chiến vừa chấm dứt tại Á-châu chỉ có một quốc gia Cộng sản duy nhất là Ngoại-Mông. Trước kia nước này là một lãnh thổ

của Trung-hoa giữa hai chính-phủ Hoa Nam và Hoa Bắc. Tchichérine, Ủy-viên Ngoại giao của Nga-xô loan báo là quân đội Nga chính thức xâm nhập vào lãnh

thờ Ngoại Mông đề lật đổ chính quyền của một người Bạch Nga tên là Ugern. Đảng Cách-mạng Quốc-gia được thành lập để nắm chính quyền.

Năm 1923 Tổng - thống Hoa - Nam Tôn-Dật-Tiên đã ký một thỏa-ước với sứ-thần Nga-sô Joffe chấp nhận sự chiếm đóng quân sự của Nga tại Ngoại Mông. Bắt đầu từ năm 1931 khi quân đội Nhật khởi sự chiếm Mãn-châu, các giới quân phiệt Nhật luôn luôn dòm ngó Ngoại Mông, chỉ đợi dịp là thôn tính. Nhưng Nga-sô đã nhất quyết bảo vệ Ngoại Mông vì nước này lúc đó đã trở thành một quốc gia chư hầu đầu tiên của Nga-sô-việt. Tại Hội-nghị Le Caire năm 1943 và tại Hội-nghị Yalta năm 1945 ba cường quốc liên minh Anh-Mỹ-Nga, do Churchill, Roosevelt và Staline đại diện, đã quyết định giữ nguyên qui-chế của Ngoại Mông.

Vào tháng 8-1945 khi Tổng-trưởng Ngoại-giao của chính - phủ quốc - gia Trung-hoa là Tống - Tử - Văn sang thương thuyết tại Mạc-tư-Khoa, cả Cộng - sản Nga và Quốc-dân-đảng Trung - hoa đều đi tới thỏa - thuận là sẽ tổ chức một cuộc trưng-cầu dân-ý để ấn định qui chế của Ngoại Mông. Nhưng lúc đó Nga đã tuyên chiến với Nhật và đã chiếm cả Mãn-Châu. Nga dần dần trao lại Mãn-châu cho Đảng Cộng-sản Trung-hoa của Mao-trạch-Đông. Vì vậy mà Ngoại Mông tiếp tục nằm trong vùng ảnh hưởng của Nga. Và sau hết khi cướp được chính quyền ở Trung - hoa, Mao-trạch-Đông đã sang Mạc-tư-khoa đề thương-huyết và ký « Hiệp ước thân hữu, liên-minh và tương-trợ » với Nga. Cùng với hiệp-ước này một bản thông cáo chính thức đã xác nhận nền độc lập của Ngoại-Mông.

Sau Ngoại-Mông, phong trào Cộng

sản đã tràn tới Bắc-Cao. Cao-ly đã bị Nhật chiếm đóng từ năm 1910. Trong khi Đệ-nhị thế-chiến chưa chấm dứt các đồng minh đã nghi tới nước này. Hội-nghị Yalta giữa Roosevelt, Staline và Churchill đã quyết-định rằng quân đội Nga sẽ chiếm Bắc-Cao và quân đội Mỹ sẽ chiếm Nam Cao. Tại Hội-nghị Potsdam giữa Truman, Staline và Churchill, người ta quyết định đường ranh-giới ở vĩ-tuyến thứ 38.

Sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Nga và quân đội Mỹ đã chiếm đóng Cao-ly đúng theo các quyết định của Yalta và Potsdam. Khi chiến tranh chấm dứt, cả « Ủy ban hỗn hợp » Nga-Mỹ lẫn « Ủy ban lâm thời của Liên hiệp quốc » đều bất lực không giải quyết được vấn đề thống nhất Cao-ly ; vì vậy mà năm 1948 tại hai miền hai chính-phủ đã được thành lập. Tại Bắc-Cao với sự che chở của Hồng-quân Nga, Kim-Nhật-Thành đã thiết lập một quốc-gia Cộng-sản thứ hai tại Á-Châu.

Bước tiến quan trọng nhất của phong trào Cộng-sản Á-châu là chiến thắng của Mao-Trạch-Đông vào năm 1949. Năm 1945 khi Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt tại Á-châu thì Cộng-sản Trung-hoa đã làm chủ được Mãn châu vì Nga đã trao các lãnh thổ này cho họ. Chính-phủ Hoa-kỳ đã lần lượt cử Tướng Harley và Tướng Marshall đề hòa giải hai phe Quốc Cộng ở Trung hoa. Với sự trung gian của Tướng Marshall người ta đã đi tới 3 thỏa hiệp là triệu tập một Quốc-hội, đình chiến, và ấn - định tỷ-lệ Cộng-sản trong quân-đội Trung-hoa (1 phần Cộng và 5 phần Quốc-không gia). Nhưng Tướng Giới Thạch tin tưởng vào Cộng-sản nên cố gắng đàn áp bằng võ lực. Đồng thời Chính phủ Hoa - thịnh - đốn vẫn tiếp tục

cung cấp viện trợ quân-sự cho Tưởng-giới-Thạch khiến ông lại càng hăng hái chống Cộng Thấy Chính-phủ Mỹ đi ngược lại đường lối của mình, tướng Marshall từ chức. Tại Hoa-thịnh-đốn, Tướng Marshall và Đại-Sứ Leighton Stuart chủ trương hòa giải trong khi Tướng Mac Arthur lại chủ trương giúp đỡ tận lực phe Quốc-dân-đảng. Bắt đầu từ năm 1948 quân đội Quốc-dân-đảng thua dần và đến tháng 10-1949 Cộng sản làm chủ được Hoa-lục và Mao-Trạch-Đông tuyên bố thành lập nước Cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa.

Làm chủ được Trung-hoa phe Cộng-sản đã yểm trợ phong trào Cộng sản Việt-Nam trong cuộc tranh đấu chống-Pháp ở Đông Dương. Trước khi thành công ở Việt-Nam, phong trào Cộng-sản Á-Châu đã bành trướng theo hướng Cao-ly. Tháng 6-1950 quân đội Bắc Cao đ ạt tấn công Nam Cao. Hoa kỳ đã tham chiến cùng với 15 quốc gia hội viên của Liên-Hiệp-Quốc để bảo vệ Nam-Cao. Nhưng vào tháng 10-1950 «quân chí nguyện» Trung-hoa đã tràn vào Cao-ly khiến quân đội Liên-Hiệp-Quốc bị chặn đứng. Và cuộc chiến kéo dài cho tới năm 1953 mới chấm dứt với thỏa-hiệp đình, chiến Bàn-môn-điểm.

Tại Việt-Nam, với sự yểm trợ của Trung-Cộng, phe Cộng-sản đã thắng lợi về mặt quân-sự khiến họ chiếm được một nửa lãnh thổ Việt-Nam, thiết lập một chính thể Cộng-sản bắt đầu từ năm 1954.

Song song với những hoạt động võ trang xâm nhập ở bên ngoài Trung Cộng lãnh đạo phong trào Cộng-sản Á-châu đã cố gắng củng cố nội bộ. Họ quốc-hữu-hóa hết 99,620/0 các ngành sản xuất trong nước. Năm 1952 kế hoạch

ngũ-niên đầu tiên được thực thi để củng cố kinh tế. Năm 1956 một kế hoạch 12 năm nhằm phát-triển canh-nông thực hiện «bước nhảy vọt». Phong trào «Công xã nhân dân» và phong trào «Trăm hoa đua nở» ra đời để thúc đẩy nông dân, sinh viên, trí thức tăng gia sản xuất.

Tuy chưa phát triển được kinh tế nhưng Trung Cộng cũng đã giải quyết được nạn đói. Ngày 16-10-1964 quả bom nguyên-tử Trung Cộng đầu tiên được thí-nghiệm. Từ tháng 10-1964 tới tháng 12-1966 năm quả bom nguyên-tử khác được cho nổ. Và tháng 6-1967 quả bom khinh khí đầu tiên cũng được ra đời. Ngoài ra Trung-Cộng cũng chế được hỏa-tiên mang đầu nguyên-tử. Quân đội chính qui của Trung Cộng lên tới 3 triệu người và lực lượng vệ binh tình nguyện, cả nam lẫn nữ, lên tới 17 triệu người.

Về mặt đối ngoại, ngoài những hoạt động tuyên truyền tại Phi-châu, ngoài những sự trợ giúp cho các phong trào Cộng-sản tại các quốc gia như Thái-lan, Nam-Việt, Lào, Miên, Trung Cộng còn lượm được nhiều thành quả ngoại-giao tốt đẹp như được Anh thừa nhận vào năm 1950, Pháp thừa nhận vào năm 1963. Năm 1954 Trung Cộng ký hiệp-ước với Ấn-Độ và cũng năm này được mời tham dự Hội nghị Genève về Đông-Dương và Triều-Tiên. Năm 1955 Trung-Cộng còn đóng vai trò quan trọng tại Hội-nghị Á - Pni Bandoung. Năm 1962 Chu-Ân-Lai đã thành công trong việc lôi cuốn Hồi-quốc bỏ thái độ chống Cộng để đi đến chỗ thân hữu với Cộng sản. Hồi quốc, sở dĩ bỏ Mỹ theo Trung-Cộng, cũng chỉ vì vấn đề Cachemire. Trong khi Mỹ ủng-hộ Ấn-Độ trong vấn đề này thì Trung-Cộng đã khôn khéo ủng hộ Hồi-quốc để phá vỡ Liên minh

Bagdad ký năm 1955 và Liên-minh Hồi-Mỹ ký năm 1954.

Ngoài ra tại Miến-Điện khi tướng Ne Win đảo chính cướp chính quyền năm 1962, Đảng Xã-hội Miến cũng có một đường lối thân-hữu với phe Cộng sản. Tại Nam Dương cũng bắt đầu từ năm 1962, trước sự chia rẽ nội bộ, trước quyền lực và uy tín của tướng Nasution thân Mỹ, Tổng-thống Sukarno đã có một chính sách quân binh giữa đảng Cộng-sản Nam-Dương và quân-đội. Do đó ông luôn luôn thân hữu với phe Cộng-sản. Năm 1964, Nam Dương thừa

II) NHỮNG TRỞ NGẠI CHO BƯỚC TIẾN CỦA CỘNG-SẢN Á-CHÂU.

Từ năm 1945 tới năm 1950 Á châu gần như là một giải đất hoang mặc cho Cộng sản xâm chiếm vì các quốc gia thực dân Âu châu vừa ra khỏi Đại-chiến nên đã kiệt quệ. Hai nửa đầu đầu phong trào chống thực dân cũng bùng nổ. Việt Nam nổi dậy chống Pháp; Ấn độ, Miến điện chống Anh; Phi-luật-tân chống Mỹ và Nam-dương chống Hòa-lan. Các quốc gia cựu thuộc địa đã lấy lại được độc lập nên các quốc gia thực dân Âu-châu không còn nghĩ tới đe dọa Cộng sản ở Á châu nữa. Ngay tại Trung-hoa là nơi Mỹ có quyền lợi nhiều mà chỉ do quá mệt mỏi vì chiến tranh mà Mỹ đã có một chính sách lưỡng lự trước bước tiến của Hồng quân Trung-hoa. Nhưng sau khi Mao-trạch-Đông cướp được chính quyền ở Bắc-kinh, Mỹ đã gần như thức tỉnh. Tới khi phe Cộng sản tấn công Nam Cao thì Hoa-Kỳ đã không ngần ngại nhảy vào vòng chiến.

Song song với sự tham chiến ở Triều

nhận Bắc-Việt và người ta nói nhiều tới « trục Djakarta — Hà-nội — Bình-Nhưỡng ».

Trầm trọng hơn cả là quân Cộng-sản Bắc-Việt, từ năm 1960, lại khởi sự thôn tính Nam Việt. Năm 1965 phe Cộng-sản đã đạt được nhiều thắng lợi quân-sự và đe dọa trầm trọng Nam-Việt khiến Mỹ phải tham chiến để ngăn chặn làn sóng đỏ tại Á-châu. Phong trào chống Cộng do Mỹ lãnh đạo và những khó khăn nội bộ cũng như ngoại giao trong những năm vừa qua đã là những yếu tố khiến bước tiến của phong trào Cộng-sản Á-châu bị chặn đứng.

tiên chính phủ Hoa-thịnh-đốn đã cố gắng lập một vòng đai an ninh để bảo vệ phần còn lại của Á châu. Một hệ thống liên minh được dần dần tạo nên. Ngày 30-8-1951 Mỹ ký với Phi-Luật-Tân một hiệp-ước liên-phòng và tương trợ. Ngày 1-9-1951 một hiệp ước tương tự được ký kết giữa Úc, Tân-Tây-Lan và Hoa-kỳ mệnh danh là liên-minh ANZUS (viết tắt của Australia, New-Zealand và United States). Ngày 8-9, cùng năm, một hiệp ước liên-minh Mỹ-Nhật cũng ra đời. Ngày 1-10-1953 đến lượt hiệp ước Mỹ-Đại Hàn. Ngày 19-5-1954 giữa Hồi-quốc và Mỹ, ngày 2-12-1954 giữa Mỹ và Đài-loan những minh-ước cũng được ký kết.

Nhưng quan trọng hơn hết là Minh-ước Thái-Bình-Dương do hiệp-ước Manille ngày 8-9-1954 thiết lập. Những liên-minh trên chỉ là những liên-minh song phương giữa Mỹ và một quốc-gia Á-châu. Năm 1954 sau khi phe Cộng sản

đã một lần nữa thắng lợi ở Việt Nam, Mỹ đã tạo nên một liên-minh đa-phương gồm nhiều nước Á-châu và cả Pháp và Anh là hai quốc gia Âu-châu có nhiều trách-nhiệm tại Á - Châu trong quá khứ. Hiệp-ước Manille qui tụ Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Úc, Tân-tây-Lan, Phi-luật-tân, Hồi-quốc và Thái-lan. Hiệp-ước này bảo vệ các quốc gia hội viên nhưng cũng mở rộng để bảo vệ cả Việt Nam, Lào và Cam - bốt. Trong một bản tuyên-ngôn đặc biệt, Hoa-kỳ tuyên bố chỉ can thiệp khi nào cộng-sản gây hấn.

Với một hàng rào phòng thủ như vậy phe Cộng-sản không còn tiến thêm được nữa. Vì vậy mà từ năm 1954 tới năm 1962 các hoạt động quân-sự của phe Cộng-sản Á-châu chỉ còn giới hạn ở trong lãnh vực khủng-bố và đánh du-kích mà thôi tuyet nhiên người ta không thấy có những cuộc chiến tranh đạ-qui-mô và công khai nào xảy ra.

Nhưng từ năm 1962 trở đi, tinh thần chống Cộng ở Á-châu đã lỏng lẻo một phần nào. Nam-Dương dưới sự lãnh đạo của Sukarno đã ngả hẳn về phe Cộng-sản. Miến-Điện, với chủ-nghĩa xã-hội của tướng Ne Win, đã có một chính-sách rời xa Tây-phương. Hồi quốc, từ năm 1954, với tư cách là hội viên của Hiệp-ước liên-minh Mỹ. Hồi của hiệp-ước Manille và của liên-minh Bagdad (1955) luôn luôn là một hàng rào chống Cộng. Sau đó vì thấy Mỹ và Anh ủng hộ Ấn-độ nên Hồi đã từ địa-vị chống Cộng chuyển sang chính-sách thân Cộng từ khi Chu-Ấn-Lai viếng Karachi năm 1962. Lợi dụng những lỏng lẻo trong cuộc tranh đấu chống Cộng của phe quốc-gia, phe Cộng-sản lại bắt đầu trở lại chính sách chiến tranh

công khai. Những cuộc nổi dậy của Cộng-sản ở Nam Việt đã chuyển dần thành chiến tranh thực sự. Nhưng khi mà đe dọa Cộng-sản trở nên trầm trọng nhất ở Việt-Nam thì Mỹ lại nhảy vào vòng chiến. Và bắt đầu từ năm 1965, nửa triệu quân Mỹ đã ồ ạt vào Nam-Việt để chặn đứng bước tiến của Cộng-sản.

Hơn nữa thời vận quốc-tế từ năm 1965 trở đi đã làm cho phe Cộng-sản phải ở vào một tư-thế bất lợi. Thật vậy sau vụ đụng độ võ trang giữa Trung-hoa và Ấn-độ ở vùng Hy-mã-lạp-sơn năm 1962, sau cái chết của Nehru, Ấn-độ đã ngả dần về phía Tây-phương. Ngoài ra, năm 1965 khi chiến tranh giữa Ấn-độ và Hồi-quốc bùng nổ về vấn đề Cachemire, Trung-Cộng đã cố gắng đổ dầu vào lửa bằng cách đe dọa Ấn-độ là sẽ can thiệp để ủng hộ Hồi-quốc, thì Ấn-độ lại càng phải ngả về phía Tây-phương nhiều hơn. Đầu năm 1966 để hòa giải Ấn-độ và Hồi-quốc, chính Thủ-tướng Nga Kossyguine triệu tập hội nghị Ấn-Hồi ở Tachkent.

Năm 1966 Trung-Cộng nói riêng và phe Cộng-sản Á-châu nói chung đã gặp một trở ngại bất ngờ trong chính sách bành trướng của họ là đảo chính liên tiếp tại Nam - Dương. Tổng - thống Sukarno phải trao quyền cho tướng Suharto. Tập đoàn cầm quyền mới đã đàn áp đảng Cộng-sản Nam-Dương và đã quay sang cộng tác với phe Tây phương. Năm 1966 — 1967, trong khuôn khổ cuộc «Cách mạng Văn hóa» Trung Cộng đã bắt hòa với Miến-Điện và đã kêu gọi dân chúng Miến lật đổ chính quyền «phản động ở Rangoon». Hầu hết các quốc gia Á-châu do đó đã mất hết thiện cảm đối với

(Xem tiếp trang 81)

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

- EM BÉ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương-dình-Cử dịch
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
- ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)
Võ Hồng
- NEO VỀ CỦA Ý (tái bản)
Nhất Hạnh
- HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÀN CỦA
TU TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (*Lê-Tôn-Nghiêm*)
- PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân
- XÚ TRÂM HƯƠNG *Quách Tấn*
- LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ) *Kiên Giang*
- HÁI ĐẢO THẦN TIÊN *Đặng-Trần Huân*
- CÂM CA VIỆT NAM *Toan-Ánh*
- ♦ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**
- GIAO-DỤC CỘNG-ĐỒNG
Vương Pên Liêm
- PHƯƠNG PHÁP CHU ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
1 IỀU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

**Nhà xuất bản Lá-bối
1 20 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**



● PHẠM-TRỌNG-NHÂN

MỘT VÀI NHẬN XÉT VÀ KỶ-NIỆM VỀ :

Norodom SIHANOUK

(Xin xem B.K. từ số 320)

Đối với người Việt-Nam, Norodom Sihanouk đáng trách nhất ở chỗ ông đã luôn luôn chủ-trương duy-trì tình-trạng một nước Việt-Nam chia hai. Chính ông đã có lần tuyên-bố :

— Vì quyền-lợi của Cam-bốt, đáng lẽ tôi phải mong cho Việt-Nam bị phân-chia, lâu chừng nào hay chừng đó... Nhưng tôi vẫn cầu chúc cho Việt-Nam sớm được thống-nhất !..

Người ta cũng tiếc cho Norodom Sihanouk, là ông đã mơ-mộng mưu-mô, thù-đoạn mà lại trông cậy ở Cộng-sản quá nhiều.

Những thái-độ trên đây của ông đã kéo dài thêm tang tóc cho đất nước Việt-Nam. Ông quan-niệm, mà quan-niệm đó ông kiên-tâm cố-thủ, không ai có tài gì lay-chuyển, là Việt-Nam và Thái-lan là hai kẻ thù truyền-kiếp ! : « Có điểm khác, là Việt-Nam ghét Cam-bốt mà vẫn trọng ; còn Thái-lan đối với Cam-bốt vừa ghét, lại vừa khinh... ». Tôi không lạm-bàn tới mối tương-quan Thái/Miên. Nhưng về mối tương-quan Việt/Miên, tôi thiên-nghĩ ông đã đi quá xa trong

ngộ-nhận. Tôi lại thiên-nghĩ, trong thời gian dài lâu vừa qua — nhất là từ năm 1955 tới 1965 — nếu về phía Việt-Nam tránh được một vài lầm-lẫn; nếu về phía Cam-bốt, Norodom Sihanouk không phải là Quốc-trưởng hay là Quốc-trưởng mà không quá giàu mặc-cảm, tự-ái và định-kiến; nếu người dân Cam-bốt trung-bình bớt sùng bái quân-vương và có thêm kiến-thức; thì cục-diện bán-đảo Ấn-độ Chi-na này chắc đã không đến nỗi thảm-khốc như hiện tại... Nhưng đó là câu chuyện khác.

Ngoài ra, xét vấn đề dưới nhãn-tuyến tâm-lý-học, cá-tính Norodom Sihanouk thật là một đề-tài thích-thú, một trường hợp hấp-dẫn, không thường.

Ông khác người, ở nhiều điểm. Cả đời ông là bản-văn biền-ngẫu, một kiệt tác mặc cảm và mâu-thuẫn, với rất nhiều uyển-chuyển bất thường, khiến người đời không thể đơn-phương yêu ghét mà chỉ có thể có những cảm-tưởng phức-tạp.

Ông nhớ lâu, phân-minh « ân trả oán đền », nhưng vẫn có khả-năng khoan-dung, thông-cảm. Rất trọng-phu, mà

trái lại đôi khi cũng có những cử-chỉ kém thanh cao, thật bất ngờ, khó hiểu.

Được người Pháp đưa lên ngôi Norodom Sihanouk có ân mà vẫn oán. Trong những buổi tiếp-xúc với Ngoại-giao đoàn, có sự hiện-diện của Đại-sứ Pháp, ông thường hân-hoan ca-ngợi hiện-tại, rồi ông so sánh với thời-kỳ bảo-hộ. So-sánh, rồi bình phẩm mỉa mai một cách tự-nhiên, không tế-nhị.

Khánh-thành một ngôi trường, ông chỉ các bàn ghế mới toanh, các cửa sổ to lớn, các gian phòng kang trang, và thừa sân chơi rộng, rồi ông tuyên-bố :

— Ngày xưa làm gì có những lớp học thoải-mái như thế này ! Chính tôi là Hoàng-thân mà cũng chỉ được học ở một ngôi trường tối tăm bé nhỏ. Đền rồi chừng nào có dịp, tôi sẽ đưa quý vị đi thăm. .

Cũng tưởng ông nói vậy cho vui, không ngờ một ngày kia, các nhân-viên ngoại-giao nhận được thiệp mời dự lễ phát thưởng tại một trường học, dưới quyền chủ - tọa của Quốc - trưởng Norodom Sihanouk. Muốn tới trường, phải đi qua một con đường đất nhỏ. Trường được thực-hiện sơ-sài, không ai có thể tưởng tượng một vị Quốc-Vương đã được khai - tâm ở đó ! Phát thưởng xong, Norodom Sihanouk nói chuyện tâm-tình :

— Tôi đã học vỡ lòng ở ngôi trường bé nhỏ này... Không ai ngờ, kể cả chính tôi, một ngày kia tôi sẽ làm Vua. Tôi đã là một ông Hoàng-tử vô-danh ; trừ cha mẹ tôi, có lẽ không ai để ý đến tôi... Chính nhà trường còn lầm tưởng tôi là con gái : giấy chứng-nhận nhà trường cấp ghi tên tôi là... «Cô Norodom Sihanouk...»

Ông không thể chịu đựng những lời chê-trách bất cứ từ nơi đâu tới, nhất là của báo-chí ngoại-quốc. Một lần, báo-chí Nhật công-kích ông kịch-liệt, không biết nhân dịp gì. Tại Kiriron, (một thị trấn trên một dãy đồi thông, cách Pnom-Penh chừng 50 cây số), ông đọc bài diễn-văn tràng giang đại hải, trong đó có một đoạn dài ông ứng khẩu công-kích Nhật-bản thậm-tệ... Một hành-động như vậy, thật trái với nghi-lễ ngoại-giao, lại càng không xứng-đáng với một vị nguyên-thủ, đã từng phen là thiên-tử:..

Nơi khán-đài danh-dự, ông Đại-sứ Nhật phản-ứng : ông mang kính mát, rồi ông ung-dung khoanh tay, ngồi ngủ... Buổi lễ bế-mạc. Ai nấy vỗ tay, do thói quen, vì nghi-lễ. Riêng ông Đại-sứ Nhật lạnh-lùng ra xe tiến hướng tư-dinh Quốc-trưởng. Chương-trình định rằng : cho đến hết buổi tiệc trưa, ai nấy, và nhất là các Đại-sứ, đều là thượng-khách chánh-thức của Quốc-trưởng. Từ sau buổi tiệc, các vị tuy vẫn là thượng-khách, nhưng có thể tùy ý ra về hay ở lại. Nếu ở lại, các vị sẽ là «bạn riêng» của Norodom Sihanouk. Với tư cách cá-nhân như vậy, cả chủ lẫn khách sẽ sinh-hoạt thân-tình, giản-dị, tự-do, ngoài vòng cương-tỏa của lễ-nghi kiểm-chế. Trong thực-tế, ai nấy đều ở lại, trừ có ông Đại-sứ Nhật. Ông tới chào cáo-biệt, thật nghiêm-chỉnh đàng-hoàng :

— Phần nghi-lễ đã xong rồi, tôi xin phép Quốc-trưởng ra về...

Ông Đại-sứ Nhật đã phản-đối thái-độ kém thanh nhã của Norodom Sihanouk. Buổi chiều, các thượng-khách đi thăm các thôn-xóm. Buổi tối, có tiệc vui, có khiêu-vũ, có nhạc, có rượu, có trà... Ai nấy cười nói hân-hoan, nhân-viên ngoại-giao bàn-tán về câu chuyện

buổi sáng: Norodom Sihanouk quá-khích, mắt thẳng-băng; ông Đại-sứ Nhật bất bình đúng lễ - nghi, thật hợp tình hợp lý...

Câu chuyện làm tôi liên-tưởng tới một vài câu chuyện khác.

Một buổi sáng, tại Bokor, thuộc tỉnh Kampot, nơi ngọn núi nhìn xuống vịnh Thái-lan. Cùng đứng nơi sân cỏ có Norodom Sihanouk, Đại-sứ Pháp, Đại-sứ Ai-lao, Đại-lý Nam-dương, một vài nhân-vật khác và tôi. Viên cận-vệ cúi đầu đệ trình bản cắt báo ngoại-quốc, đặc-biệt là báo-chí Saigon đả-kích Norodom Sihanouk thậm tệ. Tôi không được đọc các bài báo đó. Nhưng tôi cũng thừa đoán lời lẽ tất nhiên chẳng thể thân tình !

— Ông có thấy báo - chí Saigon chửi-bới tôi thậm-tệ, không tiếc lời?... (... vos journaux m'insultent sans pitié...)

Ông nhìn tôi, lắc đầu, vừa nói vừa cười, nét mặt cổ gương tự-nhiên mà vẫn không dấu nổi vẻ bất-bình.

Tôi đáp lời :

— Tôi xin lỗi Thái-tử và mong Thái tử (Monseigneur) bớt giận. Báo-chí Saigon tự-do. Có điều mà tôi dám chắc Thái-tử sẽ đồng-ý với tôi là chưa bao giờ Tổng-thống chúng tôi đã nói một điều gì bất-kính, có thể coi như xúc-phạm tới Thái-tử...

Lời nói của tôi nhằm hai mục-đích. Trước hết, tôi muốn xoa dịu nỗi bức dọc của Norodom Sihanouk, mặc-dù tôi không có trách-nhiệm trong vấn-đề này ; (vì tôi có cách gì ngăn-cản được báo-chí Saigon viết về ông?). Sau, tôi cũng muốn nhân dịp nhắc khéo : một vị Quốc-trưởng không nên dùng những lời lẽ nặng-nề gay gắt đối với một vị Quốc-trưởng



N. Sihanouk khiêu vũ cùng bà vợ Monique

khác, hay một chánh-phủ, một dân tộc khác... Mà về điểm này, Norodom Sihanouk thường hay ứng khẩu nói vài câu rồi... «hăng tiết», «bốc đồng» lúc nào không biết, có khi đả-kích các nhà cầm quyền Hoa kỳ, Việt-Nam hay Thái-lan, chẳng tiếc lời... Thường khi ông tuyên-bố bằng tiếng Miên, trước các thần-dân của ông. Mặc dù bản diễn-văn sau đó có được trích và đưa truyền-thanh, nhưng sứ quán sở quan còn có thể làm lơ như không biết. Khó xử nhất là khi ông «hăng tiết» tuyên-bố bằng ngoại-ngữ nhân một buổi lễ chánh-thức, với sự hiện-diện của toàn-thể ngoại-giao-đoàn... Vị Đại-diện quốc-gia liên hệ ngồi nghe, bức-bội, «mở môi không... được, mà «đề lòng không đang»... Tựa như trường-hợp vị Đại-sứ Nhật trên đây...

Một hôm, tôi tìm đến một nhân-vật quan-trọng, trước đây đã là Thủ-tướng,

sau này là Cố-vấn riêng của Norodom Sihanouk. Tôi nhờ ông giúp một việc :

— Nhân các cuộc kinh-lý và các buổi lễ chánh-thức, Thái-tử công-kích Tổng-thống tôi nhiều quá, và gay-gắt quá. Tôi trông cậy Thủ-tướng chuyển đệ lên Thái-tử những kính-ý của tôi, và tôi xin Thái-tử dành cho tôi những điều-kiện thuận-tiện để làm việc. Nếu sự-trạng còn tiếp-diễn, tôi e rằng một lần nào đó, vì nghi-lễ không cho tôi được trả lời, có lẽ tôi phải bỏ cuộc ra về. Chỉ tiếc rằng như vậy sẽ mang tiếng bất-kính với Thái-tử, là điều tôi không muốn...

Vài tuần sau, nhân-vật Cam-bốt cho tôi biết là «Thái-tử đã đồng-ý và chấp-thuận thỉnh-cầu» Và về sau, tôi quả có nhận thấy ông không còn đả-kích Tổng-thống Việt-Nam trong các bản diễn-văn như trước. Tôi phải công-nhận thái-độ đó thật «phục-thiện» và «khả-ái»...

Một năm, gần Tết Tại miền An-giang, Châu-đốc, một Trung-úy chỉ-huy 12 lính bảo-an đi tuần biên-giới. Trời tối, viên Trung-úy lại vừa mới đổi tới được 10 ngày, chưa quen địa-thể. Vì lạc đường, nên các anh em đi lầm sang phần đất Cam-bốt, bị 4 dân-vệ bắt giải về đồn quận. Rất nhiều phần các anh em sẽ bị nghi là do-thám, lại có vũ-khí mang theo, tội-trạng thật rặng-nề, nguy-hiểm. Tôi nhận được chỉ-thị can thiệp sao cho các anh em được sớm về ăn Tết. Tôi trình-bày nội-vụ với ông Tổng-trưởng Ngoại-giao; mấy ngày sau tôi có dịp nhắc lại lập-luận với Norodom Sihanouk :

— Các anh em bảo-an ngay tình : 13

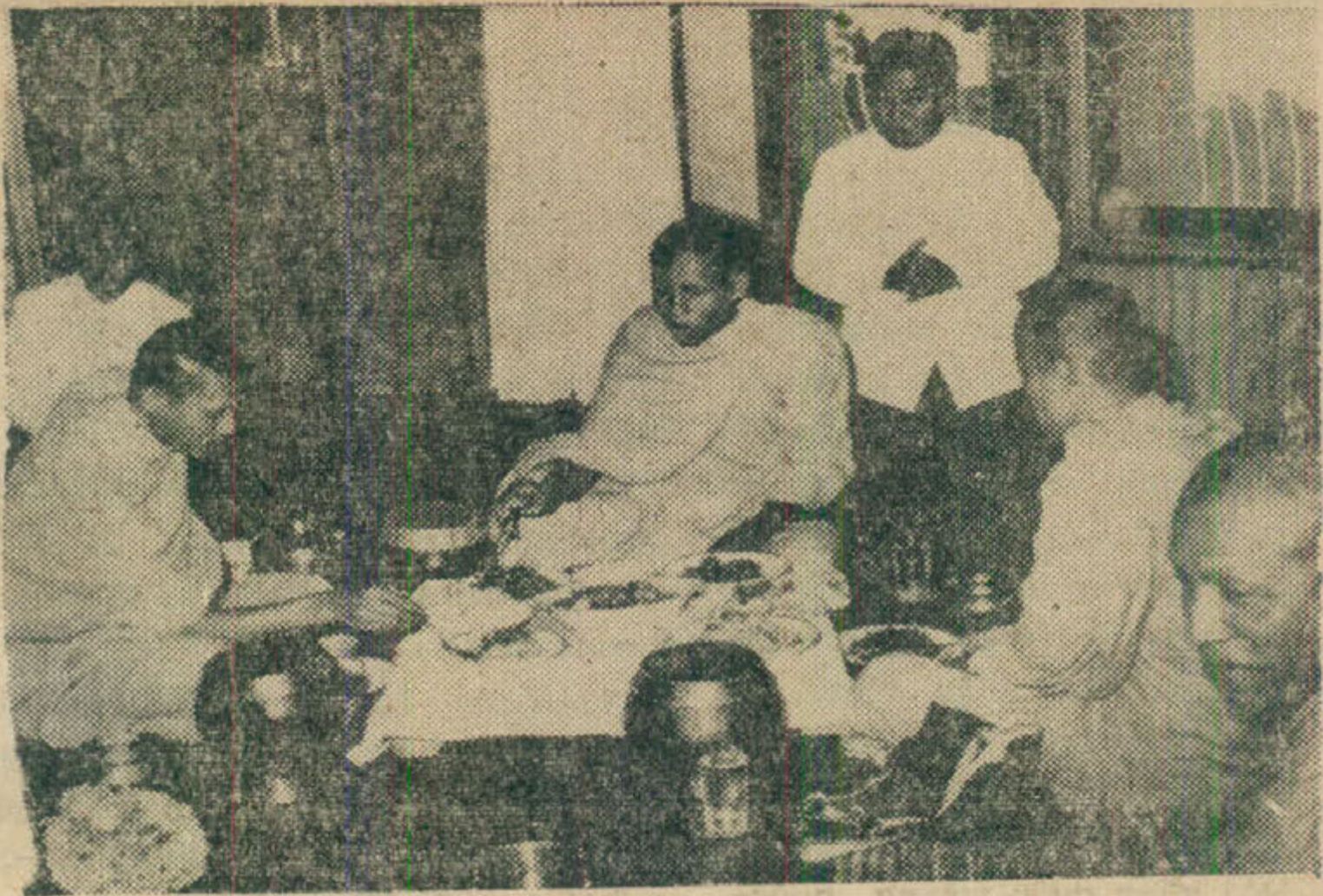
người, có súng máy và lựu đạn, ngoan ngoãn để cho 4 anh em dân-vệ chỉ có dao mác và súng trường cò vẩy bắt... Chân-tình và thiện-chí đó đáng được khuyến-kích đúng mức, về phương-diện chánh-trị cũng như nhân-đạo, vì Tết đến nơi rồi...

Hai ngày sau, 28 Tết, các anh em được trả tự-do, về ăn Tết...

Dường như ông Hoàng Norodom Sihanouk có một ý-chí mãnh-liệt muốn được thoát ra ngoài đời sống hàng ngày quá ư bình-thản, vì quá ư quen thuộc. Ông đáp-ứng nhu-cầu, và thỏa-mãn thị-hiểu của mình bằng âm-nhạc, ca-hát, chiếu bóng, thể thao... thường khi thật nên thơ, khả-ái, đôi khi thật kỳ dị, vô-thường ..

Ông vừa là nhạc-công, vừa là nhạc-sĩ. Có những buổi tiếp-tân huy-hoàng long-trọng, trong Hoàng-cung, hay tại biệt-điền Chamcar-Mon, nơi ông ở : tân-khách có khi tới sáu, bảy trăm người, ai đã tham dự sẽ không thể dễ quên hình-ảnh ông hoạt-động và hiếu-khách. Đèn đủ màu treo trên cây, các ban nhạc thi nhau tranh đua tài nghệ. Và các tân-khách khiêu-vũ theo điệu nhạc của ông sáng-tác. Nhìn lên phía dàn nhạc, người ta không ngạc-nhiên khi thấy chính Norodom Sihanouk chơi « saxophone », hoặc ngân tiếng hát ca, tài-tử mà thật chẳng kém nhà nghệ... Đôi khi, ông còn đề-nghị « quận-chúa Monique » (bà vợ của ông h ện thời) cũng lên trình-diễn ..

Một năm trời lụt, mất mùa. Chánh-phủ tổ-chức lạc-quyên. Ngoài những tặng-phẩm và ngân-khoản của ông gửi tới, khi với tư-cách cá-nhân, khi nhận-



Sihanouk đích thân dọn cơm để các vị sư dùng bữa
và đứng nói chuyện suốt bữa ăn để tỏ lòng tôn kính.



Dân chúng quì gối mỗi khi Sihanouk tới tiếp xúc với họ

danh là Quốc-trưởng, Norodom Sihanouk còn góp phần một cách thật tận-kỳ... Ông viết kịch, ông diễn kịch cùng với bà vợ cũng lên sân khấu... Kịch diễn bằng tiếng Pháp. Các ngoại-kiều, các nhân-viên ngoại-giao, các nhân-vật địa-phương, các sinh-viên nam nữ .. đổ xô đi coi như nước chảy... Vé bán hết từ một tuần-lễ trước, khiến về sau người ta phải thương-lượng nhường vé cho nhau, và yêu-cầu diễn thêm buổi phụ... Tôi phải công-nhận Norodom Sihanouk có tài viết kịch và diễn kịch. Có lẽ vì diễn kịch ngoài đời quá quen, nên ông đã dễ-dàng thành-công trong hi-viện... Đời sống quân-vương, quốc-trưởng, chánh-khách của ông, chẳng đã là một vở trường-kịch rồi sao ?

Ông khuyến-khích phong-trào thể-thao. Đó là một ý-kiến hay, nhưng ông đi quá đà nên đã bị nhiều người chỉ-trích là lỗ-lãng, độc-tài, vô-lý... Ông muốn ai cũng phải chơi một thứ gì, cùng với ông, hay với nhau để ông làm trọng-tài hay thưởng-thức... Chúng ta hãy tưởng-tượng một trận túc-cầu, thủ-môn là Thủ-tướng hay Chủ-tịch Thượng/Hạ-viện, các cầu-thủ là những nhân-vật hữu danh của chế-độ, Tổng-Trưởng, Hoàng-thân, Nghị-sĩ... có vị tuổi đã trên dưới 60, chạy không nổi, đá không trúng, luôn luôn té xấp hay đá hụt, và luôn luôn làm trò cười cho khán-giả...

Có người điều-cột kêu ông là «xướng ca», là «thầy tuồng», là gì gì nữa... Là gì đi nữa, thì ông vẫn đặc biệt ở chỗ vô - thường và uyển-chuyển. Quân-vương đó, «xướng ca» đó, rồi lại quân-vương ngay đó, một cách tự - nhiên, chẳng cần đến trung gian, chuyển-tiếp... Có lần, tại Hoàng - cung, một buổi tiếp-tân do Hoàng Thái-hậu khoản-đãi và chủ-tọa, Norodom Sihanouk có tham dự... Hoàng Thái-hậu già yếu

nên chỉ chủ-tọa đến hết bữa tiệc, còn cuộc vui tiếp-diễn đến nửa đêm, gần sáng, có nhạc và có vũ. Cả Monique và Norodom Sihanouk cùng ca hát góp vui, không-khí tưng-bừng cởi-mở. Cuộc vui đến giờ bế-mạc. Norodom Sihanouk tuyên-bố thật trang-nghiêm :

— Thừa quý - vị, Hoàng-Thái-hậu cho phép quý vị trở lại nhà... (Excellences, Sa Majesté la Reine vous autorise à vous retirer...)

Trên đây có kể đã có lần Quốc-vương Norodom Sihanouk ngỏ ý được hội - kiến với Tổng - thống Vincent Auriol nhưng Tổng - thống Vincent Auriol từ-chối. (Dạo đó, bang-giao Pháp-Miên đang gặp cơn khủng-hoảng...) Nhiều năm sau, Vincent Auriol không còn làm Tổng-thống, có dịp công-du Viễn-Đông với tư-cách là Chủ-tịch danh-dự Hội Cựu Chiến-binh thế-giới (nếu tôi nhớ không lầm). Vincent Auriol ghé Cam-bốt, trên đường về. Sứ-quán Pháp báo tin và dàn-xếp cuộc hội-kiến giữa Vincent Auriol và Norodom Sihanouk. Nhân-viên phụ-trách chỉ lo Norodom Sihanouk nhớ lại chuyện xưa, trả đũa, khước từ, thì thật lập biên toái. Norodom Sihanouk quả có nhắc lại chuyện xưa, nhưng không phải để oán-hận, mà là để vui cười. Rồi nguyên Quốc-vương Norodom Sihanouk đón - tiếp nguyên Tổng - thống Vincent Auriol rất mực đàng hoàng.

Một hôm, nói chuyện, tôi vô tình nhắc đến ô. Nguyễn-Hữu-Châu, trước đây cùng học trường Chasseloup-Laubat với Norodom Sihanouk.

— Ô. Nguyễn-hữu-Châu là bạn cùng lớp với Thái-tử ?

Norodom Sihanouk đáp :

— Đâu có ! Ô. Nguyễn-Hữu-Châu là đàn anh của tôi. Tôi có thể nói : Ông là bậc thầy; tôi có bài vở không hiểu, vẫn phải đến nhờ chỉ bảo...

Lời nói thật ân-tình, nhũn-nhặn.

(Về sau, tôi được biết chính Norodom Sihanouk đã giúp ô. Nguyễn-Hữu-Châu giấy tờ đi Pháp, và bảo-trợ ông dự thi Thạc-sĩ Kinh-tế với mục-đích sẽ mời về dạy tại Trường Luật-khoa Đại-Học Phnom-Penh. Ô. Nguyễn-Hữu-Châu có đậu Thạc-sĩ Kinh-tế, nhưng vấn-đề về dạy tại Luật-khoa Đại-học Phnom-Penh không thành vì lý-do nội-bộ Cam-bốt...)

Đối với ngoại-giao đoàn đôi khi ông thật "đáng ghét", đôi khi khác lại có những cử-chỉ, tuy không đâu, nhưng thật "dễ thương". Nông-trại của chánh-phủ sản xuất dâu hay dưa, ông cho gửi biếu mỗi người mấy hộp, hay mấy trái, Ông đi công-du hay chữa bệnh về, đôi khi không quên mua tặng mỗi vị Đại-sứ và phu-ahân, một chiếc «cravate» và một lọ nước hoa. Có thể của một đồng, nhưng công một nén, còn mỹ-ý thì biết lấy gì đo-lường cho được?...

Tinh-cách cảm-kích đó ý-nhị, không phải chỉ biểu-lộ trong hoàn-cảnh bình-thường, mà còn ngay cả trong trường-hợp hai nước đoạn-giao.

Cuối năm 1968, Chánh-phủ Liên-bang Đức-quốc (Tây-Đức) đóng cửa Đại-sứ-quán tại Phnom-Penh, vì Cam-bốt chấp-thuận nâng Tòa Đại-diện Đông-Đức lên hàng Đại-sứ-quán. Norodom Sihanouk ghi-nhận sự-kiện, nhưng không quên khoản-đãi, đưa tiễn Đại-sứ Liên-bang Đức-quốc (Tây Đức) thật long-trọng. Norodom Sihanouk gửi thư riêng cho Đại-sứ Gerd Berendonck, lời-lẽ tha-thiết nồng-nàn :

..... (1)

«Đối với ông Đại-sứ, tôi không che đậy sự buồn-phiền và nỗi thất-vọng của tôi trước thái độ của các nhà lãnh-đạo Liên-bang Đức-quốc, Liên-bang Đức - quốc mà chúng tôi

rất đối ngưỡng - mộ và kính-trọng. Tôi muốn tin rằng một ngày kia quý-quốc sẽ trả lại cho chúng tôi tất cả những gì mà chúng tôi nhớ tiếc ở quý-quốc : ấy là lòng quý-mến và tình hữu-nghị. Lúc đó, những mối tương-quan lương-bảo nhất sẽ lại nảy-nở giữa hai quốc gia chúng ta. Dù sao, sự biết ơn của chúng tôi đối với quý-quốc là một điều dĩ-nhiên và vô-tận.

Ký tên : NORODOM SIHANOUK.

Năm 1963, sau vụ khủng-hoảng tôn-giáo tại Việt-Nam, Cam-bốt đoạn-giao với Việt-Nam. Norodom Sihanouk chỉ-thị và lưu-ý Bộ Ngoại-giao : cuộc tiễn đưa tôi phải được đàng-hoàng đúng mức. Rồi ông không quên gửi cho tôi một bức thư riêng :

« (2)

« Xin ông tin cho rằng tôi là người đầu tiên ân-hận vì những biến-chuyển bi-đát đã đưa đến tình-trạng đoạn-giao chánh trị giữa hai nước chúng ta. Tuy nhiên, chúng tôi hy-vọng rất gần đây,

(1).— . . . 1967

Je ne vous cache pas ma tristesse et ma déception devant l'attitude des dirigeants de cette Allemagne Fédérale pour laquelle nous éprouvions admiration et respect... Je veux croire qu'un jour viendra où l'Allemagne Fédérale nous rendra tout ce que nous regrettons d'elle : son estime et son amitié. Alors les meilleures relations possibles renaîtront entre nos deux pays. Notre gratitude, en tout cas, lui est pour toujours acquise.

(2) . . . 1963.

Soyez assuré que, le premier, je regrette que de tragiques événements aient provoqué une rupture des relations politiques entre nos deux pays. Nous avons cependant l'espoir que très vite rien ne s'opposera plus à leur rétablissement et au développement d'une coopération amicale que l'histoire et la raison nous imposent. A cette occasion je tiens à vous assurer de ma très haute estime et à rendre hommage à vos efforts pour faire naître un climat de paix et d'amitié entre votre pays et le nôtre.

sẽ không còn gì ngăn-trở nền bang-giao đó được tái-lập, và sự cộng-tác thân-hữu được phát triển đáp-ứng với đòi-hỏi của lịch-sử và lý-trí. Nhân dịp, tôi tha thiết mong ông nhận nơi đây lòng quý-mến cao-độ của tôi, và lời ca-ngợi những cố gắng của ông nhằm tạo một bầu không-khí thái-bình hữu-ngệ giữa quý-quốc và quốc-gia chúng tôi...

Ký tên : « NORODOM SIHANOUK »

(Cuối năm 1963, sau cuộc cách-mệnh, tôi trở lại Phnom Penh công-cán, và quan-sát tình-hình cùng khả-năng tái-lập bang-giao. Đơn xin chiếu-khán nhập-nội được chánh-phủ Cam-bốt trả lời : chiếu-khán thường-trực trước đây của tôi vẫn còn hiệu-lực ; và chánh-giới Cam-bốt coi tôi như một phần-tử bạn, tín-đồ trung-thành và cương-quyết của tình giao-hảo giữa hai dân-tộc. Tôi tới Phnom-Penh hôm trước thì hôm sau từ Saigon, không biết vô-tình hay hữu-ý, một hãng thông-tấn ngoại-quốc loan tin, và tin đó được nhiều báo Việt-ngữ đăng tải : « Tại Phnom-Penh có đảo-chánh, Norodom Sihanouk bị hạ bệ, đang bị cầm tù ! »... Mấy ngày sau, tôi ra phi-trường trở về Saigon. Hành-lý của tôi bị khám-xét tỉ-mỉ như chưa bao giờ xảy ra... Cho đến ngày nay, nhớ lại chuyện xưa, tôi vẫn không hiểu "tin" trên đây được tung ra "hợp thời" như vậy, là do sự tình-cờ hay có sắp đặt trước ? Và vì dụng-ý gì ?)

Norodom Sihanouk rất có hiếu với mẹ. Đối với ông, Hoàng Thái-hậu Kos-samak là tất cả. Ông lễ-phép, kính-cần, nhỏ nhẹ thưa gửi. Ông chiều ý mẹ từng li từng tí. Có lẽ cả đời ông, chỉ có một vấn-đề bà mẹ hiền không tán-thành, mà ông vẫn làm... Đó là vấn-đề bà vợ duyên - dáng Monique... cha người Ý mẹ người Miên lai Việt..., mà Hoàng-gia cho là bất-xứng...

Đối với các bà vợ cũ, ông chu-cấp hay gây-dựng, tùy trường-hợp đương-sự muốn an-phận hay làm lại cuộc đời. Có lần, một buổi lễ tân-kỳ được tổ-chức tại Phnom-Penh : một thiếu phụ trước đây đã cùng ông chung chăn gối nay được ông làm chủ-hôn long-trọng tuyên bố kết-hợp với một Đại-tá trong quân-đội Hoàng-gia. Thiếu-phụ và ông trước đây là nghĩa phu thê. Ngày nay cầm sắt đời ra cầm kỳ, ông lại thủ vai trò « quân-vương, chủ-tế », còn thiếu-phụ và tân-lang cùng hân-hoan đóng vai trò « thần-tử trung-kiết ». Thật là mộng mà đời, chân mà vẫn ảo...

Một số người sống gần ông cho biết : ông nhiều khi mất thăng bằng, vui cười đó rồi lại gắt-gỏng đó, thịnh-nộ đó rồi lại hân-hoan ngay đó, làm ai nấy mệt-mỏi và không ai lường trước được thái-độ hay phản-ứng.

Bởi vậy, bên một số cử-chỉ khả-ái nên thơ đã ghi trên đây, chúng ta không thể hiểu một số tác-phong khác của ông. Không thể hiểu, nhưng chẳng ngạc-nhiên.

Nhân một chuyến công-du Thái-lan, ông được Quốc-vương tặng huy-chương, một trường Đại-học tặng hàm Tiến-sĩ danh-dự. Thế rồi Cam-bốt và Thái-lan đoạn-giao. Nhân một cơn tức-bực vì chuyện gì không biết, ông chỉ-thị cho đem trả lại chánh-phủ Thái-lan tất cả huy-chương, văn-bằng và mũ áo !

Có lần, tôi không nhớ có một quốc-gia nào đoạn-giao với Cam-bốt. Norodom Sihanouk nhận tin đã bình-luận một cách không ngờ : « Thôi, thế cũng xong, càng đỡ tiền mất công gửi điện-tin chúc mừng và cảm ơn, hàng năm, nhân các ngày quốc-khánh... »

Năm 1963, Thủ-tướng Thái-lan Sarit

Thanarat qua đời, các Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm và J. F. Kennedy bị ám-sát, Norodom Sihanouk hân-hoan ra mặt. Sự hân-hoan đó được biểu-hiện bằng mọi thủ-tục, diễn-tả dưới mọi hình-thức... Từ cho cá: tiê em nghỉ học, các nhân-viên mang bông hồng trên ve áo, đối với cố Thủ-tướng Sarit Thanarat, đến các cử-chỉ mãn-nguyên tâm-thương khác, đối với các cố Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm và J.K. Kennedy.. Một thái-độ như vậy, thiên-nghi thật thiếu nhân-đạo, trưởng-thành và chánh-trị. Quan-niệm như vậy không phù-hợp ngay với đạo Phật từ-bi vốn-dĩ là quốc-giáo của Vương-quốc Cam-bốt...

Đối với cố Tổng-thống J.F. Kennedy như vậy, nhưng sau này, năm 1967, ông lại đơn-tiếp bà sương-phụ Jacqueline Kennedy huy-hoàng trọng-thề, như đối với một bà Hoàng, một vị quốc-khách. Có người cho rằng ông mến-cảm tài-sắc của khách. Lại có người cho rằng mặc-dù Cam-bốt và Hoa-kỳ đoạn-giao, và theo ý ông cố Tổng-thống J.F. Kennedy đối với ông không tốt, nhưng ông vẫn phân-biệt cá-nhân và chánh-trị... Ấu đó cũng là một phương-thức đặc biệt «án trả oán đên», tinh-vi và tế-nhi. Cũng như trước đây, Tổng-thống Vincent Auriol không tiếp ông, nhưng khi «nguyên Tổng-thống Vincent Auriol» qua Cam-bốt vẫn được «nguyên Quốc-vương đương-kim Quốc-trưởng» tiếp-đón trọng thề như thường.

Norodom Sihanouk rất nhũn-nhặn mà cũng rất kiêu-căng, với những mặc-cảm trái-ngược, đôi khi thật mung-lung phức-tạp. Ông tự cho mình là một vị nhân do thiên-định. Nhưng có khi ông lại mỉa-mai châm-biếm :

— Vì tôi là Hoàng-tử nên đã làm

Vua. Tôi đâu có được học nhiều như các vị khoa-cử... Nếu là thường-dân, có lẽ tôi chỉ làm tùy-phái ..

Ông làm Vua, rồi ông bỏ nị-đi. Ông không là Vua, nhưng muốn mọi người vẫn coi như Vua, mà có lẽ còn hơn Vua nữa. Giấy viết thư của ông có in huy-hiệu Hoàng-gia, với hình lọng vàng và ánh sáng. Tôn-chỉ ông nêu lên để ai nấy tuân theo, là «Quốc-gia, Tôn-giáo, Quốc-vương». Danh-hiệu của ông là :

Samdech Preah

Norodom Sihanouk Upayuvareach
Chef de l'Etat du Cambodge

Samdech Preah là tước-vị triều-đình. Upayuvareach là Cựu - hoàng, hay nguyên Quốc-vương.

Ông không làm Vua, nhưng ngôi cho cha, nhưng ông lại bồng-bột vô-tình tuyên-bố một cách phạm-thương : ông muốn sống gần dân, để dễ hiểu các nhu-cầu của dân, hơn là làm Vua, một chức-vị vô-quyền, hữu-danh vô-thực ..

Cũng như có lần, tại một quốc-gia, một nhân-vật được cử làm Thủ-tướng, ông cho nhân vật đó không xứng-đáng. nên không ngần ngại bình-phẩm, chú-thích ngay dưới tấm hình đăng trên báo La dépêche du Cambodge :

— Çà ? Un Premier Ministre ? !..

(Xin tạm dịch : lỗ-bịch thế này mà cũng làm Thủ-tướng sao !)

Ông là nam-nhi, mà lắm khi vẫn có nữ-tính. Ông muốn ai cũng phải đề ý đến ông. Ông thích tuyên-bố, đôi khi thật đại-dột. Ông thích được van xin, cầu khẩn, như một cô gái đẹp... Trước đây, cứ mỗi lần có chuyện bất-bình, là ông lại đe-dọa từ-chức. Thế rồi lưỡng-viện họp bàn,

đồng - thanh cầu xin ông trở lại. Giả như một lần nào trước đây, ông từ-chức mà rồi lưỡng-viện không họp-bàn, không cầu cầu ông trở lại, có lẽ ông có thể ra đi mà đỡ được phần nào sầu tủi... Đáng rày, ông không từ-chức, ông còn đang lưu-luyến quyền-hành, lưỡng-viện bỗng dưng họp bàn rồi đồng-thanh truất-phế ông! Ông cho một hành-động khi-quân và « phụ-tình » như thế, không thể nào có được...

Ông tuyên-bố ông đã « thuộc về di-vãng », ông « không tha-thiết gì trở lại chức-vị Quốc-trưởng ». Rồi ông lại hô-hào « đoan kết ra khu đề chiến-đấu lật đổ chánh-phủ phản-bội... » Ông cho rằng « xuất đời ông, ông sẽ không quên sự phản-bội này, nó làm ông vô-cùng đau-đớn... » Ông cho biết « một khi chiến đấu thành-công, ông sẽ lại từ-bỏ chức-vị Quốc-trưởng mà ông không còn tha - thiết... » Ông nhiều nữ - tính. Ông là người đẹp. Ông muốn có sáng-kiến của cuộc chia-ly đoan - tuyệt hơn là bị người tình-đuồng bỏ! Ông hy-vọng, nhưng ngay trong hy-vọng, dường như ông đã cảm thấy mọi tuyệt-vọng! Mất ngôi báu vì nạn ngoại-xâm, còn có cơ cứu-vãn. Mất ngôi báu vì chính thần-dân của mình truất-phế mình, vãn-hồi đâu có phải chuyện dễ-dàng? Ông ngậm-ngùi, vì những thần-tử của ông đã bồi nhọ ông và dìm ông xuống bùn như. Ở nơi xa-xôi, đất khách quê người hay tha hương trong xứ sở, được tin đường phố cũ

mang tên ông nay đã hạ biên; hải-cảng Sihanoukville từ nay sẽ lấy lại tên cũ Kompong-Som; và nền quân-chủ đã đến lúc cáo-chung.. Chắc ông phải mỉm cười chua xót...

Nhưng ông có thể tự an-ủi : thì bất cứ nơi đâu và sau cuộc đảo-chánh nào mà người cũ chẳng mang tiếng là « bất lực tham-tàn », và « người mới » chẳng trở nên « anh-hùng dân-tộc » ?

oOo

Trên đây là chân dung trung-thực của ông Hoàng Norodom Sihanouk.

Norodom Sihanouk đang là học-sinh Người Pháp đưa ông lên ngôi Vua, khiến ông từ ngoài đời đi vào cõi mộng. Có ngai vua mà không hẳn là vua, (vì làm vua một nước bị trị, đâu có quyền-hành gì đáng kể?) Về sau, bỏ ngai vua để làm Thủ-tướng hay Quốc-trưởng : ông lại làm vua mà chẳng cần ngai.

Ông thường tuyên-bố : nếu cuối thế-kỷ trước không có Pháp can-thiệp, có lẽ Việt-Nam và Thái-lan đã chia xong lãnh - thổ Cam-bốt ; Việt - Nam và Thái-lan lân - bang đã có sông Mékong làm ranh giới! Ông buồn-phiền mặc-cảm khi nhớ lại kỷ nguyên oanh-liệt của đế-quốc Angkor. Ông đóng phim để sống lại thời-đại huy-hoàng đó. Về ông tuyên-bố, yêu-cầu, lưu-ý các ký-giả ngoại-quốc đừng kêu nước ông là một « nước bé nhỏ » (petit pays) ; nhấn mạnh Cam-bốt « đoan-giao » với Hoa-kỳ

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

HN. 753/BTT/CCDP/16.4.40

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

không phải vì áp-lực của Trung-Cộng, mà vì quốc-thể...

Trong suốt thời-gian có ngai mà không làm vua (theo nội-dung đầy-đủ của danh-từ), hay làm vua mà chẳng cần ngai, ông luôn luôn tưởng-nhớ quá-khứ, và ông mơ tìm hết cách để tự giải-thoát ra ngoài những khung-cảnh bé nhỏ của hiện-tại. Ông đã từ đời vào mộng, thì nay ông lại đem mộng vào đời. Mà có lẽ khi «đóng kịch» hay «đóng phim», ông còn cảm thấy có quyền-hành hơn và trò chơi hấp-dẫn hơn khi thực-sự sống đời vương-giả.

Ngày nay, chắc ông được rộng-rãi thời-giờ, để hoạt-động theo sở-thích...

Tùy ông quan-niệm và hoài-bão, ông có thể viết sách, đóng phim, hay diễn kịch. Diễn kịch theo nghĩa đen, trên một sân khấu bé nhỏ, kích-thước bình-thường như ở hí-viện Preah Bat Suramarit bên bờ ngã ba sông Cửu-long tại Nam-Vang. Hay diễn kịch theo nghĩa bóng, trên một sân khấu vĩ-đại, với những «phông-cảnh» bao-chùm từ

Nam-vang tới Bắc - Kinh, qua Mạc-tur-khoa và Hà-nội...

Đôi khi, chắc ông cũng không quên suy-ngẫm về thế-sự thăng-trầm, về sao rời vật đổi, mỗi khi ngày rộng tháng dài cho phép ông được từu hậu trà dư. Thiên-nghĩ sớm muộn, ông sẽ tìm thấy an-ủi, trong câu viết dưới đây của Oscar Wilde, mà tôi tin là rất hợp ý ông :

«Thà được biết những ngọn núi cao nhất và những đáy vực sâu nhất, hoặc bất cứ cái gì, còn hơn là một cuộc sống âm-đạm tầm-thường...» (1)

Không ! Norodom Sihanouk không phải là một bậc vĩ-nhân. Ông cũng không phải là một kẻ tiểu-nhân. Mà lại càng không phải là một thường-nhân.

Ông là một dị-nhân của thời-đại, không hơn không kém, với tất cả ưu và nhược điểm của danh-từ...

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

8-4-1970.

(1). — OSCAR WILDE : «J aimerais mieux connaitre les plus grands sommets et les asimes es plus profonds, n'importe quoi, plutôt qu'une morne existence moyenne».

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THUỐC BÒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỒ CƠ THỂ

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Park Lane

Park Lane

VIRGINIA
KING SIZE

Là nơi đến được
khi tặng nhau:

ĐẦU LỘC

M.C. CHOLON

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Đàn bà nổi loạn

Trong lịch sử nhân loại, đàn bà là giai cấp bị đè nén sớm nhất và lâu nhất. Ngay từ thuở khai thiên lập địa, đàn bà đã không được Thượng-đế coi là một thực-thể riêng biệt mà chỉ được coi là một mảnh sương sườn rút ra từ đàn ông. Và từ đó cho đến nay trải qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử đàn bà vẫn chỉ có một vai trò thứ yếu trong xã-hội. Lịch-sử nhân-loại phần lớn do đàn ông quyết định và ngay đến cả hoài bão của nhân-loại cũng do đàn ông gây dựng. Đàn bà chỉ được làm những cái mà đàn ông muốn họ làm. Nữ-tiểu-thuyết-gia Agatha Christie đã có lần đứng về quan-niệm của phái yếu định nghĩa: «Tự do là quyền làm bất cứ cái gì mà xã hội và luật pháp không cấm, miễn là túi tiền và đức ông chồng cho phép».

Nhưng đàn bà không phải luôn luôn chịu nhẫn nhục nhận cái «tự do» đó. Họ luôn luôn vùng lên chống lại ách thống trị của đàn ông. Bởi vậy lịch-sử tiến-hóa của nhân loại cũng là lịch sử của những cuộc chiến tranh khi nóng khi lạnh (nhưng phần nhiều là ấm) trong đó đàn bà đã sử dụng những chiến thuật muôn hình vạn trạng để giành lấy phần thắng. Võ khí đầu tiên, theo thần thoại Tây-phương, chính là trái cấm mà E-và đã tặng ông A-dong khiến cho hai người đều phải đẩy xuống hạ-giới. Ông A-dong vì cả nghe nên bị mắc lõm uất ức

nghe ngào không nuốt trôi được trái táo. Và cho tới ngày nay trái táo vẫn còn lại ở cổ, nhô lên thụt xuống như nhắc nhở bọn tu mi nam tử nhớ đến trận thảm bại đầu tiên trong cuộc chiến tranh nam nữ. Đó là huyền thoại. Trong lịch sử không thiếu gì cuộc nổi loạn trong đó đàn bà, mỗi khi vùng dậy, đã làm cho đối phương không khuynh gia bại sản thì cũng thân bại danh liệt. Nhưng đó mới chỉ là những chiến thắng lẻ tẻ. Tuy vẻ vang nhưng không làm thay đổi ngôi thứ trong tương quan nam nữ. Mãi cho tới cuối thế kỷ 19 đàn bà trong xã hội vẫn còn phải giữ vai trò khiêm tốn: phục vụ đàn ông và tề gia nội trợ. Đầu thế kỷ 20 đàn bà tại Anh và Mỹ mới liên kết lại thành một phong trào đòi bình đẳng bình quyền với đàn ông. Cuộc tranh đấu có mặt trận hẳn hoi đưa đến kết quả đáng kể là đàn bà được quyền bỏ phiếu, được quyền đi xe đạp và nhất là bắt đầu được... hút thuốc lá. Nhưng quyền bỏ phiếu trở thành vô nghĩa khi mà đàn bà vẫn chưa chiếm được ưu thế về chính trị cũng như kinh tế. Các chính-trị-gia và chính-khách phần lớn vẫn còn thuộc thành phần đàn ông. Trên bình-diện kinh-tế đàn bà vẫn chưa được trả lương bằng đàn ông và vẫn chưa được giao phó những trách nhiệm quan trọng mà xã-hội vẫn có thành kiến là «chỉ đàn ông mới đủ tư cách» đảm đương.

Đàn bà vùng lên

Trước những bất công truyền kiếp đó đàn bà đã nhận thấy rằng những chiến thắng lẻ tẻ của một thiểu số phụ nữ không thể lay chuyển được cái thành-kiến hủ-lậu đế-quốc của bọn đàn ông ích kỷ và thiển cận. Họ phải hiệp nhau lại, tổ chức thành đoàn-thể, mở những cuộc tranh đấu để giành quyền bình-đẳng hơn nữa. Tại Mỹ các đoàn-thể giải-phóng phụ-nữ đã mọc lên như nấm mang những danh hiệu đầy sát khí như SALT (Sisters All Learning Together) hay WITCH (Women's International Terrorist Conspiracy from Hell). Tất cả đều tỏ thái độ quyết liệt và nếu cần, có thể dùng các phương tiện bạo động để giành quyền bình-đẳng thực sự. Tại Anh, nơi có truyền thống phụ nữ tranh đấu giai giằng nhất các đoàn-thể phụ nữ, cũng đang ráo riết hoạt động. Và tại Pháp, nhà nữ xã-hội-học, bà Evelyne Sullerot, cũng tiên đoán là thập-niên 1970 sẽ đánh dấu cuộc tranh đấu thắng lợi giành giải phóng của đàn bà con gái...

Mục đích đầu tiên của các tổ chức nói trên là đánh đổ những thành-kiến cố hữu về vai trò đàn bà trong xã hội. Họ muốn tỏ ra rằng họ không phải là «đồ chơi» của đàn ông. Khi còn nhỏ không phải là chỉ được quyền chơi búp-bê và khi lớn lên không phải chỉ có một việc là tô son đẽm phấn và kiếm lấy một ông chồng tốt. Trong xã-hội hiện nay, phần lớn đàn bà chỉ được làm những việc mà xã-hội cho là «hợp khả-năng» như thư-ký, dạy học, nữ điều-dưỡng... Đôi khi mới có người trở thành luật-sư, bác-sĩ, kỹ sư hay giữ chức-vụ chỉ-huy. Nhưng những người đó lại bị coi là khác thường, kỳ quái và

«như đàn ông». Hơn thế nữa, trong các công sở, lương của đàn bà thường kém lương của đàn ông làm cùng một việc, chỉ vì năng-suất của đàn bà đương nhiên bị coi là kém đàn ông. Đối với xã-hội đàn bà không có một thực-thể riêng biệt. Ngay khi lập gia-đình tên riêng của họ cũng mất đi và họ được thay bằng tên chồng hay tên con.

Không có một lãnh vực nào mà đàn bà lại bị khai thác triệt để và sống sượng bằng trong lãnh vực quảng cáo thương mại. Từ mục quảng-cáo xe máy dầu đến ngành bán trái cây, bán thịt bò, thịt heo, hình ảnh của đàn bà, như một «đồ chơi», đều được ngheo nghện đưa ra để lôi cuốn thị - hiếu của quần chúng. Nếu giai-cấp lao-động thường được coi là giai cấp bị bóc lột, thì giai cấp đàn bà lại còn bị bóc lột nhiều hơn gấp bội. Kết quả là đàn bà chẳng còn cái gì để được đứng ngang hàng với phái đối-lập. Các đoàn-thể phụ-nữ giải phóng cho rằng phải chấm dứt cái hình-thức tranh - đấu nằm yên chịu trận hiện tại để tích cực hoạt động hơn. Tại Mỹ, những tạp-chí tranh-đấu đã nhan nhản xuất hiện với những tên như *No More Fun* (Không còn là Đồ chơi) hoặc *Tooth and Nail* (Cắn Xé) chủ trương bênh vực quyền lợi cho nữ giới. Các bà lãnh đạo các phong trào cũng áp-dụng những tác phong cách mạng : không trang-điểm, không cạo lông chân, không khiến đàn ông châm thuốc lá, mở cửa và nhường chỗ ngồi.

Theo họ những hình thức đặc quyền giả-tạo đó là do bọn đàn ông quý quyết đưa ra để che dấu cái mặc-cảm tự-tôn của họ đối với phụ nữ. Những cuộc tranh đấu nhiều khi cũng có tính cách bạo động và cũng có những kẻ tử vi đạo. Điển-hình là nữ anh hùng Jeanne D'Arc bị thiêu sống. Hai Bà Trưng bị bức tử

My-nương bị chết chém. Đầu thế-kỷ 20, khi phong trào đòi quyền bầu cử lan mạnh, đàn bà cũng bị đàn áp. Nhưng ở thời văn-minh nên các ông cảnh sát chỉ... ôm các bà biểu tình bỏ vào xe chứ không đánh đập, dù chỉ bằng một đóa hoa hồng. Nhưng gần đây, ngay tại Mỹ, bọn đàn ông quý quái đã dám nắm mồm một bà nạ-dòng đầy ra khi bà ta biểu tình đòi vào ăn tại một quán chỉ dành cho đàn ông. Tệ hại hơn nữa, khi nội vụ được đem ra công-lý mấy nhà luật-pháp, cũng là đàn ông, dám coi đó là trò đùa, cười xí xóa rồi xử hòa.

Cái thái độ khinh khi ngạo mạn đó lại còn được thể-hiện qua những cách xưng hô giữa đàn ông và đàn bà nữa. Các bà cho rằng đàn ông không có quyền huýt sáo, bốt bốt đàn bà và nhất là không được kêu họ là «em» rồi xưng «anh» vì như vậy đương nhiên coi họ là bề dưới không đáng kính trọng. Để chống lại cái thái độ ngạo mạn, xác láo đó, các đoàn thể giải-phóng phụ-nữ Mỹ khuyên đàn bà nên học võ. Chỉ những cú *karate* như trời giáng mới cho bọn ông mất cái thói tự-tôn mặc cảm. Không những thế, theo Robin Morgan, một trong những bà lãnh đạo phong trào, học võ còn khiến cho cơ thể đàn bà rắn chắc hơn, và do đó trở nên tự tin hơn, không còn cảm thấy cần sự che chở của đàn ông nữa. Theo phái giải phóng, học võ lại còn là một võ-khí chính-trị nữa. Bởi vì những vụ hà hiếp, hoặc về thể-xác hoặc về tinh thần, đều bắt nguồn từ thái-độ thống-trị của bọn đàn ông coi đàn bà là kẻ nô-lệ, phải chịu cho đàn ông làm bất cứ cái gì mà họ muốn vào bất cứ lúc nào mà họ thích. Những đòn *karate* sẽ giúp phụ nữ đẩy lui được những vụ hà hiếp và do đó sẽ khiến cho đàn ông bỏ cái thói hống hách của kẻ thống-trị.

Freud, tên đàn ông phản động

Các phong trào giải phóng phụ nữ không chỉ giới hạn hoạt động trong các lãnh vực chính-trị hoặc xã-hội. Họ lại còn hướng mũi dùi đả kích vào các thành kiến của đàn ông đối với đàn bà trong lãnh vực tình dục nữa. Những vấn đề như nổi bực mình về tình dục, sự không thỏa-mãn khi giao-hợp và những tình trạng thiếu khả năng của đàn ông là những đề-tài được đem ra thảo luận sôi nổi trong các buổi hội thảo của các đoàn thể phụ nữ giải phóng. Các bà lãnh đạo cực lực phản kháng quan niệm lệch lạc của bọn đàn ông cho rằng các hội viên hoạt động tích cực cho phong trào đều là bọn đàn bà bất mãn về tình dục. Bọn đàn ông cho rằng chỉ cần cho bọn đàn bà đó một cuộc phiêu lưu tình dục thần sầu quý khốc là bao nhiêu những bất mãn, hằn học và tinh thần tranh đấu của phong trào sẽ tiêu tan. Các bà lãnh đạo phong trào phụ nữ cho rằng đó là những tư tưởng lệch lạc sai lầm dựa trên căn bản tâm-sinh-lý cũng sai lầm mà Freud (tức là đàn ông) đã đưa ra. Các đoàn thể phụ nữ giải phóng tại Anh đã đả kích nặng nề cái lý thuyết mà Freud gọi là «lòng ghen tị vì không có dương vật» của đàn bà (Freud's Theory of Penis Envy) các bà ở Anh tuyên bố là: «Rồi có ngày các ông sẽ thấy rõ là không phải chúng tôi ghen tị với dương vật của đàn ông mà là chúng tôi ghen tị với cái tự do của đàn ông.» Trong một buổi hội thảo của Liên đoàn Phụ-nữ Orford, một hội viên đã lớn tiếng cổ võ các biện pháp mạnh mẽ «phá tan cái huyền-thoại về vai trò thụ động của phụ nữ». Các hội viên lại còn trưng những biểu ngữ phản đối quan điểm của Freud về đàn bà như «Phalluses are Fascist» (tạm dịch :

« Dương vật là Ôm vật ») và « End penal servitude » (tạm dịch : « Hãy thôi làm bộ hạ cho hạ bộ »).

Đàn bà hoài-bão

Nhưng không phải các đoàn thể giải phóng phụ nữ chỉ đập phá gào thét và phản kháng xuống. Họ cũng đưa ra một chương trình cải tổ và những yêu-sách rõ-rệt. Họ muốn rằng tất cả những phụ nữ thế-giới phải có một tư thế ít ra là bằng các phụ nữ Thụy-điền ngày nay. Phụ nữ Thụy-điền đã sớm thức tỉnh hơn và sau trên mười năm tranh đấu họ đã được nhiều thực quyền hơn là các chị em ở nước khác. Tại Thụy-điền phụ nữ nắm 14 phần trăm số ghế tại Quốc-hội và giữ hai bộ trong nội-các. Đàn bà Thụy-điền lái tắc-xi, lái xe buýt, điều khiển cần tực hạng nặng. Đàn ông Thụy-điền phải có nhiệm vụ nuôi con và khi ly dị đàn bà không nhận tiền trợ cấp của đàn ông. Cả đàn ông lẫn đàn bà đều phải bắt buộc theo học những lớp bách-nghệ như khâu vá, nuôi trẻ, nấu nướng và các ngành kỹ-nghệ như luyện kim, làm thủy tinh v.v... Hệ thống thuế khóa mới bỏ buộc đàn bà phải đi làm mới đủ tiền chi tiêu cho gia đình. Chính phủ đã bắt đầu lập trung-tâm ký-nhi để cho đàn bà khỏi phải bận tâm về việc nuôi con và có thể hoạt động tích cực trong các lãnh vực khác của xã hội : Chính phủ lại còn cho viết lại các sách giáo-khoa loại bỏ những tranh ảnh, tài liệu có tính chất duy trì sự phân công lỗi thời giữa vai trò đàn ông và đàn bà.

Đàn bà và các nhà nhân-văn-học

Phong trào giải phóng phụ nữ là một hiện tượng xã-hội đang được các

nhà khoa-học, từ các khoa nhân-văn đến sinh-lý, tâm-lý-học phân tích và giải thích. Nhưng phải nhận rằng ngay trong số các nhà bác học cũng đã có sự bất đồng ý kiến về việc giải phóng phụ nữ. Đối với các triết-gia Pháp vào thế-kỷ 18, giải phóng phụ nữ và thăng tiến xã hội là hai vấn đề dính liền với nhau. Ngay từ 1792, Condorcet đã chủ trương đàn ông và đàn bà phải được bình quyền, nếu không xã hội không thể tiến hóa được. Nhưng quan niệm đó lại bị Rousseau, nhà cải tạo xã hội, cực lực phản. kháng Rousseau nhắc đi nhắc lại quan điểm cho « đàn bà sinh ra là chỉ để mua vui cho đàn ông » và do đó không thể được hưởng giáo-dục như đàn ông. Tại Anh vào thế kỷ thứ 19 cũng có một cuộc tranh luận tương tự như vậy. Năm 1869 John Stuart Mills xuất bản cuốn *Subjection of Women* (Sự lệ thuộc của phụ-nữ) chủ trương đàn ông và đàn bà phải được bình quyền về luật pháp, chính trị, xã hội và cả trong việc gia đình nữa. Trong khi đó thì Horace Walpole, một nhà văn kiêm chính trị gia cùng thời, cho đàn bà giải phóng là « giống hồ-ly mặc váy ».

Các nhà xã-hội-học hiện nay có một quan niệm quân bằng hơn. Margaret Mead, nhà nữ nhân-chủng-học, cho rằng vì thói quen và thành kiến ta thường gán cho đàn ông và đàn bà những cá tính riêng biệt, mà đáng lẽ ra những cá tính đó đều có thể hợp cả với hai phái Margaret Mead cho rằng để cho công bằng, đàn ông cũng phải làm công việc nuôi trẻ, dọn dẹp nhà cửa và đàn bà phải có quyền theo đuổi những công việc mà hiện nay vẫn chỉ dành cho đàn ông. Kinh-tế-gia Paul A. Samuelson cũng chủ trương là nếu tiền lương được trả

theo năng-suất lao động thì không có lý do gì mà đàn bà lại được ít lương hơn đàn ông, khi hai người cùng làm một việc như nhau. Ông cũng nhận xét rằng đàn bà cũng phải được thăng thưởng và nhận lãnh các chức-vụ hợp với khả năng như đàn ông. Và đứng về phương diện kinh tế, trả lương cho đàn bà bằng đàn ông sẽ không nâng cao giá thành sản xuất. Trái lại, đó sẽ là yếu-tố kích thích phát triển sản-lượng quốc gia

Hố sâu cách biệt

Tuy các nhà chuyên môn bên vực lập trường của phong trào phụ nữ giải phóng nhưng họ cũng chỉ trích phong trào vì những đòi hỏi quá khích. Đàn bà có thể làm việc như đàn ông nhưng đàn bà không thể giống như đàn ông. Các nhà tâm-sinh-lý, trong đó có cả đàn ông lẫn đàn bà, đều đồng quan điểm là đàn bà có khác đàn ông cả về sinh - lý lẫn tâm - lý. Bác sĩ Harry Harlov thí nghiệm về tình mẫu tử của loài khỉ nhận thấy con gái chơi búp-bê không phải chỉ vì cha mẹ khuyến khích chúng chơi. Bà Eleanor Maccoby, một chuyên gia về tâm lý trẻ con tại Đại-học-đường Stanford, nhấn

mạnh là trong tất cả mọi xã hội hiện hữu người ta đều thấy rằng con trai nghịch ngợm, ưa hoạt động và hay cáu giận hơn con gái. Và tình mẫu-tử ràng buộc mẹ với con cũng bắt nguồn từ nguyên nhân sinh-lý nhiều hơn là một phản ứng nhân tạo. Các nhà khoa học nhân-văn cực lực chỉ trích phong trào phụ nữ giải phóng đã đả kích và từ khước vai trò làm mẹ, làm vợ và làm tình của phụ nữ. Họ cho rằng làm như vậy các bà lãnh đạo phụ nữ đã tự coi rẻ mình, đã ôm cái mặc cảm là đàn bà thấp kém, và đã đương nhiên quan trọng hóa những cái đàn ông có mà họ không có. Bởi vì, đàn bà cũng có nhiều cái mà đàn ông không có. Vậy mà đàn ông có cảm thấy ghen tị, thấp kém đâu. Đàn bà và đàn ông có thể làm những công việc như nhau, nhưng phải công nhận là về sinh-lý và tâm-lý giữa đàn ông và đàn bà có một hố sâu bầm sinh cách biệt. Và chính cái hố sâu đó nó tô điểm cho cuộc đời của cả đàn ông lẫn đàn bà và làm cho đời đáng sống.

BẢO CHÂU

(Theo tài-liệu Newsweek)

23.3.1970

Phát-hành trên toàn-quốc cuối tháng 4 — 1970

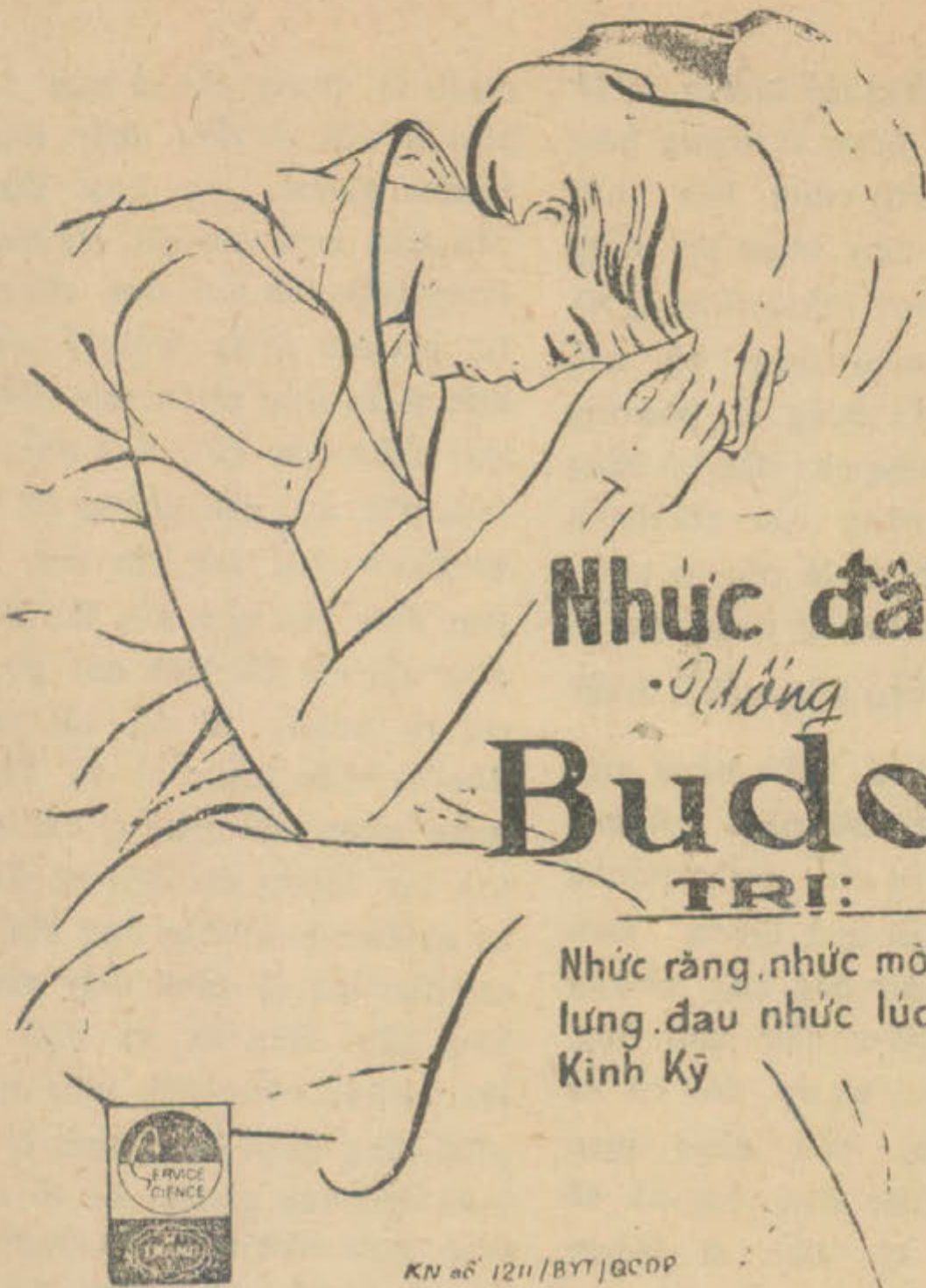
THƠ TÌNH MÙA HẠ

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

— Tập thơ ghi dấu vết một thời tuổi trẻ, những hình-ảnh nồng nàn nhất của bạn bè và người yêu dấu.

— HỒNG-LĨNH xuất bản

— Bìa và phụ-bản của Nghiêu-Đề, Nguyễn-Khai và Hồ-hữu-Thủ.



Nhức đầu

• Nhức

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/ĐCĐP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tin nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Cuộc cộng sinh giữa THÚ VẬT VÀ CÂY CỎ

Trong bầu trời ta ở, liên quan giữa thú vật và cây cỏ tưởng như là một chuyện hãn nhiên. Khi đi dạo, nhìn bầy chim liu lo trên cành cây, bụi cỏ, ta không khỏi tự hỏi không có cây cỏ thì chim chóc vui thú chỗ nào. Và nếu không có tiếng động của con nai nhẩy vọt, không có tiếng rí rang của con dế tìm mồi, không có tiếng găm thét của những thú dữ tranh mồi thì rừng rậm cây ngàn đâu còn vẻ linh động. Nhưng những liên quan này chỉ thuộc về tình cảm mà thôi. Thảo súc còn sống gần gũi nhau hơn, cần thiết nhau hơn.

Ai cũng biết nhiều thú vật chỉ ăn cỏ lá. Nhưng thảo mộc vì không biết tự di động cũng cần thú vật để vận tải phần bông cần yếu cho sự tồn tại của giống mình. Thảo mộc và súc vật, theo một nguyên tắc bất di bất dịch về tác dụng và phản ứng, luôn cần nhau và liên quan mật thiết với nhau. Những mối liên quan này có khi đầm ấm như cặp vợ chồng ở thời kỳ trăng mật, có khi dữ dội như hai con cọp trước một miếng mồi độc nhất, khi một mất một còn, bên này tiêu diệt bên kia để bảo tồn nơi giống. Những liên-quan này đã dựa lên đặc tính sinh sản của hai ngành thảo súc.

Thú vật trồng nấm.

Phần lớn các cây cỏ biết tìm thức ăn trong khoáng chất, dùng lục-diệp-tổ tổng-hợp nên những phân-tử hữu-cơ

cần yếu cho đời sống của mình. Thú vật và một số thảo mộc như các loài nấm, vì chẳng có lục-diệp-tổ nên phải đi tìm những phân-tử hữu-cơ kia trong cây cỏ. Có những thú vật lại ăn thịt những thú vật khác sinh sống với cây cỏ. Nhưng ăn cây cỏ là hình thức tiêu thụ giản dị nhất. Còn có những phương pháp khác, vẫn minh hơn. Đây là cách dùng thảo mộc của những loại côn trùng xã hội như ong, kiến hay mối. Ở châu Phi, có những loại mối trồng nấm trong tổ. Vườn nấm gồm có nhiều nấm gỗ đã nhai nghiền vừa mềm vừa ẩm ướt nên những nấm loại basidiomycete mọc rất dễ, lan tràn khắp tổ, có khi vượt khỏi tổ thò ra ngoài. Nhưng chớ vội lầm: mối chẳng ăn nấm! Liên quan giữa mối và nấm còn tế-nhị hơn người ta có thể tưởng: nấm được trồng có những giây tơ tác dụng lên chất lignine là mộc-tổ quan trọng nhất để cho phát xuất chất cellulose. Mối ăn những cellulose này nhưng để tiêu hóa cần phải nhờ tới những vi trùng sống trong bao tử của chúng. Thành thử ngay trong tổ mối có hai cuộc cộng sinh: mối-nấm và mối-vi-trùng.

Trồng nấm không phải là độc quyền của mối. Nhiều loài kiến loại Atta bên châu Mỹ cũng trồng nấm. Vườn nấm của chúng là những lá cây cắt thành mảnh vụn và tha về tổ từng mảnh một.

Có chỗ khác với mỗi là kiến ăn ngay nắm đã trồng. Có những loại kiến bên Sahara ở châu Phi và bên Texas ở Hoa-kỳ thì lại tha về tổ những hạt có thể nảy mầm.

Ngoài ra còn có một loại côn trùng trồng nắm nữa là loại rầy v.ile'te. Chúng đào trong gỗ bần, tú những lỗ c n r i đặt nắm và trứng của chúng vào. Có khi chúng cho trộn lẫn trứng với những bào tử, một đấng để dễ che chở trứng, một đấng để trứng cùng bào tử được rải rác khắp nơi.

Đây lại là một cuộc cộng tác khác giữa thảo mộc và thú vật. Người ta không thể kể hết được tất cả số chim chóc và côn trùng đã vương vãi tứ phương nào là bào tử, nào là hạt giống. Những chim chóc đi thế cũng như nhiều loại châu chấu đã vận tải hằng ngàn cây số những mầm thảo mộc. Nhiều loại chim như sáo sâu tích trữ hạt để rồi quên đi, những hạt này sau đấy đâm mầm nảy giống đem thêm cây lại cho rừng. Còn cây gửi thì chuyển dịch từ cây này qua cây khác nhờ chim họa mi rất thích ăn nó. Hạt gửi theo vào bụng, sau này được đào thải qua một cây khác là đủ để mọc lên cành. Có nhiều loại sâu bọ thì lại gói gắm trứng với những vật liệu thảo mộc để cho giòng nước lồi cuốn đi. Những hạt cây do đấy cũng được rải rác ra xa nhờ các sâu bọ kia.

Vận tải phấn bông

Nhưng cuộc hợp tác có lẽ quan trọng nhất là việc vận tải phấn bông. Ta biết hoa có hai cơ quan đực và cái : nhụy đực sản xuất phấn bông, nhụy cái chứa buồng trứng. Cuộc thụ trái chỉ được diễn ra nếu phấn bông vào được buồng trứng. Ở nhiều cây, hai cơ quan đực và cái cùng nằm trong một hoa, này nở cùng lúc : như vậy phấn bông dễ dàng từ nhụy đực sang nhụy cái.

Nhưng ở nhiều cây khác cuộc thụ trái phức tạp hơn và cần phải có sự giúp sức của bên ngoài. Đây là trường hợp những hoa chỉ có nhụy đực, hoặc nhụy cái, có khi lại không ở cùng cây, nên nếu không có ai đem phấn bông từ hoa này qua hoa khác, từ cây này qua cây khác thì khó lòng có được cuộc thụ trái. Ba nhân viên thường phụ giúp vào việc này là gió, nước và súc vật.

Người ta thường gặp ba loại thú vật có dính dáng đến cuộc vận tải phấn bông là chim chóc, sâu bọ và dơi. Nhưng đừng tưởng cây cỏ chỉ đóng vai trò thụ động, đến mùa chỉ đứng đợi mấy súc vật kia đến làm phận sự. Thấy như tạo hóa cũng đã giúp sức vào để bông hoa dễ quyến rũ các súc vật kia vào lòng mình. Trước hết những hoa này thường có hình ống hay hình phễu như hoa bìm bìm để chim chóc, sâu bọ khi chui vào bên trong dễ cọ dính phấn bông vào mình. Chúng cũng được sắp đặt làm sao để từ xa trông như hoa lớn, rất dễ thấy. Về mặt màu sắc thì lại vô cùng rực rỡ. Cũng để cho chim chóc, sâu bọ dễ nhận ra, thường màu sắc hay tương phản ngay ở trong một cái hoa, chẳng hạn ở hoa củ súng nhụy đực vàng nổi hẳn lên nền trắng của vành hoa. Đấng khác, phấn bông không như bụi khô để cho gió dễ thổi đi mà lại hơi nhầy để dễ dính vào mình mấy sâu bọ hay lông lá chim chóc.

Bên phía kia, nhụy cái cũng được sắp đặt chẳng kém chi: về mặt hình thù (hình dùi, hình thùng hay hình còi) cũng như về mặt vị trí, chúng sẵn sàng chờ đợi chim chóc, sâu bọ vận tải phấn bông lại. Có khi nhụy cái lại tiết ra một chất lỏng để dễ giữ phấn bông. Nhưng những chi tiết này chẳng thấm vào đâu với tổ chức sau đây : trong chiếc hoa

sauges màu xanh ở Pháp, nhụy đực có thể xoay quanh một cái trục. Khi sâu bọ hay chim chóc đậu vào lòng hoa, chân đập vào phần dưới nhụy đực tức thì nhụy xoay để cho phần trên gãi vào lưng con thú và chuyền phấn bông qua. Những kỹ sư điện-tử ngày nay liệu đã làm hơn được tạo hóa chưa? Còn có hoa arum hình dáng giống một cái còi, khi sâu bọ vào bên trong thì bị những sợi lông giữ lại đến khi nhụy đực nảy nở, cho phấn bông dính vào cơ thể rồi mới thả cho đi ra.

Quyển rũ ong bướm.

Người ta thường tự hỏi sâu-bọ vào lòng hoa để kiếm gì? Mục-dịch dễ thấy nhất là để kiếm thức ăn. Nhưng trong lòng hoa cái gì ăn được? Món ăn được sâu bọ thưởng-thức nhất là mật hoa, một chất lỏng, hơi nhầy, vô hương, vô sắc nhưng rất ngọt. Mật hoa có thể được tiết ra bất cứ chỗ nào trong thân cây nhưng thường thì là trong lòng hoa, trên cánh hoa hay trên các nhụy. Hoa tiết mật theo giờ giấc nhất định và sâu bọ rất thông hiểu thời-khóa-biểu này. Món ăn thứ nhì được sâu bọ tìm kiếm là phấn-bông. Cũng như mật-hoa, phấn bông được tiết ra theo một chu-kỳ chỉ-dịnh. Về mặt chất bở, phấn bông chứa rất nhiều chất mỡ và các chất đạm bạch. Cũng vì vậy có nhiều loại sâu bọ chỉ tìm kiếm phấn-bông mà thôi. Ngoài ra cũng nên biết có nhiều côn trùng chỉ tìm kiếm những sợi lông trong hoa. Trong hoa lan *maxillaria rufescens* chẳng hạn, lông rất nhiều và nhỏ, chân lông lại rất to và dễ gãy; sâu bọ chỉ việc bẻ ra để mặc sức hút uống các chất mỡ và protéine chứa đựng bên trong.

Sâu bọ vào lòng hoa tuy vậy không

phải chỉ để kiếm thức ăn mà thôi mà còn để lo chuyện sinh sản. Có nhiều loại sâu nhỏ như loại *blastophaga grossorum* thường hay đẻ trong hoa cây sung. Hoa này có nhụy đực ngắn và nhụy cái dài, đẳng khác lại không nảy nở cùng lúc. Những sâu nhỏ lớn lên ở đáy hoa khi ra ngoài thì vận tải phấn bông từ nhụy đực bên trong đến nhụy cái bên ngoài và gây nên cuộc thụ trái. Có sâu loại *goryte* thì đi kiếm hoa lan loại *ophrys*, không phải để đẻ ở bên trong như vừa thấy mà để giao cấu. Thật là kỳ lạ: cánh hoa bên dưới theo một hiện tượng ngộ trạng khó hiểu đã giống như sâu cái nên sâu đực mò lại. Lẽ tất nhiên cuộc giao cấu chẳng đem lại kết quả gì, nhưng mình thấy sâu khi ra đi đã đầy đầy phấn bông...

Thật ra ngộ trạng để quyến rũ sâu bọ cũng khá hiếm. Thường hoa dùng ba khí giới rõ ràng nhất là hình thể, màu sắc và hương thơm. Từ lâu nhà bác học Karl von Frisch đã từng khảo cứu cận kề cách kêu gọi thú vật. Nhiều thí nghiệm kiểu này đã được thực hiện: người ta cho vào giấy xanh một ít mật để kêu ong lại. Sau đấy, người ta lại dùng một mẫu giấy xanh khác, lần này không có mật, cho để giữa nhiều mảnh giấy khác đủ màu: ong vẫn lại đến với mẫu giấy xanh. Nhiều thí nghiệm khác cho biết ngoài màu xanh, ong còn thấy được màu vàng, gai nhàn được tia tử-ngoại nhưng chẳng thấy được màu đỏ. Vì vậy, ta chẳng thấy ong đậu lên hoa vàng hay xanh. Nếu nhiều khi ta cũng thấy ong trên hoa màu đỏ là vì các cánh hoa phản chiếu các tia tử-ngoại. Bướm bướm trái lại thấy được màu đỏ. Nói chung từ xa màu hoa làm cho sâu bọ để ý, lại gần thì hình thức hoa, cánh hoa,

nhụy hoa kêu gọi sâu bọ hơn chút nữa ;
sau cùng hương hoa quyến rũ cho đến
lúc sâu bọ chịu đậu vào lòng hoa.

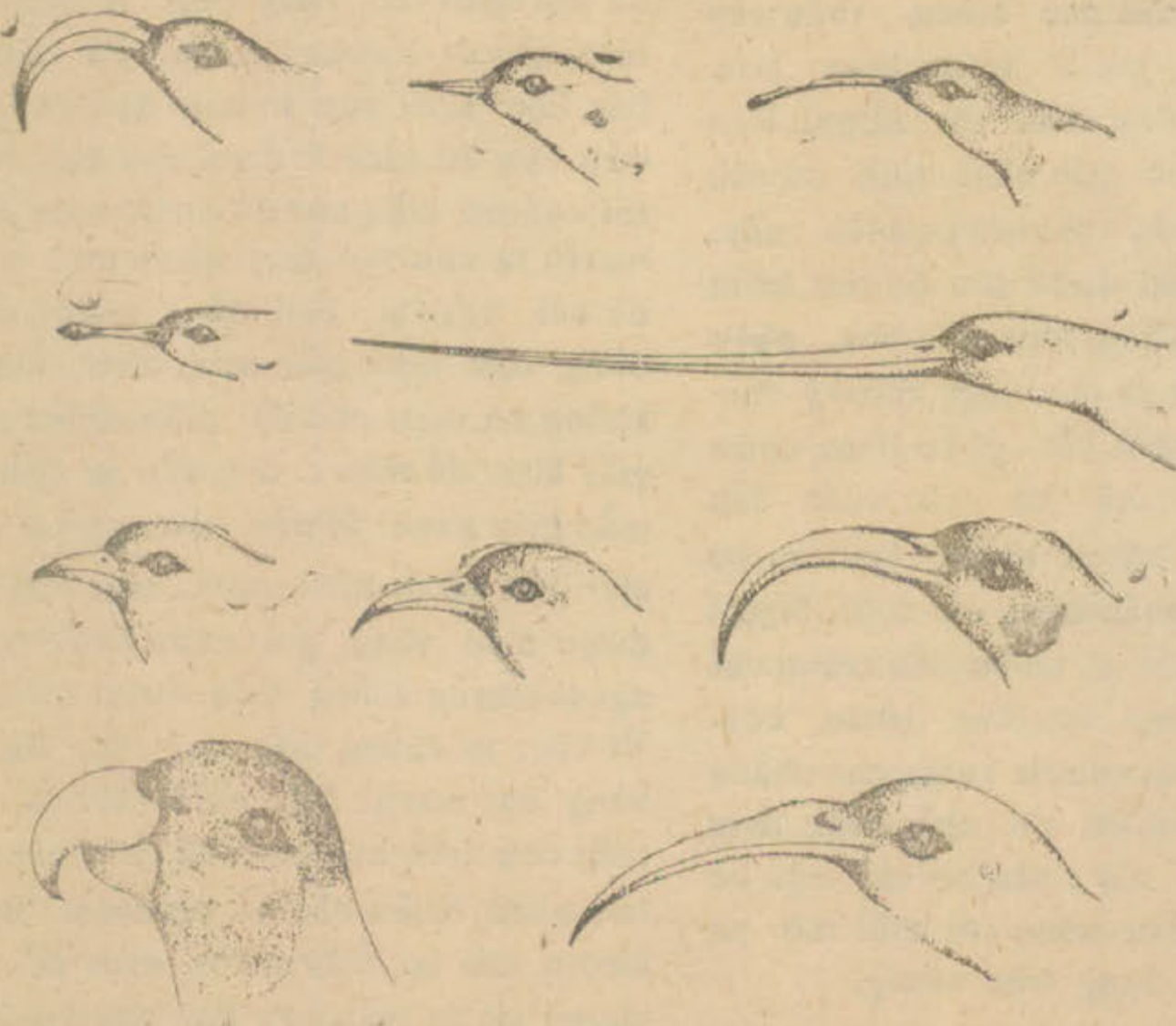
**Chiến tranh
hòa bình.**

Giáo sư Jaeger đã có khảo cứu về
ảnh hưởng của hình thức hoa lên sâu
bọ. Có nhiều loại thích đậu lên vành hoa
không đều đặn hơn là lên hoa tròn quanh.
Có nhiều giống lại chỉ thích đậu lên hoa
có mười hai cánh... Về mặt hương hoa
thì như tuồng sâu bọ không giống ta vì
có khi thưởng thức những mùi vị thật
là nồng nặc.

Nếu sâu bọ là những nhân viên vận
tải phấn bông đặc lực trong các miền lạnh
thì chim chóc làm tròn phận sự này
ở các vùng nhiệt đới. Ở đây, mục
đích của chim khi đậu vào lòng hoa rất
rõ rệt : chúng rất thèm mật hoa. Người



Chiếc nậm này mọc trên lưng
kiến, dần dần sẽ hút hết máu,
tủy của kiến.



Tùy theo hình thức hoa, mỏ chim cũng thay đổi
để dễ vào lấy mật trong lòng hoa.

ta đếm gần khoảng một ngàn sáu trăm giống chim này, phần lớn là những loại chim sâu, chim tước còn con. Lẽ tất nhiên, dù nhỏ đến đâu chim chóc cũng không thể đậu vào tận đáy hoa như sâu bọ được. Vì vậy, chúng cần phải có mỏ dài, có khi quặp lại ở đằng cuối để dễ hút mật. Nhiều loại lại có lưỡi dài, khi cần thì phóng ra rất lanh. Đẳng khác những hoa muốn quyến rũ chim cần phải có những điều kiện khác hẳn với những hoa chung sống với sâu bọ. Chúng cần phải bền chắc vì chim nặng, không cần có hương thơm vì khứu giác của chim rất kém cỏi, trái lại phải có màu sắc tươi thắm, có khi giống hệt với chim thường lại đậu.

Sau cùng cũng nên biết có nhiều loại dơi như các giống cynopterus bên Ấn-độ, glossophaga bên Nam Mỹ cũng vận tải phấn bông như sâu bọ hay chim chóc. Vì dơi chỉ hoạt động ban đêm

nên những hoa cần chúng cũng đợi ban đêm mới nở ra... Tào hóa thật khéo vẽ bày và theo các nhà khảo cổ, cuộc tiến hóa của cây cỏ cũng như của thú vật vận tải phấn bông đã đồng thời thao diễn từ hằng chục triệu năm nay. Ngày nay có những cây như loại tam điệp bên Tân Zê-lăng, cây va-ni bên xứ Mec-xit nếu không có ong sâu thì đâu còn tồn tại được. Tuy nhiên cuộc chung sống không luôn ở trong hòa bình, huề hợp. Những bông hoa ăn sâu bọ đầy dẫy ở những vùng nhiệt đới. Có nhiều nấm mọc trên lưng kiến và lần lần hút hết máu tủy của động vật nuôi mình.

Nhưng phải chăng đây lại là một định luật khác của tào hóa : hòa bình và chiến tranh luôn đi cạnh nhau trên mặt đất này, dù ở trong luống cỏ cạnh nhà hay ở trong rừng sâu xanh rậm.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : J.J. Barloy

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE = GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROXYDE D'AZOTE — ARGON EUC..

Matériel pour souduras oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Lượng và phẩm

Lượng và phẩm

Tại sao toán số có sức thu-hút mãnh-liệt trong mấy mươi năm gần đây, khiến cho người ta tiên-đoán rằng bước vào thế-kỷ 21, người không biết gì về toán sẽ lạc-lỡ trong thế-giới khoa-học cao-siêu và kỹ thuật tinh-vi. Vì những kết-quả rực-rỡ của khoa-học nhờ những dụng-cụ nhận-thức mới đã cải-tiến những dụng-cụ ấy, vì khởi đầu với những lý-thuyết giải-thích vật và sự đã tăng giá-trị những lý-thuyết ấy, làm cho con người trước kia còn nghi-ngờ khoa-học nay lại đặt nhiều tin-tưởng nơi tinh-thần khoa-học. Mà nói đến khoa-học là liên-tưởng đến toán số. Xưa kia chỉ có môn thiên-văn, vật-lý dùng toán. Ngày nay mọi khoa-học thiên-nhiên cũng như khoa-học nhân-văn đều dùng đến.

Sự liên-hệ đó là do bản-tánh của khoa-học và bản-tánh của toán-học. Khoa-học vừa là một lối hoạt-động vừa là một hệ-thống, hoạt-động tìm chân-lý, và hệ-thống những đề biểu-diễn chân-lý. Vẫn biết khoa-học không phải là phương-tiện duy-nhất để tìm sự thật, nhưng khoa-học là phương-tiện hữu hiệu hơn hết. Trái với quan-niệm nông nổi thông-thường, khoa-học tuy đi từ nhận xét thật-tế, không lưu lại nơi thật-

tế cá-biệt và cụ-thể. Chỉ có khoa-học về tổng-quát và trừu-tượng. Càng cao, khoa-học đưa tổng-quát và trừu-tượng càng rộng càng xa hơn nữa. Đã nói khoa-học là nói đến những bằng chứng khách-quan, và bất cứ ai cũng dùng đến được. Khoa-học đúng đắn khi có đo lường, đúng đắn trong quan-sát, ví dụ, không chỉ biết chỉ là một kim loại, mà biết kim-loại với trọng-lượng 11,35 độ tan là 327°, độ sôi là 1.700 độ, v.v. đúng đắn nơi những luật đề ra, dùng hình-thức toán, là một ngữ không thể xuyên-tạc vì cảm-nghi, khuynh-hướng, nhận-định chủ-quan. Ví dụ, một tương-quan thông thường được biết dưới hình-thức tỉ-lệ, như vận-tốc các vật rơi ($v = gt$), tỉ lệ nghịch, như luật Mariotte ($v = \frac{k}{p}$) tỉ-lệ theo bình-phương, như luật những khoảng đã

(*) L.T.S. Vì khuôn khổ chật hẹp của tờ báo và cũng vì nhà in thiếu những ký-hiệu về Toán số nên Tạp chí Bách-Khoa không đăng trọn vẹn được loạt bài « Toán số với càn khôn » và rất tiếc phải bỏ lại các phần: Thí dụ trong Luận-lý ký-hiệu, thuyết về nhóm, Thuyết vị-tướng, Toán số và tâm-lý-học, Toán số và ngữ học...

Chúng tôi hy vọng « Toán số với càn khôn » sẽ được xuất bản thành sách trong một n ày gần đây và bạn đọc sẽ có đầy đủ các phần nói trên trong cuốn sách này.

đi qua ($h=1/2 gl^2$), v.v. Với công-thức toán, có thể lập những tương-quan mới như Maxwell đã đặt ra những hệ-thức giữa điện, từ và quang. mà hai mươi năm sau thí-nghiệm của Hertz xác-nhận.

Biết là đo lường (Brunschvicg). Biết là diễn ra lường. Tiếc rằng, chú-trọng đến lường và chỉ biết đến lường, những nhà khoa-học vấp phải một phạm-vi không thể đo lường được, nhất là trong khoa-học nhân-văn. Thái-độ của nhà khoa-học căn chế ngự vấn-đề lường-phẩm, chỉ có một trong ba : hoặc loại bỏ phẩm, tuy nó có, hai là chấp nhận sự hiện-diện của nó, ba là tiếp tục đo lường mà hy-vọng rằng phẩm cũng chỉ là một thứ trước sau cũng đo lường được.

Lượng

Vấn-đề nan-giải ấy không phải mới. Biết bao giấy mực và lời nói đã tồn chung quanh đề-tài ấy. Có lượng khi có sự phân-chia thành đơn-vị. Định-nghĩa của Aristote, lượng là cái bao nhiêu, *poson*, được Thomas d'Aquin lập lại khi nói lượng là đều chia được ra những nguyên-tố ở trong nó. Những người theo Leibniz cho lượng là sự phân định những vật giống nhau, nghĩa là điều mà nhờ đó những vật giống nhau có thể phân rã mà vẫn giữ được đồng-tinh.

Những định-nghĩa nào cũng chỉ là miêu-tả và có vẻ giá-trị chỉ vì ta đã biết lượng là thế nào rồi. Theo Kant có lượng căng dãn và lượng mật-thậm. Nhờ trực giác ta biết được lượng căng dãn. Không-gian và thời-gian, có phẩm-tính và cường-độ của cảm-giác, là điều nối liền lượng với phẩm. Bergson nói : thời-gian trở-thành một lượng nhờ trung-gian của số và có số mới có sự can-thiếp của không-gian.

Khi Hegel muốn định-nghĩa lượng một cách tổng quát, Hegel chỉ định-nghĩa số. (Lượng là đồng danh-từ, là sự đồng-nhất và sự đứng-dưng đối với nội-dung). Hegel cũng nói về số : không n n quan-niệm số như một đa-tính vô cùng đối nghịch với đơn-vị. Số là đa-tính hữu-định và vì thế, hợp-nhất. Số có nguyên-tố là đơn-vị và chính-số cũng là đơn-vị. Khi có lượng, có sự đứng-dưng của lượng đối với nội-dung, và của nội-dung đối với lượng. Quan-niệm ấy không xa quan-niệm của Leibniz và Bergson về không-gian. Theo Kant, số là do không-gian và không-gian có lẽ là do thời-gian là hình-thức của mọi hiện-tượng. Theo Bergson, thời-gian toán và số dựa trên không-gian. Chỉ có số vì có khả-năng đầu kết những vật. Do đó, có số phải có không-gian, nếu không-gian và số sinh ra một lần và phát-triển nhờ lẫn nhau.

Theo Hegel, có hai thuyết đưa lượng lên tuyệt-đối : thuyết nguyên-tử và thuyết Pythagore. Hegel phản đối. Vì lượng theo hai thuyết trên chỉ là một giai-đoạn, một lúc tương-đối thấp của sự phát-triển ý-tưởng. Lên trình-độ thực-tại cao hơn, vai-tưởng của số giảm bớt; số có địa-vị trong giới vô-cơ hơn là giới hữu-cơ.

Khoa-học cận-đại khai-triển thêm thuyết về lượng. Képler có câu nói rằng lượng là một tùy-thể thô-sơ của bản-chất, và lượng khác bản-chất nói rộng như số không khác vật được đếm. Nhưng đối với Descartes ý lượng chỉ có giá-trị trong phạm-vi thực-tế, còn có phạm-vi khác là phạm-vi tư-tưởng, là phạm-vi của phẩm, vì theo Descartes, những phẩm ở trong tinh-thần.

Phẩm của lượng khác nhau tùy theo lượng là liên-tục hay gián-đoạn. Hai

quan-niệm liên-tục và gián-đoạn là đề tranh-luận giữa phái Elée một bên, và phái Pythagore và phái theo thuyết nguyên-tử một bên. Kant cho rằng có liên-tục về lượng khi không có phần nhỏ nào của lượng. Có lượng liên-tục khi không có những phần của lượng ấy có thể chen vào giữa những lượng khác và như vậy cho đến vô-cực.

Có những định-nghĩa gần đây do thuyết toàn-bộ của Cantor, liên-tục được giải-thích với ý vô-cực là sự trùng-hợp từng đơn-tổ giữa các đơn-tổ của những hệ-thống khác nhau.

Leibniz muốn duy trì, nhưng ở những địa-hạt khác, một thuyết liên-tục và một thuyết gián-đoạn. Thuyết của Leibniz ban đầu chẳng khác gì một thuyết liên-tục, một sự từ-bỏ mọi khả-năng nhảy vọt hay vượt bậc trong thiên-nhiên. Nguyên-lý liên-tục là một hậu-quả của nguyên-lý túc-lý. Nhưng Leibniz cũng có những chỗ nói liên-tục áp-dụng cho những vật lý-tưởng còn gián-đoạn áp-dụng cho những vật thật-sự.

Hegel cho thấy liên-tục bao hàm ý gián-đoạn và gián-đoạn bao hàm liên-tục. Liên-tục chỉ là lượng vì nó chia được, vì nó chất chứa một sự gián-đoạn mặc-nhiên.

Sự tiến-bộ sau này của khoa-học cho thấy tư-tưởng về gián-đoạn tiếp theo tư-tưởng về liên-tục. Trí óc đã đi từ những vật có vẻ liên-tục đến những nguyên-tử đến éther, từ éther đến điện-tử, cứ khám phá thêm những điều mới và vẫn còn điều mới lạ để khám phá. Ý bồ-túc khiến cho chấp nhận có những lúc hai ý-tưởng liên-tục và gián-đoạn có thể dùng đến được. Thêm nữa, nguyên-lý vô-định (indétermination) cho thấy tinh-thần có biên giới và người

đời phải dừng lại nơi một số gián-đoạn nào đó. Dù sao cũng đoáa trước được rằng tiếp sau hai ý-niệm khó hòa-hợp đó, sẽ có điều gì người không nắm vững được và cũng không dùng hoặc ý liên-tục hoặc ý gián-đoạn để miêu-tả được.

Thay vì lấy ví-dụ trong khoa-học, ví-dụ lấy trong nghệ-thuật cũng giúp cho những nhận-xét tương-tự. Trong những tranh của phái ấn-tượng (trong hội-họa hay văn-chương là phái muốn diễn tả cảm-tưởng mà gác lại lối miêu-tả chi-tiết), có một sự cố gắng hòa-hợp liên-tục và gián-đoạn. Trong tranh của Cézanne chẳng hạn, có những đường viền đậm để giới hạn bình-thề, nhưng trong phạm-vi giới-hạn đó những nét lại làm bằng những đường đứt khúc.

Cố chinh-phục cho được phần thừa thãi còn lại khi nghiên-cứu vật-chất, không-gian, hay thời-gian, con người lại thấy xuất hiện trở lại *phàm*.

Tương-quan giữa lượng và phàm

Nóng và lạnh là điều mâu-thuẫn lẫn nhau. Trong *Phédon*, Platon cho rằng lạnh chỉ là nóng của cái lạnh hơn, và ngược lại. Như thế nóng và lạnh là những lượng ở nơi một thang bậc biến-đổi. Descartes cho lượng và phàm là hai đơn-tổ loại hẳn nhau. Phạm-vi không-gian thuộc về lượng, phạm-vi tinh-thần thuộc về phàm. Điều gì thuộc ngoại-giới quan-cảm là kết-quả của lượng, nhưng khi quan-hệ đến người là phàm. Leibniz muốn hòa-hợp lượng và phàm, ví dụ cho nhạc là sự thích-thú của tâm-hồn vừa đếm vừa không biết mình đếm. Whitehead chỉ-trích quan-điểm của Descartes loại phàm khỏi thực-tại, cho đó là quan-niệm máy móc về thiên-nhiên. Cũng như Bergson, Whitehead

xây-dựng triết-lý về phẩm, tuy cuối thế-kỷ 19 vài nhà vật-lý như Duhem, Ostwald muốn dựng lên một vật-lý-học về phẩm nhưng đã thất-bại.

Vì vấn-đề chưa có lời giải dứt khoát, những người chống lại khoa-học trước kia, hay chống lại sự hiểu biết khoa-học, nghĩa là thật chính-xác về con người, luôn luôn đưa phẩm ra làm khi giới. Nơi con người, trong công-trình của con người, vẫn có phần nghĩa-lý nhất, phần đặc-biệt nhất, mà không thể đặt vào trong một lối sắp-xếp nào hay đo lường như đo lường vật-chất được. Nhà vật-lý-học, hóa-học, hay sinh-vật-học có thể đi đến kết-luận về nóng, về lạnh, về ngọt, về đắng, và biểu-diễn ra bằng những lượng và số, nhưng nhà xã-hội-học hay tâm-lý-học không nắm được mọi yếu-tố để diễn ra bằng những ký-hiệu mọi thực-trạng xã-hội hay tâm-linh.

Sự tiến-bộ cơ-bản của triết-lý toán-học ở thế-kỷ này là ý-thức được một biện-chứng không-lượng-số về phẩm. (Granger, *Pensée formelle et sciences de l'homme*, Paris 1967).

Nhiều nhà khoa-học đã chấp nhận quan-niệm tương-tự như quan-niệm của Bergson. Thiên-nhiên có thể cho thấy phẩm như một hiện-tượng, nhưng về người thì không thể. Nơi người, bản-chất của hiện-tượng thuộc về phẩm. Vài nhà xã-hội-học từ-chối không dùng toán số, cho rằng toán số dựa trên những tương-quan lạnh lùng giữa toàn-thể với thành-phần, mà toàn-thể nhân-linh hay sự-kiện xã-hội trong toàn-thể là một toàn-bộ khác biệt về cơ-cấu và về phẩm-tính.

Khoa-học đã quên và cố quên phẩm. Khoa-học nhân-văn, trải qua những tìm kiếm của mình, buộc phải đặt lại vấn-đề cũ.

Về phương-diện di-truyền hay hiện-tượng, sự nhận-định về phẩm thuộc một giai-đoạn trực-tiếp của tri-thức. Tánh-cách trực-tiếp có thể bị ngộ-nhận. Husserl phân định hai trạng-thái của phẩm: một thuộc trực-tiếp của sự vật, cái siêu-việt của vật chỉ thấy theo từng dạng thường thiếu thốn, nhưng được nhận trong một sự hiện-diện; trạng-thái kia là trực-tiếp của điều được sống, có bản-tánh không đầy đủ, chưa được chu toàn. Hai trường-hợp vẫn thuộc tri-giác là một cái nhìn trực-tiếp về một vật siêu-việt đối với ý-thức. Sự xuất-hiện vật ấy, ta gọi là phẩm. Vì thật dễ lầm lẫn về phẩm của vật ngoại-giới và phẩm của vật tâm-linh, do đó sinh ra nhiều điều khó khăn. Màu của một bla sách hay âm-thanh của một tiếng kêu la có thể là hào dáng bề ngoài. Đó chỉ là thuộc-từ của một vật nào đó mà vật còn có thể nhận ra theo nhiều khía cạnh khác nhau.

Bergson dựa nơi sự đồng hóa mặc-nhiên của hai loại phẩm và cho loại thứ hai là phẩm. Liền-tưởng thường quy phẩm về loại thứ nhất. Lối đồng-hóa là động-cơ thầm kín của sự biểu-tượng trong nghệ-thuật vì đưa ra những phẩm-tính khách-quan như thể là những lúc của điều đã được sống, đã được biết đến. Trái với khoa-học là một lối chiếm-hữu về tri-thức và kỹ-thuật, nghệ-thuật là một lối chiếm-hữu ma-thuật về ngoại-giới. Nghệ-thuật không nắm nơi sự phân biệt giữa thực-tế và lý-tưởng, giữa hình-dung và trừu-tượng.

Khoa-học nhân-văn phải nghiên-cứu về phẩm với một quan-niệm khác với quan-niệm về phẩm trong vật-lý. Phẩm trong sự-kiện nhân-linh có nghĩa gì? Trong hai loại phẩm cũng là một lúc

của vật-thể tự-tại, vật-thể có đó. Trong đoạn đầu của *Grande Logique*, Hegel cho thấy vai-tuồng của phạm. Phạm hợp với thực-thể như là điều được định, tương hợp với *Dasein* (hiện-hữu) mà sự chỉ-định là của *seinde* hay *etant*, tương-đồng với phạm. Phạm được thấy như một giới-hạn hay như một sự khác-biệt.

Dùng toán trong các môn học là đưa vào môn học quan-niệm về lượng, đem số biểu-tượng cho những sự vật và tương-quan. Nhưng một ý-niệm về phạm không chỉ nhất-định chuyển qua lượng theo luận-lý Hegel. Những sự nói rộng liên-tiếp của đại-số cổ-điều đã khiến các toán gia quan-niệm tổng-quát về cơ-cấu đại-số, rồi sau đó về cơ-cấu chung. Cơ con đường hướng từ tư-tưởng theo phạm qua tư-tưởng toán-hóa. Giai-đoạn đầu của diễn-biến ấy đưa đến ý-niệm toàn bộ, là một vũ-trụ đối-vật trong đó phạm chỉ là một nguyên-tính khác-biệt. Sự khác-biệt lại chỉ theo một phương-diện nào đó, còn đối-vật vẫn là thành-phần của toàn-bộ. Nhân đó mới kết-hợp bằng nhiều cách những vật thành phân-bộ, rồi sắp cho tương-hợp thành-phần hai toàn-bộ, thành từng cặp đôi cho đến khi hết mặt toàn-bộ. Phần-tính trở lại với hình-thức đặc-tính cơ-cấu mà nghĩa không tùy sự chỉ-định một vật riêng nào mà tùy hệ-thống hành-sự có thể có đối với toàn bộ. Ví-dụ, định-nghĩa nguyên-số là cơ-cấu thuộc loại được miêu-tả dưới danh-từ *anneau infini* (vành vô cùng) của các nhà đại-số. Định-nghĩa ấy không khảm-khệt vì trong giới-hạn của cơ-cấu, còn có nhiều loại thể, nhà hình-học có những vành khối đa-diện, vành khuôn-mẫu, v.v.

Ý-niệm khác-biệt sinh ra ý-niệm trái-ngược là đồng-dạng, cả hai ở trong ý-

niệm phạm. Đồng-dạng có hai tầng bậc, một bậc là từng cá-thể không khác nhau về một phương-diện nào đó và một bậc là cả cơ-cấu không khác nhau.

Hai cơ-cấu giống nhau khi có sự tương-ứng cả lưỡng-nghĩa và đơn-nghĩa (*bi-univoque*) có thể lập giữa những nguyên-tố hay thành-phần các toàn-bộ và giữa những động-tác, khiến cho động-tác của cơ-cấu thứ nhất tương-ứng với kết-quả của động-tác cơ-cấu kia thể-hiện nơi hình-ảnh những nguyên-tố ấy trong cơ-cấu thứ hai.

Một ví - dụ trong tâm-lý-học : giải thích máy-móc tri-giác hiện-tượng. Nhà tâm-học sẽ dùng những đồ-thị, âm-thanh những biểu-tượng hay ký-hiệu của một ngữ như là những phạm, tiếng hay hình-thể. Muốn hiểu những biểu-tượng hay ký-hiệu ấy, cần phải quy những phạm trực-tiếp để cho sự hay đổi về thang-bậc hay thay-đổi về phạm không làm sai-lạc giá-trị về nghĩa. Hiểu tác-động tri-giác những biểu-tượng ấy là ý-niệm-hóa ý đồng-dạng nằm dưới sự giải thích, như khi một chữ viết tay, đánh máy, viết chữ in hay viết kiểu gô-tích vẫn có một nghĩa. Hiểu ký-hiệu vẫn còn mặc dầu hình-thể đã biến-đổi. Khái-niệm đồng-hình (*isomorphisme*) không đủ để nói lên tính tương-đương hay đồng-giá. Để có ý-niệm thích-hợp về phạm trong phạm-vi nhận biểu-tượng, phải thêm vào khái-niệm đồng dạng một ý khác của nhà hình-học, đã được nhà Kurt Lewin dùng đến, là ý lân-cận giữa những vật nói chung và giữa hai cơ-cấu nói riêng. Khái-niệm trực-giác và mơ-hồ về điều gần như cần phải có. Hiện nay toán-học đã có một thuyết phức-tạp về gần như mà những dụng-cụ cơ-bản là những đề-tài biên-giới và hội-tụ.

Một lối xây-dựng khoa-học về phần là một lối đi từ điều chưa có cơ-cấu đến điều có cơ-cấu-tính, hơn là một lượng-hóa. Lối qua lượng chỉ là một trong nhiều kết-quả của biện-chứng ấy. Biện-chứng-pháp về phần có ba quá-trình: 1) biến-đổi những dữ-kiện thành hệ-thống lượng, 2) duy-trì tách-cách không-lượng của những dữ-kiện trong một lược-đồ toán, 3) sâu-biến theo phần của những hệ-thống mà khuôn khổ tăng quá một mức nào đó.

Quá-trình thứ ba chỉ là một áp dụng luật của Hegel và Marx về nguyên-lý căn-bản lượng biến thành phần. Tương cũng nên nhắc lại về điểm này những nhận-xét của Engels, giúp cho thấy sự khác biệt giữa quan-niệm của Hegel và của Marx, và cho việc nghiên-cứu có những móc đường hữu ích.

Engels, trong *Anti-Dühring*, viết: Cho biện-chứng-pháp chỉ là một dụng-cụ chứng-minh, như Ô Dühring nghĩ, là không hiểu gì về bản-tính của biện-chứng-pháp, như thể người ta có một ý dốt rất về luận-lý hình-thức hay về toán-học sơ-đẳng. Cho đến luận-lý hình-thức, trước hết cũng là một phương-pháp để đạt đến những kết-quả mới, để tiến từ điều đã biết đến điều chưa biết, và chính điều đó, nhưng trong một nghĩa cao cả hơn, là biện-chứng-pháp. Ngoài ra, biện-chứng-pháp, vì đã thoát giới-hạn chật hẹp của luận-lý hình-thức, chất chứa mầm quan-niệm hiểu-biết đời hơn. Một thứ tương-quan như vậy nằm trong toán-học. Toán sơ-đẳng, toán của những lượng hằng, chuyển động trong khung cảnh luận-lý hình-thức, ít ra trong đại-cương. Toán-học của những lượng biến-đổi, mà phần quan-trọng nhất trong toán vi-phân, không gì khác

hơn là áp-dụng biện-chứng-pháp cho những vấn-đề toán-số.

Trong *Dialectique de la nature* Engels còn viết: Những luật của biện-chứng-pháp phải suy từ lịch-sử thiên-nhiên cũng như từ lịch-sử con người. Quả vậy luật biện-chứng-pháp không gì khác là luật rất tổng-quát của những giai-đoạn biến-hóa lịch-sử và tư-tưởng con người. Đúng ra, những luật ấy rút lại thành ba luật sau:

— Luật biến-đổi từ lượng qua phần và ngược lại,

— Luật tương-nhập của các đối-ngịch.

— Luật phủ-nhận của phủ-nhận.

Hegel đã theo lối duy-tâm diễn những luật ấy như những luật thuần-túv và đơn-giản về tư-tưởng, luật thứ nhất trong phần nhất của sách *Luận-lý*, trong thuyết về thực-thể, luật thứ hai chiếm một phần lớn và rất quan-trọng của sách *Luận lý*, thuyết về yếu-tính, luật thứ ba như là một luật căn-bản về cơ-cấu (*Aufbau*) của tất cả hệ-thống. Lỗi là nơi điểm này: những luật xem là luật của tư-duy được đặt cho thiên-nhiên và lịch-sử, thay vì phải từ đó mà ra. Tất cả sự xây dựng giả-tạo và có khi đáng sợ (*gezwungene und oft haarsträubende*) do đó mà ra. Thế-giới, dù muốn dù không, phải sắp đặt theo một hệ-thống, mà hệ-thống này chính ra chỉ là một cấp bậc của tư-tưởng con người. Ta hãy đảo ngược lại, và mọi sự thấy giản dị, và những luật biện-chứng thường có vẻ rất huyền-bí trong triết lý duy-tâm, trở nên đơn-giản và rõ ràng như ban ngày...

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Kỳ tới: Bản chất toán học

BNP

A votre service

tous les services de la

banque

nationale

de Paris

Nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh-hoạt văn-nghệ hiện nay

Cuộc nói chuyện do Trung-Tâm
Văn-Bút tổ-chức tại giảng-đường
Quốc-gia Âm-học ngày 12-4-70)

(Tiếp theo B. K. số 318)

Hiện tượng tái bản các sách tiền-chiến cũng đáng lưu-ý. Thơ Thanh Tịnh, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Tô-Hoài, Nam Cao, Nguyễn-Hồng, v.v. bày bán nhan nhản, xác-nhận trường-hợp tâm-lý muốn quay về tìm trong các giá-trị đã cũ một nguồn bồi-dưỡng cho những nhu-cầu tinh-thần chưa được thỏa-mãn. Chúng ta chưa bàn đến việc ấn-hành như thế có hợp-lệ không, về mặt tác quyền, (thực tế việc tái bản ấy hiện nay đã bị hạn chế) nhưng trên phương-diện văn học nó có giá trị ra sao? Hãy ông Mai Thảo, khi nói về sự tái-bản thi-văn tiền-chiến, đã đứng trên cái lập trường chính trị mà viết như sau: "*Nó không hề là một hồi phục, một gọi về, mà phải là một chặt đứt, một đoạn tuyệt, không ngập ngừng, không thấy nhớ thương*" (Tân-văn số 16). Nhưng văn-hóa bao giờ cũng vẫn là một tiếp nối, nếu những *Lục súc tranh công, Truyện Kiều* còn được học trong nhà trường, thậm chí *Tam quốc diễn nghĩa* còn được in đi in lại, thì sự tái bản thi văn tiền chiến của ta không có gì lạ, vì nó có được đòi hỏi ở trong

tiêu-thụ thì người ta mới dám tính đến chuyện ấn-bành.

Có thể người quan-niệm một việc tái bản mạnh-mẽ như vậy không được thuận-lợi về mặt chính-trị, vì đa-số các tác-giả tiền-chiến đã ở bên kia Bến-Hải, và còn xúc-phạm tự ái văn học của chúng ta đây, vì ta không thỏa mãn được độc giả bằng những sản phẩm trước mắt nên họ phải quay về với các giá trị cũ. Nhưng trên thực tế, các giá trị ấy có làm thỏa mãn độc giả hay không? Rõ ràng là không, vì các sách ấy chỉ bán được một thời khoảng nào đó rồi cũng ngưng lại. Vấn đề không phải là nên hay là không nên tái bản các loại sách đó mà chính là phải lựa chọn ra sao, phê phán thế nào trong khi tái bản để giúp ích cho độc giả giúp ích cho những người làm văn nghệ, và khỏi phí phạm nhiều năng lực khác, năng lực ấn loát, phát hành cũng như tiêu thu. Hình như trong lúc các sách tiền chiến in lại đông đảo, không có mấy ai thăm định trở lại giá trị tư tưởng cũng như nghệ thuật của chúng trên cái lập trường văn học chúng ta hiện nay. Nếu công việc này chẳng được thực hiện thì sự thương thức những giá trị cũ là một ý hướng

chính đáng sẽ thành ý hướng tiêu cực, vì nó khởi sự từ một bi quan và được kết thúc bằng một thất vọng.

Hiệu tượng dịch thuật tác phẩm nước ngoài thật khá rậm rạp. Việc này từ lâu đã được tờ Văn của Trần Phong Giao thực hiện đều đặn, công-phu, bây giờ đa số nhà xuất bản đều có sách dịch và in khá đẹp. Riêng nhà Quế Sơn chuyên in sách dịch của ông Bùi Giáng, và nhà thơ này đã dịch đủ loại trên vài chục cuốn. Người ta biết yêu chuộng nhiều văn học nước ngoài hay chăng? Có lẽ nó cũng có điểm giống cái hiện tượng quay về một đạo với các tác phẩm tiền chiến, ấy là tấm lòng chưa được hoàn toàn thỏa mãn với các công trình hôm nay của xứ sở mình nên phóng cái nhìn hướng ngoại có phần vô vập. Sự vô vập ấy rất dễ thất vọng, và chỉ sau một thời gian, sách dịch đã ối đọng nhiều.

Hầu như tiêu chuẩn chọn lựa sách dịch căn cứ nhiều quá ở tên tuổi của tác giả, ở các giải thưởng, ở sự ưa thích chủ quan của người dịch, mà lại đặt nhẹ nguyện vọng chính đáng của ta số độc giả. Tôi mạn phép nghĩ là đa số tác phẩm Tây phương — dù là danh tác, siêu phẩm — đều được cấu tạo trong những điều kiện sinh hoạt rất là xa cách chúng ta nên không giúp ích được nhiều cho những nhu cầu xã hội chúng ta, nếu không bảo rằng có thể làm nguy hại thêm cho chúng ta nữa. Đời sống kỹ nghệ tấn tiến, giữa những điều kiện ổn định, thái bình, với một quan niệm cá nhân chủ nghĩa nặng phần hưởng thụ và sinh chán mửa tạo dựng gì được sản phẩm tinh thần hữu ích cho ta hay chỉ gợi thêm thêm khát và những suy tưởng lạc loài? Những văn nghệ sĩ chúng ta cần biết nhiều nhất đến nền văn hóa Tây

phương có thể đọc ngay tác-phẩm trong nguyên văn nó và nên rút tỉa, lựa lọc những gì phù hợp với các nhu cầu căn bản của dân tộc ta để mà dịch thuật, giới thiệu. Độ: giả đông - đảo hằng ngày xao xuyến, bản khoán trước những vấn-đề đất nước cần tìm mồi ăn tinh thần trong những xã hội có những sinh-hoạt tương-đồng. Văn nghệ ở các nước còn chiến tranh, còn nghèo đói và thất học, còn bất công và tranh đấu, còn giằng co giữa các ảnh-hưởng quốc-tế hoặc đang gượng dậy vươn lên, nền văn nghệ các nước đó sẽ dễ tạo được thông cảm với chúng ta và bồi dưỡng chúng ta hơn. Văn nghệ của Châu Phi, Châu Mỹ La-Tinh, của Đông Nam Á, v.v... mang những vấn-đề thiết thân, gần gũi chúng ta chắc sẽ được quần chúng ta yêu chuộng và thật cần thiết cho dân tộc ta gáo gỡ, thương yêu các dân tộc đó. Tác-phẩm Châu-Phi da đen, *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* của Alan Paton đã được ông Nguyễn Hiến Lê dịch thuật và nhà Ca-đao ấn hành, bán cũng khá chạy, là một bằng chứng cho một nhu cầu tìm đọc hiện nay. Cả quyền nói về một người da đen nổi tiếng — *Cuộc đời tranh đấu của Mục sư King* — cũng tiêu thụ mạnh. Thiết tưởng đó là triển vọng của một đường hướng dịch thuật thực sự hữu ích đối với chúng ta. Ngay ở Sài-gòn loại sách *Hện diện của Châu Phi* (Présence Africaine) đã được bày bán từ lâu, không thiếu những tác phẩm đầy sinh lực, những bản cáo trạng chế độ thực dân hết sức hùng hồn, mang những vấn đề nghèo đói, kỳ thị và bệnh tật cùng những khát vọng và những nỗ lực trời dậy không ngừng.

Một hiệu tượng khá đặc biệt là sự xuất hiện khá nhiều của sách Nhi đồng đứng đầu, nào là Tuổi Hoa, Tuổi Thơ, Tuổi Xuân, Tuổi Ngọc, Nắng Hồng,

Măng Non, Sách hồng, Đồi Nay, Sách Hồng Sống Mới, Xói đất, v.v... Gần đây lại thêm tuần báo *Thăng Bờm* dành cho trẻ em do ông Nguyễn Vỹ chủ trương, và nhà Trùng Dương của ông Lưu Nghi chuẩn bị phát hành loại sách trẻ em ấn loát công phu với một nội dung chú trọng phát huy màu sắc dân tộc. Trong lúc loại sách thiếu nhi ma quái, cao bồi với một nội dung hoang đường, hiểu sát, trình bày bằng những hình vẽ nhăng nhít với những tờ bìa lõe loét vẫn được tung ra khá nhiều ở trên thị trường bằng một giá rẻ, thì sự cố gắng sản xuất những loại sách báo nhi đồng mạnh mẽ như thế thật đáng hoan nghinh. Đó là một cách tích cực, hữu hiệu chống đối lại những sách báo làm cho sa đọa tinh thần trẻ em vốn không được sự hướng dẫn chu đáo của nhà trường và không được sự kiểm soát chặt chẽ của gia-đình. Tuy vậy hiện nay loại sách thiếu-nhi đứng đắn đang gặp khó khăn, bởi những nhà xuất-bản nhỏ ấn hành không nhiều sẽ không đủ lời để mà chịu đựng trong khi vật giá tăng cao. Rồi đây có lẽ chỉ một số ít nhà xuất bản có cơ-sở mạnh như nhà Tuổi-Hoa của Thiên-Chúa giáo, Tuổi-Thơ của Khai-Trí, Sách-Hồng của Sống-Mới là hy vọng chịu đựng được lâu dài, trong lúc hiện nay phân nửa đã đóng cửa rồi.

Như vậy, loại sách in nhảm, giá rẻ lại có cơ hội chi phối mạnh hơn thị trường sách báo thiếu-nhi. Thực trạng này khiến những đoàn thể có trách-nhiệm đối với tinh thần con trẻ sớm đặt vấn-đề bổ cứu sách báo thiếu nhi cả về mặt lượng cũng như mặt phẩm.

Về lượng có thể bổ cứu bằng sự dịch thuật và sự cải tác. Có lẽ vấn đề dịch thuật đối với trẻ em chưa quan thiết

bằng vấn đề phỏng tác, vì sự phỏng tác dễ thích-nghi-hóa câu chuyện nước ngoài vào trong hoàn cảnh Việt-nam và không gây nhiều trở ngại cho lối học tập hành văn của của trẻ. Còn sự cải tác nhằm biến đổi các tác phẩm dành cho người lớn thành cái món ăn tinh thần phù hợp với khẩu vị trẻ, đó là hiện tượng phổ biến ở các nước ngoài. Tác phẩm *Robinson* của De Foe viết cho người lớn với những lý luận dài dòng đã được vĩnh viễn cải đổi thành một sáng tác cho trẻ, cũng như quyển *Moby Dick* của Melville chứa đầy suy luận triết lý đã được gọt tĩa hết hai phần ba trước khi bước vào tủ sách thiếu nhi. Những quyển nổi tiếng như *Những kẻ khốn nạn* của Victor Hugo thì được cắt bỏ phần cô Cosette, còn *Ông già và biển cả* của E. Hemingway thì chỉ loại mỗi một câu trong đó tác giả so sánh biển cả với người phụ nữ lẳng lơan.

Về chất, loại sách thiếu nhi còn nhiều vấn đề cần được giải quyết. Nhiều cây bút có uy tín bắt đầu viết cho trẻ em, đặc biệt là sách *Tuổi thơ* của nhà Khai-Trí. Nói chung bút pháp thích hợp cho trẻ đang còn là chuyện kiếm tìm, trong khi nội dung các loại sách ấy có những ưu điểm nổi bật và những nhược điểm đáng kể. Quan niệm về người anh hùng thiếu nhi đơn độc không những phi lý mà còn nguy hại, vì trên thực tế khó lòng có những trẻ em làm chuyện lớn lao mà không có sự hướng dẫn, hỗ trợ của các người lớn. Sự phi tính dục, tình yêu trong loại sách trẻ cũng là phi lý. Marc Soriano trong quyển biên khảo *Văn học thiếu nhi* (*Littérature enfantine*) đã viết: "*Trong cái xã hội cá nhân chủ nghĩa hiện thời, khi chúng ta không giúp cho con người được*

này nở về mặt xã hội, thì lại tìm đủ mọi cách dẫn dắt, xua đuổi con người quay về với những cuộc sống tâm tình tư riêng, cuộc sống tính dục. Rồi bao nhiêu là sinh hoạt ca kịch, điện ảnh, hát hò, quảng cáo đều hướng về sự khai thác tính dục của người, con trẻ cũng sống trong môi trường ấy, cũng bị lôi cuốn như là người lớn. Vì vậy, chỉ dùng biện pháp quay lưng lại vấn đề ấy, thật là có vẻ đùa cợt và đạo đức giả. » Ông nhấn mạnh : « Nếu không trả lời những câu thắc mắc của trẻ, hoặc trả lời chúng một cách không thực, thì thái độ ấy không đúng về mặt giáo dục. Rốt cuộc người ta phó mặc con trẻ cho sự may rủi để mà tìm hiểu các vấn đề ấy, người ta không hỗ trợ chúng để chúng biết tự vệ giữa đa tuổi bông bột và giữa môi trường xã hội đầy những xấu xa và cam bẫy. (...) Chỉ có quan niệm về vấn đề ấy một cách nghiêm chỉnh, thành thật, với một ý hướng giáo hóa thì người ta mới nâng cao con trẻ để chúng tham gia xã hội một cách đứng đắn, khi chúng trưởng thành ». Loại sách của ông Duyên Anh khai thác và lãng mạn hóa cuộc đời trẻ em sống ở vỉa hè, không viết hẳn theo cái quan-điểm giáo hóa thiếu nhi được nhiều trẻ thích vì gọi được sự hiếu kỳ của tầng lớp này. Sự thiếu phê bình tác phẩm viết cho thiếu nhi cũng là sự kiện đáng kể. Điều này xác nhận người viết, người đọc, kể cả lớp người có cái trách nhiệm hướng dẫn cũng coi thường loại văn chương đó, trong khi nó có vai trò đáng kể trong sự đào luyện tinh thần con trẻ.

Có người còn bảo hiện tượng sách chường cũng đáng quan tâm như những chường của Kim-Dung vẫn còn ăn khách trên các nhật báo và chường còn choán màn ảnh khá nhiều, thực sự loại này vẫn đang xuống thang — dù xuống một

cách chậm chạp — so với mấy năm về trước.

Sự-kiện đáng cho chúng ta lưu ý hơn cả là thái độ quay về với dân tộc trong sự tìm đọc những sách nói về đời sống Việt Nam. Nhiều tác phẩm của ông Toan-Anh khảo về nếp cũ, tín ngưỡng, xã hội Việt Nam, giá tương đối đắt mà vẫn bán hết. Quyển *Người Việt cao quý* của cô Hồng Cúc tuy là sách dịch, thuộc loại tiểu-luận, mà đã tái bản đến năm sáu lần. Điều này xác nhận người Việt chúng ta, trước những biến cố và những sinh-hoạt mang nhiều tính chất ngoại-lai muốn quay về với dân tộc, với những giá trị truyền-thống cao cả của mình, để tìm lấy nguồn sinh lực cần thiết cho sự tồn tại của giống nòi mình. Sự phản-ứng này thật đáng kính mến và đáng tôn trọng, phát huy, vì đó là cái bằng chứng cụ thể về lòng yêu nước, về lòng tha thiết đến sự độc lập dân-tộc. Nó còn cảm động hơn khi ta nghĩ đến số sách nói về dân tộc chúng ta hiện nay vẫn còn quá ít và quá đơn giản, so với nhu-cầu.

Nhận xét về các sáng tác, có người đã đặt câu hỏi sau đây: « Tại sao chúng ta chỉ có tác phẩm ăn khách, tác phẩm bán chạy một thời, mà không có những tác phẩm thực sự giá trị ? » Chúng ta chớ xét thế nào là có giá trị, và có hay không cái giá-trị đó. Nhưng cái sự kiên tác phẩm ăn khách và những tác giả nhất thời là một sự kiện có thực và cũng dễ hiểu. Đó là trường hợp những người cầm bút chạy theo thị-hiệu trước mắt, họ dễ được sự chú ý khi họ gãi đúng chỗ ngứa của độc giả. Một khi chỗ ngứa đã rồi, độc giả vốn quen được gãi, lại cảm thấy ngứa chỗ khác .. Nếu các người cầm bút đó có

đủ tinh-lễ để tìm ra được các chỗ ngửa khác, và lại có đủ khéo léo để gãi ngon lành thì họ lại còn tiếp tục ăn khách. Nhưng trên thực tế chúng ta thấy rằng ít khi một người cầm bút kiểu đó có thể gãi được nhiều chỗ. Bởi vậy có đôi tác phẩm bán chạy vùn vụt một dạo rồi im, có những nhà văn được nhắc đến mãi một lúc rồi tắt. Cái sự bán chạy như thế cũng khá thú vị ở điểm nó mang lại khá nhiều tiền một lúc nào đó nhưng cũng nguy hiểm vì nó tạo cho người cầm bút đó ảo-tưởng sai lạc về giá trị mình. Chưa nói cái hại lớn lao về mặt xã hội, nếu các tác phẩm chỉ lo nuông chiều, ve vãn thị-biểu thấp kém của quần chúng.

Còn nói rằng văn-học chúng ta có giá trị hay không có, và giá trị ấy ra sao, còn phải thảo luận chỗ đứng, cách nhìn. Đối với thi văn hiện nay, trong khi ông Mai-Thảo cho đó là một *“đánh dấu rạch rỡ cho sự có mặt, sự đi qua ghé góm của con người”* (Tân-Văn số 16, 17) và cũng như ông đã gọi văn-học đó là *“chúa lòa cái mới, tuyệt đúng, tuyệt đẹp”* thì ông Nguyễn-Trọng-Văn lại thấy đó *“chỉ là những căn bã nổi lều bều trên dòng nước đục của mặt cảm và cổ chấp”*. Tê hơn, ông Văn còn xác định rằng: *“đó là thứ văn nghệ phi dân-tộc, hay đúng hơn, phản dân-tộc vì nó làm cho chúng ta ngày nay xa lìa khỏi những vấn đề sôi bỏng của đất nước”* (Đất nước số 7).

Giữa 2 nhận định cực kỳ trái ngược như vậy chúng ta sẽ lại có dịp bàn đến ai đúng, ai sai, nhưng trước hết mỗi người được tự do bày tỏ ý nghĩ thành thật của mình là điều đáng mừng. Dù sao ai cũng thấy rằng đa số những người cầm bút ở xã-hội ta không phải là thiếu tài năng, trái lại nhiều người

tỏ ra là rất có tài, nhưng nếu họ không có thể sáng tác được những công trình văn nghệ đánh dấu lớn lao cho một thời đại hay chưa sáng tạo được những tác phẩm hứa hẹn những giá trị mới, vì họ còn bị hạn chế ở trong hai mặt sau đây: Về mặt vật chất, họ luôn đối phó với những thiếu thốn. Ở trên phương diện khách quan đời sống trở nên khó khăn so với lợi tức của những công-trình văn-nghệ của họ. Họ không có đủ cái khoảng thì giờ cần thiết để nghiên ngẫm một đề-tài, để xây dựng một tác phẩm, bởi phải làm bao nhiêu việc cho cái nhu-cầu cơm áo bản thân và của gia-đình. Đã thế nghề nghiệp của họ ở trong tình trạng bấp bênh thường trực, mà chính những người cầm bút cùng cảnh-trạng ấy vẫn không nâng đỡ được nhau. Về vấn đề này, Tuần báo Khởi-hành ở số 45, trong bài *Chuông báo động*, ông Viên-Linh đã có một đoạn kết-luận như sau: *“Tôi nhớ một nhà văn luôn luôn kêu gọi thúc đẩy anh em qui tụ nhau lại thành một đoàn thể. Đó là anh Sơn Nam. Có đến hằng năm Sơn Nam nói những người viết trang trong cho các báo phải có Nghiệp đoàn-không thể để chủ báo mời ra cửa lúc nào cũng được. Ý kiến ai cũng đồng ý hết, nhưng cho tới nay không có ai thực hiện. Bản quyền không được thi hành đúng, quyền lợi không được bảo vệ, chúng ta chưa có một hội nhà văn Việt-nam, bên cạnh những cái hội kỳ cục như Hội Phụng Tự Thần Thánh,...”*. Trong những điều kiện sống đó, chủ quan của một số người cầm bút đã không tìm cách hòa đồng thông cảm với sinh hoạt chung của xã hội mình mà lại quá nặng về phần hưởng thụ nên bỏ đa số quần chúng của mình để tìm các thứ tiện nghi phải mua bằng giá quá đắt. Giá đó là sự từ chối sự mệnh

đích thực của mình, từ chối tương lai; đích thực và cái sự nghiệp chân chính của mình để mà nuông chiều một số thị thiếu thắp kém ngỗ hầu kiếm lợi nhất thời, hoặc chịu sống cảnh bồi bút để có điều kiện dễ dãi mà làm văn nghệ phù phiếm, nếu không giã từ cây bút để tìm một áp phe khác, một công việc khác có lợi tức cao.

Bên cạnh những sự ràng buộc của một đời sống vật chất càng ngày càng khó khăn hơn còn có những sự ràng buộc thật là quyết định về mặt tinh thần. Xét trên phương diện khách quan, sự ràng buộc ấy ở nơi cơ quan kiểm duyệt mà nay được đổi thành Sở Phối Hợp Nghệ Thuật. Trong quyền *Nghĩ gì*, tập 2, ông Trần trọng Phủ cho chữ *Phối hợp nghệ thuật* còn nặng nề hơn là chữ *kiểm duyệt* « *Bởi vì, nếu Sở Kiểm-duyệt trước đây chỉ có nhiệm vụ cắt bỏ những gì có đụng chạm tới những vấn đề chính trị mà nhà nước không cho phép, hay là vượt quá giới hạn thuần phong mỹ tục thì Sở phối-hợp nghệ thuật, ngoài những cái đó, còn «phối hợp» luôn cả về phương diện văn chương.* » (*Nghĩ Gì*, Tập II, trang 59). Tất nhiên trong mỗi ám ảnh bị cắt, bị trừ, và một khi đã bị trừ thì « *hết còn muốn viết nữa* » như nhà văn Võ-Hồng đã thổ lộ, người viết sẽ mất hứng thú, sẽ dè dặt hơn và không thành thật với mình. Điều kiện thành thật là cái điều kiện đầu tiên để mà đạt tới một giá trị nào. Sự e ngại đó khiến cho nhiều người cầm bút cầu an chọn lấy con đường dễ dãi, đó cũng là một nguyên nhân phát sinh tác phẩm khai thác thị hiếu thấp kém, tác phẩm hời hợt xa lìa dân tộc, tác phẩm vay mượn, mô phỏng theo những công trình nước ngoài. Chính vì nhận-thức rằng « *sự kiểm duyệt khe khắt đối với ngành xuất*

bản là mâu thuẫn với Hiến-Pháp của chế độ và tạo ra sự lụn bại cho nền văn học nghệ thuật Miền Nam, đồng thời đặt giới cầm bút cũng như nhân dân vào cái vị trí bất lợi đối với chánh quyền » mà ngày 5-3-69 vừa qua 100 nhà văn gồm đủ các giới đã gửi một bản kiến nghị lên nhà cầm quyền đề xin « *cấp bách bãi bỏ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản, tương tự như hành động mà Nhà Nước đã có thể làm đối báo giới* ». Từ ấy đến nay cũng đã hơn 1 năm rồi mà nguyện vọng rất chính đáng ấy chưa được xét đến.

Nhưng ngoài một sự ràng buộc đến từ bên ngoài, nhà văn còn bị một sự ràng buộc ở ngay bên trong. Đó là sự ràng buộc rất sâu xa của tư-tưởng mình và tư tưởng ấy phát sinh do điều kiện sống của mình ở trong xã-hội, do sự tiếp thu văn hóa, do cái cách thế quen thuộc trong sự nhìn nhận, giải quyết vấn đề. Xét trên căn bản, đa số người làm văn nghệ không thuộc vào cái số đông khai phá cuộc sống một cách thực tế, tạo dựng xã hội một cách thật sự, cũng không ở vào thiểu số nắm quyền định đoạt guồng máy chế độ, Vì vậy họ sẽ không có thái độ chủ động, tích cực đối với cuộc đời, và cứ đứng trên vị trí của họ đảo cái mắt nhìn tứ phía, họ dễ lấy cái nhãn-quan không mấy thực tế để mà đo lường sự việc, để mà lo buồn thái quá, hốt hoảng vôi vàng hay là tin cây dễ dãi, nếu không chọn sự hoài nghi thường trực để mà tự vệ. Trên căn bản ấy, những người làm văn-học nghệ-thuật nếu không cố gắng rời bỏ nhãn quan thiên cận của mình để nhìn bằng những cặp mắt khác của xã-hội, cặp mắt của đông đảo người quyết định thực sự xã-hội, giải quyết thực sự cuộc đời, thì tất cả những ràng buộc đến từ bên

ngoài càng làm cho họ phá sản hơn nữa. Trong những sự phá sản ấy, quí vị cũng đã nhìn thấy điều thiết thòi nhất là sự xa lìa cuộc sống dân tộc. Khi thường thức nền văn học nghệ-thuật chúng ta, không ai hình dung rõ được cuộc sống đích thực của dân tộc ta, cùng những khát vọng chính đáng của nó ra sao. Tất cả người làm văn nghệ đều thông cảm chung nỗi khổ tâm đó và thấy rõ rằng là ngòi bút mình chưa đóng góp được những gì thật sự cần thiết cho xứ sở mình. Tôi có được xem bài thuyết trình *Đi Tìm Con Người Việt-Nam* của cô Hà-Thị-Chánh đã đọc trong cuộc Hội-Thảo Vận-Động Văn-Hóa Dân Tộc tổ chức tại Thủ-Đức, có đoạn như sau: "*Lớp dân chúng thành thị gần như xa lánh nông thôn, sống xa hoa, theo đòi văn minh máy móc Tây-Phương, tinh thần văn hóa cổ truyền bị lãng quên. Niềm tin dân tộc bị phai mờ, giá trị con người đặt trên võ ngoài của văn-minh máy móc. Ở đó không có sản xuất không có sáng tác, chỉ có hưởng thụ và các kỹ nghệ phục vụ cho những hưởng thụ đó. Chung quanh các thành phố là nông thôn, của chiến tranh, của bom đạn, của 90% dân Việt này. Chính họ mới là những người sống giữa lòng cuộc chiến hiện tại, chịu hy sinh để nuôi sống và bảo vệ Miền Nam này*". Hầu hết ý kiến ở trong đoạn đó đều thật xác đáng, nhưng có một chi tiết nhỏ khiến tôi phải dụi mắt lại để đọc một lần thứ 2 vì sợ mình lầm. Tác giả bảo rằng ở các thành thị chỉ có hưởng thụ mà không có sự sáng tác trong khi các văn nghệ sĩ chúng ta thì hầu như đều ở cả phố phường. Chúng ta không dám nghĩ rằng tác giả nói sai, bởi vì có thể đó là cách nói phủ nhận. Dầu sao câu ấy vẫn là hữu ích dù có làm cho

chúng ta buồn phiền. Tất cả sự kiện vừa rồi cũng đã gián tiếp giải thích vì sao trong mấy năm nay hiện tượng phê bình văn học bị thu hẹp lại, và sau các tờ *Tin Sách*, *Tin Văn* qua đời, gần như không có một sự quan tâm đúng mức đến các tác phẩm công phu, cũng như không có một sự trao đổi kịp thời về các hiện tượng văn nghệ. Ở nhà xuất bản *Trình Bày* có đôi tác phẩm phê phán đúng đắn về văn nghệ, và trên tuần báo *Khởi Hành* ông Nguyễn Nhật Duật vẫn thường cố gắng điềm sách, nhưng so với sinh hoạt chung, những nỗ lực tích cực ấy chưa thỏa mãn được nhu cầu... Có người bảo tại sách ra nhiều quá, không sao kịp đọc, kịp điềm. Điều này quả có thực chăng? Ngày nay vì quá bận rộn sinh kế, vì bị chi phối quay cuồng với nhiều vấn đề thời sự, người ta có lẽ đã ít đọc đi. Tôi thấy một số khá đông mua báo hằng ngày chỉ đọc các «tít» mà thôi. Còn nhiều người làm văn nghệ hỏi ra mới biết là họ đọc sách rất ít. Nhưng quả không phải vì sách ra nhiều mà không có một phong trào phê bình. Lý do chánh yếu là vì chúng ta đã mất niềm tin đối với chúng ta. Chỉ có khi nào ta có tha thiết thực sự đến đối tượng ấy, tin cậy, mong đợi thực sự ở nó, ta mới sẵn sàng, góp ý với nó. Và chỉ có lòng chán nản mới buộc chúng ta phó mặc sự tình, thỏa thuận một kiểu buông xuôi, chỉ có khi nào đụng chạm không sao nín được mới «đổ» ít phát đề cho hả giận. Một số tạp-chí tạm ngưng các mục phê-bình, điềm-sách, chính vì biết nó không mấy ăn khách, nhất là khi bài phê-bình dài quá, chiếm mất nhiều trang trong các tờ báo đã bị thời giá làm cho càng ngày càng mỏng dần đi. Bây giờ sách vở đang bị ối độn một cách đáng ngại, chúng ta có sự chênh lệch quá đậm giữa cung

và cầu. Tôi gặp 2 nhà xuất bản đều bảo có sự « lạm phát sách vở » hiện nay và cùng tỏ dấu than thở về sự đình đốn tiêu-thụ, nhất là tiêu-thuyết. Thiết tưởng sách vở không có bao giờ lạm phát. Sách vở càng nhiều càng tốt nhưng tại độc giả trong những sinh hoạt khó khăn phải hi sinh bớt một số nhu cầu chưa được thiết thực cho bằng cơm gạo. Nhà văn Bình-Nguyên-Lộc nhận định rằng « dân ta nhiễm nhu cầu vật chất, nhưng mức sống lại không lên .. Sắm giày đẹp, thì kể ra không có gì xấu xa, sắm xe Honda cũng tốt, nhưng phiền lắm là sắm xong những thứ đó rồi thì không còn tiền mua sách nữa.. » (Tân Văn 16-17) Cách đây độ 3 tuần lễ, một nhà phát hành khá lớn ở tại Đô-Thành cho biết là tháng vừa qua mãi lực những người tiêu thụ ở tại cơ sở ông ta chỉ còn có 1 phần 10. Một cơ sở xuất-bản khác tương đối có tên tuổi ở Đô-Thành đã bán hàng đóng sách họ in xong cho nhà phát hành với giá 300/o. Tình trạng xuất bản bây giờ còn gặp một vấn đề khác khó khăn hơn nhiều, đó là vấn đề giá giấy tăng cao. Người ta được biết hàng năm chính quyền đã cho nhập cảng khoảng 3 triệu Mỹ - kim giấy, trong đó báo chí đã chiếm 2 triệu, chỉ còn 1 triệu cho tất cả ấn-loát-phẩm về văn hóa. Trong khi hàng năm số nhập cảng xe Honda lên 60 triệu, giấy cho văn hóa chỉ có 1 phần 60 — chúng ta hy

vọng rồi đây chính quyền sẽ chú ý tới văn-hóa nhiều hơn Honda. Bởi nếu giấy cao, ấn-phẩm sẽ bị giảm thiểu vì giá tác phẩm quá đắt, trong lúc mãi lực độc giả đã sa sút nhiều.

Kính thưa quý vị,

Trong khoảng thì giờ giới hạn tôi đã mạo phép trình bày cùng với quý vị, những người yêu chuộng văn hóa, văn học nên mới chịu mất thì giờ đến dự hôm nay, một số ý nghĩ đơn giản của tôi về những hiện tượng mà tôi có thể nhìn thấy ở trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay. Có thể là còn có nhiều hiện tượng hơn nữa. Và những hiện tượng đã trình bày, có thể là chúng tôi chưa nhìn thấy được hết bề rộng, bề sâu của nó. Nhưng tất cả cuộc nói chuyện văn học thế này chỉ là một sự tiếp tục, và tôi không dám viện lẽ ấy để bào chữa cho sự thiếu sót của tôi. Tôi xin được nghĩ là nếu may mắn chúng ta có một ý tốt, thì bao giờ cái ý ấy cũng có một người nói rồi hoặc là viết rồi đâu đó, nhưng không vì vậy mà chúng ta phải làm thình bĩnh bởi lẽ sự nói lặp lại những điều người khác đã nói cũng là một thứ bổn phận ở đời. Trong cuộc nói chuyện hôm nay tôi biết là tôi chỉ lặp trở lại những điều quý vị đã thấy, đã nói, và tôi thành thật cảm ơn quý vị đã cho tôi được có dịp làm bổn phận đó.

VŨ - HẠNH

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Những vì sao trong vườn khuya

★ gửi D. H.

Tôi nhận được thư của Đông vào buổi sáng thì buổi chiều lại nhận thêm một điện-tín của Đông trong đó vốn vẹn có mấy chữ: «ANH LÊN NGAY TRƯỚC THỨ BẢY CHUYỆN RẤT CẦN». Tôi đọc đi đọc lại mấy chữ đó, vừa hoang mang lo lắng vừa tự giận dữ chính mình. Lý do là bức thư của Đông nhận được ban sáng, vì quá vội phải đi dự một buổi họp nên tôi đã không kịp đọc và đã nhét vào chiếc phong bì lớn chung với một số thư đọc giả, cất tạm trong ngăn kéo bàn viết của Trọng. Trọng đã khóa ngăn kéo lại, đem chìa khóa đi, và chiều nay chưa thấy hắn đến, không hiểu tại sao. Tôi bực bội nhìn chiếc ngăn kéo khóa trái, không thể nào mở ra rồi dù đã thử tất cả các chìa khóa của anh em trong tòa soạn, và cũng có vẻ khó mà phá tung ra được.

Tôi tự hỏi Đông đang gặp phải chuyện gì quan-trọng hay nguy-hiểm đến nỗi phải đánh điện-tín gọi tôi lên gấp như vậy? (Đông là em gái tôi, lấy chồng và ở với chồng con tại Dalat). Hay là gia-đình Đông có chuyện lục đục? Chẳng có lẽ, vì trong lá thư trước cách đây chừng nửa tháng Đông còn riu rít khoe chuyện đưa con đầu lòng đã chập chững biết đi. Hay là chuyện gì xảy đến cho Sinh, chồng của Đông? Cũng vô-lý, vì nếu như vậy sao không nói luôn trong điện-tín? Hơn nữa Sinh là mẫu

người công chức hiền lành, mẫn cán, chẳng biết ganh-đua ty-hiền với ai bao giờ. Vậy thì tại sao có bức điện-tín? Dù có thể lá thư nhận được hồi sáng không liên-quan gì đến bức điện tín đó, nhưng tôi vẫn hy-vọng nó sẽ giải đáp hộ tôi phần nào thắc mắc và lo âu. Bởi thế tôi càng bồn chồn trong lúc ngồi đợi Trọng.

Cuối cùng Trọng tới, khoảng gần năm giờ chiều. Hắn giải thích: Xe hư, phải chờ sửa nên tới trễ. Hắn tỉnh bơ trước sự nóng nảy của tôi. Và khi mở ngăn kéo lấy chồng thư đưa cho tôi hắn còn không quên nói vài câu mỉa mai: «Sao mọi ngày mày trầm tĩnh lắm cơ mà, làm gì mà cuống quýt trông khổ sở thế?»

Như tôi đã âm thầm đoán trước, lá thư của Đông chẳng làm tôi bớt thắc mắc chút nào. Nó chỉ cho tôi biết là Sinh, chồng Đông, được sang Đài-Loan dự một khóa tu nghiệp 4 tháng, và theo như lời Đông thì Sinh vừa đi ngày hôm qua. Tuy hai vợ chồng phải xa nhau ít tháng nhưng theo Đông thì đây vẫn là tin mừng cho tương lai của Sinh, của cả gia đình. Có lẽ, theo tôi suy luận, lá thư gửi đi rồi thì Đông bỗng gặp phải một chuyện khó khăn cần nhờ đến tôi, do đó mà có bức điện tín. Tuy nhiên, câu cuối trong lá thư cũng có vẻ bí mật: «Anh có rảnh lên chơi với vợ chồng tui em mấy

hôm trước khi nhà em lên đường. Em có một chuyện rất lạ muốn kể anh nghe.»

Tôi gọi điện-thoại đến một người quen nhờ xin phòng hồ một chuyến máy bay quân sự. Đồng thời tôi liên lạc để mua gấp vé phi-cơ đi Dalat. Hôm nay là thứ Năm.

Và sau cùng, sau nhiều giờ phút xoay sở bằng đủ mọi cách, tôi đã có thể tin tưởng rằng sẽ đúng hẹn với Đông.

oOo

Bấy giờ mùa mưa đang bắt đầu ở Dalat. Mưa bụi bay bay trên đường từ sân bay về thị xã, rồi mưa nặng hạt hơn khi tôi đến trước cửa nhà Đông. Tôi phải đứng dưới mưa như vậy ít nhất cũng năm phút sau khi đã bấm chuông liên hồi. Rồi có tiếng reo của Đông từ trong nhà :

— Anh Hoài ! Trời ơi may quá, em tưởng anh không lên kịp !

Nét mặt Đông hoàn toàn có vẻ vui mừng, tôi không thấy thấp thoáng một nét lo âu hay đau đớn nào phía sau vẻ vui mừng ấy, và tôi cảm thấy yên bụng hơn. Lách mình qua cổng sắt, tôi hỏi:

— Chuyện gì mà cần gọi anh lên gấp thế ?

Đông trả lời, giọng khá bình tĩnh :

— Chuyện dài lắm, anh vào nhà đã nào. Khiếp, quần áo anh ướt hết. Áo blouson đâu sao anh không mặc ?

Đông vừa nhắc đến một cái áo mà nó mua cho tôi cách đây vài tháng. Câu nói bất ngờ bỗng làm tôi thấy lạnh giá một cách kỳ cục. Bấy giờ là mười giờ rưỡi sáng. Sương mù vẫn còn đọng trong hơi mưa. Chúng tôi vào nhà, và tôi tiến lại đóng chặt những cửa kính.

— Em pha cà phê cho anh nhé ! Hay uống sữa nóng ?

— Pha cà phê đi. Sao chuyện có lỗi thì gì đến cô với Sinh không ?

— Không... Thật ra thì có, nhưng chúng em không sao cả.

— Thế sao không nói rõ trong điện-tín ? Mày làm tao tưởng chúng mày bị cái gì.

Đông mỉm cười, lườm tôi và đi vào bếp. Ý chừng Đông phản đối cách tôi gọi nó bằng mày. Năm nay Đông đã hai mươi mốt và đã làm mẹ trẻ con, nhưng chưa lúc nào tôi thấy Đông thật sự thành người lớn. Khi Đông chưa lấy chồng, anh em cũng ít gần nhau vì tôi không mấy khi ở nhà. Tuy nhiên Đông có vẻ thương và sợ tôi nhất trong số mấy anh chị em.

Cà phê nhỏ giọt lặng lẽ trong ly. Căn nhà vắng lặng không cả tiếng đồng-hồ-treo tích tắc. Sinh đã đi được hai hôm. Thằng bé Khôi đang ngủ trong phòng trên lầu. Chị người làm đi chợ chưa về. Đông ngồi xuống trước mặt tôi :

— Mới có vài tháng mà anh gầy trông thấy. Anh lo công việc hay lo ăn chơi mà đến nỗi «dung-nhan tiêu tụy» thế kia ?

— Tao lo chạy tiền cưới vợ.

Tiếng Đông cười ròn, điệu cợt một cách triu mến. Chúng tôi hỏi thăm nhau chuyện họ hàng một vài câu rồi tôi lái câu chuyện trở về khởi điểm — bức điện tín — Đông nói :

— Em định để cho anh nghỉ ngơi dăm phút. Em còn cần kể anh nghe gấp là đằng khác. Anh còn nhớ con bé Tâm không ?

Trong lúc gật đầu, tôi vẽ phác bằng

trí nhớ khuôn mặt và dáng dấp một cô bé, một thiếu nữ xinh đẹp, rụt rè, ngây thơ, đôi mắt to như lúc nào cũng ngỡ ngàng và lo sợ. Tâm là bạn học cũ rất thân của Đông. Cho đến ngày Đông lấy chồng, hai đứa dường như không rời nhau. Đã lâu tôi không gặp Tâm, chẳng hiểu bây giờ cô bé ra sao. Và trong khi nhớ về hình ảnh Tâm, tôi bỗng thoáng bắt gặp từ đáy tâm hồn mình một niềm ngậm ngùi, thương xót : Tâm bị bệnh nặng, bệnh tim, đã từng phải vào bệnh viện chữa rất lâu nhưng hình như vẫn không khỏi, vì thế Tâm sống trong nỗi đau đớn triền miên, nỗi buồn thăm thẳm của một sợi dây đàn mong manh chờ được đứt để giải thoát. Tôi hỏi Đông :

— Nó bây giờ ra sao ? Khá hơn trước không ? Hay là...

Đông lắc đầu, vẻ mặt khó hiểu. Rồi có lẽ sợ tôi vẫn theo đuổi một ý nghĩ chết chóc, Đông nói thêm :

— Nó vẫn thế. Vẫn ở Long-Hải.

— Tại sao khi không cô hỏi anh về Tâm ?

— Thì bởi vì đây là chuyện của nó. Anh còn nhớ anh chàng Thảo không đã ?

— Thảo nào nhỉ ?

— Thảo bạn nhà em, lính nhảy dù, cao cao, đánh ghi-ta hay đó. Đạo trước anh ấy...

— Nhớ, anh nhớ rồi. Chàng ta là người yêu của Tâm phải không ? Sao bảo hai người xa nhau rồi ?

Đông bỏ thêm đường vào tách nước trà. Tiếng muỗng khua lách cách buồn bã. Đông nói rất chậm rãi :

— Không, Tâm với Thảo chỉ xa nhau một thời gian rồi lại càng khăng khít

hơn. Đạo em mới lấy Sinh là lúc Tâm trở lại với Thảo đấy. Chúng nó đang định làm đám cưới sang năm.

— Đám cưới?...

Đông gật đầu. Câu nói của tôi dừng lại nửa chừng một cách cố-ý nhưng Đông đã hiểu ý tôi. Đông trả lời :

— Thảo có biên thư cho vợ chồng em. Thảo nghĩ rằng chính cuộc hôn nhân êm đẹp của Thảo và Tâm sẽ giúp Tâm chữa khỏi bệnh, chữa khỏi cả hai thứ bệnh của Tâm.

— Sao lại hai thứ bệnh ? Anh tưởng Tâm nó chỉ yếu tim thôi chứ ?

— Nó yếu cả thần-kinh nữa anh. Anh không thấy nó hay cười khóc bất thường à ? Chắc anh không để ý...

Tôi im lặng suy nghĩ sau câu nói của Đông. Trong khi đó, Đông kể về mối tình giữa Thảo và Tâm, những bức thư tình, những trang nhật ký của Tâm mà Đông được đọc, trong đó là cả một thế giới ước mơ của cô bé mười chín tuổi. Cũng theo Đông thì Tâm đã có lần, nghĩ đến thân phận mong manh của mình, định lẳng lẳng cắt đứt cuộc tình. Nhưng chỉ sau một vài tháng, Tâm không chiến-thắng nỗi tình yêu và cũng không thể tiếp tục tự lừa dối mình. Điều này về sau Tâm kể hết với Thảo. Và có lẽ cũng vì thế mà Thảo đã có quyết định tiến gấp đến cuộc hôn nhân.

Đông ngừng một lúc và tôi vẫn im lặng hút thuốc thở khói lên trần nhà. Những hơi thuốc nồng nàn trong khí lạnh dịu dịu. Rồi tôi cất tiếng hỏi Đông một câu rất băng quơ. Không nghe tiếng Đông trả lời, tôi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt Đông, nhắc lại câu hỏi với giọng chăm chú hơn :

— Thế tại sao lại nhắn anh lên làm gì ?

Lúc nói được mấy chữ đầu trong câu hỏi đó, tôi bỗng kịp nhận thấy mắt Đông đỏ hoe và có ngấn nước. Trong một tích tắc, tôi thấy có một ánh chớp loé lên trong đầu, và giữa tích tắc mong manh ấy tôi có cảm tưởng hiểu hết tất cả mọi việc. Tôi nghe bật ra từ miệng mình một cái tên :

— Thảo ?

Đông gật gật đầu và úp mặt vào hai bàn tay, mái tóc xõa xuống mặt bàn. Tôi cố ý đợi một phút trôi qua trước khi cất tiếng hỏi :

— Thảo chết bao giờ ? Cô vừa nhận được tin mấy hôm nay phải không ?

Đông lắc đầu và ngừng mặt lên. Khuôn mặt đẫm nước mắt nhưng giọng Đông rất bình tĩnh, chỉ nghe lại một chút ở giây đầu tiên rồi thoát ra tron tru :

— Thảo chết từ nửa năm nay. Em nhận được tin Thảo chết từ nửa năm nay.

Tôi cảm thấy bị dẫn đi từ cơn sửng sốt tới sự rối loạn đầu óc, và sau cùng thấy bực mình khi nghĩ rằng Đông cố tình úp úp mở mở câu chuyện để tạo bất ngờ. Nhưng ý nghĩ đó tan biến ngay vì tôi nhớ lại tính nết của em gái tôi, có lẽ nó vụng về không biết sắp đặt đầu đuôi câu chuyện thì đúng hơn. Tuy vậy tôi vẫn hỏi với giọng gần như gay gắt :

— Cô không thể kể đầu đuôi cho mạch lạc được sao mà lại để đến lúc này mới nói ?

Chúng tôi cùng im lặng một lúc khá lâu. Tôi nói một điều thuốc mới. Đông chăm chú nhìn vào lòng bàn tay, và như mọi khi, không có vẻ gì hờn giận tôi

vì câu mắng nhưng hình như đắm chiêu suy nghĩ điều gì. Lúc Đông cất tiếng nói, câu nói của Đông là để nối tiếp vào ý khi nãy :

— Thảo chết ở Saigon. Bị thương nặng, chở về Bệnh Viện Cộng-Hòa Có nhân tin cho nhà em mà không kịp Thảo chỉ để lại một bức thư đọc nhất gửi nhà em, nguệch ngoạc có vài chữ rồi đọc nhờ một anh bạn nào đó viết dùm.

Tôi hình dung trong trí tưởng tượng, sự cố gắng phi thường của người lính trên giường bệnh để gửi lại một bức thư trước khi hấp hối. Tôi nhìn Đông, có ý hỏi về bức thư đó, Đông nói :

— Thư anh Sinh giữ trong ví cùng với ảnh của Thảo. Anh có thể tưởng tượng Thảo nhờ nhà em chuyện gì không ?

Tôi im lặng nhìn Đông, chờ đợi. Căn nhà bỗng như rộng hơn và hơi lạnh bỗng se sắt làm tôi ngây ngất :

— Thảo nhờ nhà em nhại chữ Thảo, viết đều cho Tâm mỗi tuần một lá thư y như lúc Thảo sống. Anh có hiểu để làm gì không. (tôi gật đầu nhưng Đông vẫn tiếp tục giảng giải)—Vì Thảo không muốn làm Tâm xúc động mạnh. Trước kia Thảo có dặn Tâm là hễ bao giờ thấy bật tin Thảo thì nghĩa là...

Đông ngừng lại. Tôi dứt nối điều thuốc thứ tư. Hình như câu chuyện đã sáng tỏ. Tôi hỏi Đông :

— Bây giờ Sinh đi vắng nên cô định nhờ tôi tiếp tục làm cái ấy phải không ?

Tôi chờ Đông xác nhận để tôi từ chối dứt khoát (vì lẽ gì tôi cũng chưa tìm ra). Nhưng Đông lắc đầu :

— Không, không phải thế đâu ! Anh Sinh có viết sẵn mấy cái thư để nhà.

Nhưng bây giờ vô ích. Bởi vì Tâm nó sắp lên đây ở đây với chúng em. Nó sẽ tới Dalat chiều nay.

Tôi phải thú thật câu nói đó của Đông làm tôi giật mình. Trong một lúc sau đó tôi ngồi im, đầu óc trống rỗng hoàn toàn, không nghĩ tới một điều gì. Có tiếng mở cửa, rồi tiếng mở cửa. Tôi quay đầu lại. Chị người làm của Đông đi chợ về, cúi chào rồi thẳng trong bếp. Tiếng Đông dặn với theo, đem nước-sôi và cà-phê. Có lẽ Đông tưởng tôi đang suy-tính một giải pháp nào đó. Đông nói, giọng kể lẽ buồn bã :

— Em với nhà em đã bàn tính mãi mà không biết làm sao. Chúng em định báo tin Thảo bị thương, rồi dần dần sẽ nói rõ. Đàng nào cũng một lần. Em thấy không thể lừa dối nó mãi, em không có can đảm. Anh, em thương nó quá, anh...

Giọng Đông đã nghẹn vì nước mắt. Tôi vẫn im lặng, im lặng với đầu óc rỗng không và thấy mình ngu độn quá mức. Đông trấn tĩnh dần và tiếp tục kể lẽ. Tôi đứng dậy, đi ra phía cửa sổ, mở một cánh cửa chớp. Mấy câu nói sau của Đông tôi nghe không rõ :

— Chúng em đã định làm như thế mà chưa kịp gửi cái thư ấy thì nhận được giấy thép của Tâm. Vừa đúng hôm anh Sinh đi. Nhà em bảo nhắn anh lên. Em cũng không biết...

Hơi gió lạnh ứa vào làm tôi rùng mình. Ngoài cửa sổ, khu vườn nhà Đông hắt hiu trong cơn mưa nhỏ day dứt. Có một vài bông hoa hồng đang cuối vườn kia.

Khi tôi quay lại, Đông vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, nhìn tôi đăm đăm có vẻ chờ đợi. Tôi tiến lại bàn, dụi dụi thuốc cháy dở vào chiếc gạt tàn và

nhặt bao thuốc bỏ vào túi, nói với Đông :

— Anh đi thăm một người quen ở Yersin. Cố cứ yên tâm, chiều nay chúng mình cùng ra sân bay đón Tâm. Rồi mọi chuyện anh sẽ tính sau.

Đông phác một cử chỉ phản-đối nhưng lại ngừng lại. Sau đó Đông nói :

— Anh lấy xe nhà em mà đi. Anh đồ xăng hộ em luôn đề chiều còn đi đón Tâm.

oOo

Hai anh em chúng tôi đến phi trường khoảng bốn giờ chiều và phải ngồi đợi khá lâu chuyển bay từ Saigon mang Tâm tới. Trái ngược với buổi sáng trời mưa, không hiểu sao chiều nay trời rất đẹp mặc dù hơi lạnh se sắt. Tôi thấy nhiều mây xanh trên đỉnh đầu như một vạt áo dài khổng lồ. Đông ngồi cạnh tôi, tiếp tục nói những chuyện xoay quanh cuộc tình nồng nàn của Tâm và Thảo thuở trước và bây giờ. Tôi bảo Đông :

— Anh bảo thật, anh thấy vợ chồng có làm một chuyện đáng lẽ không nên làm tý nào.

Đông phản đối:

— Em không đồng ý với anh. Nếu anh ở vào hoàn cảnh tụi em lúc đó anh cũng phải làm như thế.

Ngừng một chút Đông tiếp và câu nói chậm hẳn lại :

— Thật ra bây giờ nghĩ lại em cũng thấy mình liều lĩnh quá.

Chúng tôi ngồi im lặng sau đó cho đến lúc máy bay hạ cánh và Đông chỉ cho tôi thấy Tâm đi từ ngoài phi đạo

vào đến cổng trong, chỗ chúng tôi đậu xe. Tâm mặc áo dài màu tím, vẫn nhỏ bé như độ nào. Tôi nghe tiếng Đông loáng thoáng trong gió :

— Hình như nó đi một mình. Lạ nhỉ ?

Tâm đã vượt qua cổng và đã nhìn thấy chúng tôi. Đông chạy đến và hai đứa ôm choàng lấy nhau. Tôi bước lại gần, Lúc Tâm tươi cười cúi chào, tôi nhận thấy cô bé đã lớn, đã già hẳn đi, và đôi mắt to đen như chìm trong một nỗi buồn bã âm thầm. Ngược lại giọng nói và tiếng cười của Tâm trong vắt, thân mến :

— Anh Hoài ! Gớm lâu quá mới gặp anh, anh lên chơi Dalat đấy à ? Em đang định “dọn nhà” lên ở với Đông đấy anh !

Chúng tôi cùng tiến lại xe nhưng Tâm chưa chịu trèo vào. Tâm nhìn tôi một lúc rồi nói :

— Em thấy anh già đi nhiều.

Giọng Tâm nhỏ nhẹ trêu mến. Nhưng khi xe nổ máy và lăn bánh, tôi lại nghe tiếng Tâm cười ở ghế sau :

— Còn em, anh thấy em có khác không hở anh ? Chắc em cũng già đi nhiều ?

Tôi nghe giọng mình nói dối rất tự nhiên :

— Không. Ngược lại tôi chỉ thấy cô xinh hơn trước, cười ròn hơn trước.

Tiếng Tâm tinh nghịch :

— Anh chỉ nói. À ra như thế nghĩa là trước kia anh thấy em xấu lắm phải không ?

Tâm không đợi câu trả lời của tôi vì Đông đã quay xuống hỏi :

— Sao mẹ không đưa Tâm lên ?

— Mẹ Tâm bận hàng họ chưa về Saigon được. Tâm xin mãi mẹ mới cho đi

trước đấy. Ngày kia mẹ Tâm lên.

Tâm ngừng một chút rồi nói tiếp với tiếng cười khúc khích :

— Minh còn cả ngày mai tha hồ đi chơi. Mẹ Tâm mà lên thì sức mấy được đi. Lại bắt mình nằm nghỉ ở nhà chán chết. À sáng mai Đông cho Tâm đi đâu đầu tiên nào ?

Những hơi gió lạnh tạt vào mặt tôi làm tôi hơi rùng mình Rùng núi chạy giạt lùi và sương mù bình như đã bắt đầu xuống, phủ lên con đường trước mặt dẫn về thị-xã. Tôi bỗng thấy thêm vô-cùng một ly cà phê nóng và căn phòng ấm một mình. Nhưng tôi không tin rằng mình sẽ được thật sự nghỉ ngơi trong những giờ phút sắp tới.

oOo

Buổi tối hôm đó Tâm không chịu đi ngủ sớm mặc dù tôi và Đông khéo léo thúc giục nhiều lần. Tâm ngồi nói chuyện với Đông, bế thằng bé Khôi đi quanh nhà, hát nho nhỏ những bản tình ca mà hồi trước Tâm vẫn hát. Rồi Tâm ngồi đánh cờ domino với tôi và Đông, thỉnh thoảng hỏi thăm tôi những chuyện vu vơ. Trông Tâm hồn nhiên và tươi vui, mặc dù trong mắt cô bé vẫn phảng phất một nét buồn xa xôi y như từ dạo mấy năm trước lúc tôi mới ở xa về thăm nhà và gặp Tâm đến chơi với Đông lần đầu tiên. Tôi để ý thấy trong câu chuyện Tâm nói với Đông, Tâm nhắc đến tên Thảo mấy lần, và mỗi lần như thế, Đông có vẻ cố gắng hết sức để dấu sự bối rối và để lắng chuyện. Tôi phải xen vào, giúp Đông khỏi xúc động bất ngờ, vì sợ Tâm sinh nghi. Nhưng Tâm vẫn góp chuyện bằng những nụ cười hồn nhiên. Hai núm đồng tiền trên má Tâm ngày đó bây giờ dường như lại hiện rõ hơn và mai

lúc hẳn sâu vào đáy tâm hồn tôi như một niềm ân hận xen lẫn nỗi ngậm ngùi. Tôi sắp sã trong đầu thứ tự những câu nói khéo léo nhất đã được tính toán kỹ càng để nói với Tâm, bảo cho Tâm biết sự thật như thế nào mà không gây một xúc động quá bất ngờ. Nhưng thật thật tôi không dám tin tưởng ở sự tính toán đó của mình, cũng như ở sự bình tĩnh cần có của tôi và Đông khi bắt đầu câu chuyện, cũng như khi đối phó với những phản ứng của Tâm. Hơn nữa tôi cố bám víu vào một niềm hy-vọng là dù sao Tâm cũng sẽ không bị xúc động quá đáng hoặc Tâm có thể, với sự giúp đỡ của chúng tôi, đè nén cơn xúc động ấy. Những câu nói tôi định để dành lại vào ngày mai trong một cuộc đi chơi đâu đó. Còn buổi tối nay tôi tính là để Tâm nghỉ ngơi thật thoải mái đã. Nhìn sang Đông, tôi thấy đôi mắt em gái tôi nặng trĩu những lo âu. Buổi tối gửi hơi lạnh len lỏi qua những khe cửa chớp vào gian phòng nhỏ. Trời tạnh ráo, gần như không còn dấu vết nào của trận mưa hồi sáng. Khu vườn nhà Đông âm thầm trong vùng sương đêm. Mãi đến hơn mười một giờ Tâm mới chịu theo Đông lên gác ngủ. Tôi ngồi lại một mình bên cửa sổ, thỉnh thoảng xoa tay lên cửa chớp giá lạnh. Tôi nghĩ đến ngôi mồ lạnh của Thảo ở một nghĩa trang xa xôi nào đó. Và thân xác của Thảo, đã tan rữa từ bao giờ nhưng vẫn còn nguyên vẹn, linh hoạt trong giấc mơ dài và nỗi nhớ của người yêu Thảo. Ý-nghi đó làm tôi rùng mình.

Buổi sáng hôm sau tôi và Đông quyết định đưa Tâm đi chơi một vài nơi, mở đầu là Cam-Ly. Chúng tôi định không ăn cơm trưa ở nhà. Trong lúc Tâm thay quần áo trên gác, tôi và Đông đứng với nhau ngoài vườn. Những bông

hoa buổi sớm mai đón ánh nắng đầu tiên sau lớp sương mù còn đọng nhạt, Đông hỏi tôi :

— Anh phải bắt đầu hộ em đi chứ ?

Phía xa, trên sườn đồi, thấy in hẳn bóng một người chậm rãi đạp xe ngang qua. Và mây xanh trong bao phủ cái bóng báo hiệu một ngày đẹp. Nhưng ngọn đồi phía sau lưng nhà vẫn còn đọng nhiều sương mù. Nắng chưa hắt tới đó. Suốt trong lúc ngồi ăn sáng, rồi ngồi Thủy Tạ uống cà-phê, và cả lúc tới Cam-Ly, tôi (và Đông cũng vậy) không sao tìm ra một dịp để bắt đầu câu chuyện muốn nói. Tâm luôn luôn cười và tinh nghịch hỏi thăm tôi về những kỷ niệm ở Dalat năm xưa của tôi, về mối tình mà Tâm đã được nghe biết.

Khi ngồi nghỉ chân ở Prenn, có một lúc tôi hỏi Tâm, nhân thế Tâm nhắc tới Sinh và Thảo. Câu hỏi của tôi không hẳn đúng với thứ tự mà tôi đã sắp sã:

— Tâm với Thảo xa nhau đã lâu rồi nhỉ ?

Chỉ một thoáng tối trên mặt Tâm mà tôi kịp nhận thấy. Rồi Tâm đáp rất nhẹ nhàng :

— Dạ đã hơn nửa năm nay rồi anh, từ dạo anh ấy dời lên Dakto rồi đi lung tung bao nhiêu nơi khác.

Tâm ngừng lại một chút. Đông nhìn tôi. Thật ra Thảo không đi lung tung nhiều nơi. Thảo dừng chân ở Dakto và ngã xuống ở đó. Những nơi sau này là công-trình của Sinh cố gắng xoay sở bằng mọi cách để có các địa-chỉ gửi thư đi. Tôi không tưởng tượng được làm sao Sinh có thể làm nổi như thế trong sáu tháng trời. Tôi hỏi Tâm :

— Tâm không viết thư cho Thảo à ?

Tâm vẫn cúi mặt và Tâm nói, giọng Tâm buồn bã, đầy nhẫn nhục :

— Anh ấy dặn em đừng viết vì anh ấy không ở lâu một chỗ nào, sợ lạc thư.

Rồi bỗng Tâm ngoảnh lên nhìn tôi. Vẻ mặt Tâm thoáng đổi rất nhanh, một cách kỳ lạ, cũng như giọng nói của Tâm trở lại thanh thoát và hồn nhiên :

— Nhưng mà tại em không xa nhau đâu anh. Anh có biết là thư mới đây anh ấy nói với em chuyện gì không ? (Má Tâm như hơi ửng hồng). Đề về nhà em lấy cho anh xem nhé ! Anh có muốn xem không ?

Tâm cười khúc khích với Đông :

— Có nên cho anh Hoài xem thư không hở Đông ?

Có một cái gì vướng ở cổ họng tôi, chặn kín lối thoát của những câu nói định thốt ra. Tôi nhìn xuống chân. Tiếng Tâm cười trong vút, rồi Tâm kéo Đông đứng dậy. Tôi cảm thấy thông cảm với em gái và tự hiểu rằng tôi không có đủ can đảm, đủ bình tĩnh, tôi không thể nào nói được những câu nói dự-tính. Tôi chỉ muốn hét một tiếng thật to, hét vào tai Tâm cái tin quái ác kia rồi muốn ra sao thì ra. Những sợi giây vô hình trong đầu tôi căng thẳng. Tâm bỗng trở lại và đưa một tấm ảnh như dí sát vào mắt tôi

— Anh nghĩ ngợi gì mà như mất hồn thế ? Ảnh em với Đông vừa chụp nè, anh coi có giống hai con ma lem không ?

Tôi nhìn Tâm, nhìn Tâm rất lâu. Tâm cũng nhìn lại tôi, miệng Tâm hơi thoáng một nụ cười và mắt Tâm to đen, sâu kín, buồn bã và bí ẩn.

oOo

Buổi chiều hôm đó một người hàng xóm sang chơi, bế theo đứa con nhỏ. Chị ta ngồi nói chuyện với Đông và cả Tâm,

chuyện dang dai không đâu vào đâu. Chồng chị ta đi lính, đóng ở Qui Nhơn, vừa về thăm ít hôm và cũng vừa lên đường sáng qua. Tôi bỏ đi, đến nhà một thằng bạn cũ ở đường Duy-Tân, và ở lì đó cho đến sau giờ cơm chiều. Tôi không muốn trở về nhà Đông chút nào. Và tôi tự hỏi bao giờ tấn bi hài kịch này chấm dứt, chấm dứt ra sao, và kết cục thế thảm đến đâu, nhưng dù thế thảm đến đâu thì cũng phải chấm dứt đi chứ.

Khi tôi vào nhà, tôi nghe tiếng Đông ru con trên gác. Không thấy Tâm, chắc Tâm cũng ở trên đó. Tôi ra vườn. Đêm đã xuống, đã che phủ những lối đi những luống hoa, những bông hoa rục rờ buổi sáng. Tôi ngước mặt nhìn lên bầu trời. Những vì sao đầu tiên đang lấp lánh, run rẩy trong hơi lạnh se sắt. Tôi nhớ rằng đã tới mùa mưa. Một đêm có sao đầy trời là điều khá kỳ lạ. Nhưng những vì sao vẫn tiếp tục hiện ra, run rẩy trên bầu trời giá lạnh.

Tiếng dép lép kẹp phía sau, tôi quay lại. Đông bước ra một mình. Tôi hást hàm ra ý hỏi và Đông lắc đầu. Như thế nghĩa là Đông cũng chưa có cơ hội để nói câu chuyện theo dự tính. Đông hỏi :

— Nó đâu rồi ?

— Ai ?

— Tâm đó.

— Ở kia, tôi tưởng nó ở trên gác với cô.

Vẻ mặt Đông hết hoảng và tôi cũng lo lắng. Chúng tôi đi ra cổng. Không có ai. Con đường vắng tanh. Đông kéo tay tôi đi về phía hông nhà, chỗ cuối vườn. Tâm đang ngồi ở đó, trên viên gạch hàng hiên. Tôi thoáng thấy mùi hoa lan thơm ngát tỏa nhẹ trong không khí. Chúng tôi lại

gần và Tâm mỉm cười, hàm răng trắng mờ giữa bóng tối. Đông nói :

— Tâm ngồi đây mà anh mình không trông thấy.

Tiếng Tâm đáp rất nhẹ. Chúng tôi ngồi xuống bên nhau.

— Em ngồi đây ngắm sao bắt chước anh Hoài. Sao đẹp quá phải không anh ? Sao đêm nay trời lại nhiều sao thế Đông nhỉ ?

Tôi châm một điếu thuốc. Tâm nói :

— Anh thổi khói vào mặt em. Em không cho anh xem bức thư nữa đâu.

Có cái gì là lạ trong giọng nói của Tâm. Tiếng Đông :

— Tâm đừng thèm đưa anh ấy xem Tâm ạ !

Tiếng Tâm trả lời. Thoạt đầu tôi nghe một cách băng quơ không chú ý. Nhưng một giây sau tôi thấy một hơi lạnh rợn suốt dọc xương sống và tôi như lặc g người đi. Đông chạm mạnh vào người tôi. Câu nói của Tâm :

— Ừ, Tâm không đưa đâu. Với lại có phải thư anh Thảo viết đâu mà đưa.

Im lặng chừng nửa phút. Tôi thấy Tâm vẫn ngồi im như thế; nhìn lên bầu trời lấp lánh những vì sao. Tiếng Đông hỏi, giọng Đông run run nghe thấy rõ :

— Tại sao Tâm lại nói thế ?

Giọng Tâm đáp, trái lại, rất thản nhiên. Thản nhiên và lạnh lẽo đến độ làm tôi rùng mình ;

— Vì Tâm biết, Tâm biết từ lâu rồi. Đông tưởng Tâm không biết à ? Cả anh Sinh nữa, chắc cũng tưởng thế. Anh Sinh chỉ bắt chước được chữ Thảo thôi chứ làm sao bắt chước được lời Thảo.

Tâm ngừng lại và tôi nghe tiếng thở

của Đông như đứt quãng bên cạnh. Tôi cũng đang xúc động chẳng kém gì Đông nhưng, thật lạ lùng, có lẽ tôi không ngạc nhiên lắm thì phải. Hình như trong đáy sâu tiềm thức tôi đã chờ nghe Tâm nói ra điều ấy.

Một lúc sau Tâm nói tiếp, giọng nhỏ hẳn lại như thể Tâm thì thầm với chính mình :

— Thật ra Tâm cũng mới biết chắc chắn từ mấy ngày nay. Trước kia Tâm chỉ đoán lờ mờ thôi. Hôm thứ sáu tuần trước có một người đến thăm nhà Tâm. Đông có biết là ai không ? Minh đó. Đông có biết Minh không ? Minh là người bạn năm chung phòng với Thảo ở Bệnh-viện Cộng Hòa một ngày trước khi Thảo chết. Minh mới ở xa về. Minh tìm thấy một bức thư hồi xưa của Tâm gửi cho Thảo Minh tưởng Tâm chưa biết Thảo chết... Mà kể ra nếu Minh không tìm đến thì Tâm cũng...

Tâm ngừng lại như phân vân tìm chữ để giảng giải. Đông đang nhìn tôi và tôi chắc hai anh em đang cùng chung ý nghĩ. Là không hiểu phản ứng của Tâm lúc gặp người lính đưa tin ấy như thế nào ? Nhưng hình như nỗi thắc mắc đó đã có sẵn câu trả lời. Bởi vì Tâm đang ngồi bên tôi và Đông, Tâm đang nói về cái chết của Thảo, giọng Tâm buồn bã đau đớn nhưng thật bình tĩnh. Nghĩa là Tâm đã không bị xúc động mạnh đến độ nguy-hiểm như Thảo, như Sinh như Đông và như tôi vẫn lo lắng. Mỗi lo lắng và những sắp đặt của bốn người chúng tôi từ bao lâu nay bỗng dưng trở thành vô-ích như một tấm lưới căng rộng đợi một thân người rơi từ lâu cao xuống và cuối cùng người đó đã không rơi. Nhưng tôi tự hỏi tại sao Tâm đã giữ được bình tĩnh như vậy

Phải chăng Tâm đã khỏi bệnh? Hay là chính cái chết của Thảo, sự phi-lý cùng tột của một cái chết đã giúp Tâm khỏi? Sự bất ngờ và mối xúc động lớn lao nhất chẳng lẽ lại là yếu-tố để một trái tim yếu đuối và những sợi dây thần kinh mong manh không còn yếu đuối mong manh hơn được nữa? Không bao giờ tôi tìm được lời giải đáp cho những câu hỏi đó.

Tâm đang gục đầu lên vai Đông khóc lặng lẽ, tiếng nức nở của Tâm âm thầm trong khu vườn khuya. Tôi nhìn lên trời cao. Sao đã giăng kín bức màn đen. Tôi nghe tiếng Tâm thồn thức trên vai Đông:

— Anh Thảo không chết phải không Đông? Đông, trả lời Tâm đi Đông! Anh Thảo không chết, anh Thảo còn sống phải không?

Những vì sao đang di chuyển lặng lẽ trên cao. Có vì sao của Thảo trên đó, đang đi tìm Tâm. Những vì sao của những người đã ra đi đang lặng lẽ trôi theo nhau, đi tìm ngày tháng cũ.

Đêm đó trời lạnh se sắt và chúng tôi ngồi ngoài vườn rất khuya. Càng về khuya bầu trời càng chằng đầy sao.

Hai hôm sau tôi lên máy bay trở về Sài-gòn. Tâm và Đông ra tiễn tôi ở phi trường, buổi sáng sớm sương còn giăng mù rừng cây. Tâm mặc áo len màu xanh, đôi mắt to đen ráo hoảnh, buồn bã và bí ẩn như bao giờ,

Tôi hẹn sẽ trở lại Đà-lạt ăn Tết cùng Tâm và vợ chồng Đông. Đông nói sẽ viết thư cho tôi. Rồi chuyển máy bay cất cánh và đưa tôi lên cao. Tâm và Đông xa dần phía dưới.

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

TIN VUI

Được tin trẻ, bạn F HAN-QUỐC-VIỆT đẹp duyên cùng cô VÕ-THỊ-PHƯƠNG ngày 15-4-1970 (nhằm ngày mườ tháng ba âm lịch) tại Saigon,

Chúng tôi thân chúc hai bạn VIỆT-PHƯƠNG miên trường hạnh phúc.

PHONG-SƠN,
LINH, VÂN và THU-THẢO

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ĐÓN ĐỌC :

TƯ TƯỞNG

— bộ mới năm thứ ba

— số 1 phát hành ngày 1-5-70

— Chủ đề : **CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC GÌ CHO QUÊ HƯƠNG ???**

— Gồm các bài của : ngôtrọnganh — thíchminhchâu kimđịnh — thíchquảngđộ thạchtrunggiả — tuệ sỹ phạmcôngthiện — tônthấtthiện nguyễndăngthực — thíchtrítinh thíchnguyêntánh.

108 trang giá 60 đ.

— Chủ-nhiệm, Chủ-bút :

T. T. THÍCH MINH-CHÂU

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng Xuân Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và làm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo ; 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/4, 1/5, 1/6 và 1/7

TÌNH CA

Thơ PHƯƠNG-HOÀ-SỬ

ta vẫn nằm nghe sóng lùa bãi vắng
trời cuối đông nên rét lướt cây rừng
mai người có về Phan-thiết hay không
tình yêu đó liệu suốt đời phai nhạt
người đã xa rồi muôn vạn kiếp trước
nhắc làm chi dăm loài hến chân cầu
cành cũng xẻ ngày nắng dịu theo nhau
vườn hoang đã khép thêm phần tủi hồ
nhiều năm rồi có qua thành quách cũ
núi bạc đầu bãi muối vẫn ngày thơ
từng lớp thùy dương giống cát bên bờ
hàng cây đước hong dáng mềm dịu vợi
ta đợi suốt đời niềm tin chưa tới
chim lạc bầy đã mờ mịt non xa
tình sớm phất phơ như lá cây già
lòng trời rộng rơi quê hiền lác đác
người nữa kiếp hàng cung rong bèo trôi dạt
ta một vòng vương miện mãi mãi lênh đênh
nắng chớm đa tình trong suốt những ngày xuân
và ong bướm liệu trọn đời quên bay về tổ
ta nằm nghe tình yêu lui tàn ngày xưa đó
trái tim người đang đỡ thuở hồng hoang
người đã mù khơi như nước xa nguồn
cành dương trắng cúi đầu vợi quay về cội
tình ta đó lũng sâu càng thêm tối
bước mau về mờ mịt dấu chân đêm
mai người có đi chối bỏ thiên đường
có vợi vãi cầm khăn lau nước mắt

không gian ảm sao mặt trời cô độc
và lòng người thui chột nụ tầm xuân
ta dấu trong ta từng nhúm điều tàn
trên vương quốc cũng vô cùng thống khổ
người với ta hai tình cầu xấu số
đứng nhìn nhau qua trọn kiếp hoang tàn

Ngày phép cuối ở Hội-An

Thơ HOÀNG-LỘC

Tôi sẽ đi như ngày rất xưa
trời sẽ mưa — tôi chắc trời mưa
em nhìn theo đường xa hút mắt
hỏi mấy sông buồn khúc nhật thừa ?

Hội an ơi — bây giờ bao giờ
nhánh cây vào một buổi chiều thu
lá cây cũng mất vào dấu bề
em có sầu không nổi lãng du ?

muốn hẹn với em mai tôi về
vẫn tin lòng ấy với tình kia
nhưng vai áo lính tôi sờn rách
hẹn ước với đầy trên lối đi

thành phố ta — thành phố đầu đời
càng xa càng nhớ Hội-an ơi
áo em trắng nõn chiều tan học
nên mấy phong trần cũng thấy vui

Y Ế N

Sau bữa cơm tối, tôi ra đứng trước ban-công nhìn lơ mơ, tránh cái oi bức trong căn gác nhỏ âm u. Con hẻm đầy ắp tiếng động. Bảy giờ hơn trong một con hẻm đông đúc ở Bàn-cờ, giờ của tiếng trẻ con, tiếng ra-dô ti-vi hòa lẫn tiếng xe gắn máy khởi hành, dừng lại hay chạy ngang qua. Tôi hết nhìn đầu này lại nhìn đầu kia trong hẻm. Con hẻm như thân mật hiền từ hơn. Thường ngày thì hơi thô lỗ cộc cằn một chút. Vì bóng dáng mấy chú lính Mỹ cặp kè mấy cô gái bán ba sống trong hẻm. Hay vì những vụ cãi cọ xô xát nhau tung bừa giữa năm ba gia đình chia làm hai phe đàn trăn, bắn nhau những tràng đạn lòi có thuốc đạn là ông bà ông vải, là địa vị nghề nghiệp và những gì nham nhở nhất của nhau. Tuy vậy, phải công nhận nhiều lúc con hẻm dễ thương vô chừng. Đó là những lần tôi nhìn mấy cô gái hàng xóm và theo dõi tác dụng của những cái nhìn mình. Đối diện nhà tôi trọ, chệch sang bên phải một chút, là một nhà đóng sách có hai cô con gái mang tên hai loài hoa. Hồng với Cúc, đêm đêm vẫn ra hiên ngồi học dưới một đèn nê-ông nhỏ. Hai chị em là hai nét đẹp tương phản. Hồng có khuôn mặt tròn và đầy đặn khác gì khuôn trắng đầy đặn của Thúy Vân — nếu quả cô em này có thật —, Cúc thì khuôn mặt trái xoan, gầy gầy thanh

thanh Nhưng cả hai đều quyến rũ lạ. Ngày nào tôi không nhìn mỗi cô bé ít nhất một lần là tôi chịu không được. Vì Hồng hay Cúc gì cũng nhìn dễ thương không chịu được. Tôi đang nhìn lơ mơ lên trời, hồi tưởng lang bang về những lần “đần nhõn” với hai cô gái hàng xóm, một giọng nói từ dưới đường vọng lên :

— Anh Hoàng, làm gì đó ? Còn nhớ em không ?

Người con trai mặc áo lính bỏ ngoài quần, đang cười với tôi. Cậu ta nhỏ chừng mười bảy mười tám tuổi, trông rất quen nhưng tôi chưa nhận ra kịp. Tôi nói thực tình đến nỗi cậu cười vang lên :

— Nhớ sơ sơ, lên đây chơi đã.

Tôi đón ở đầu cầu thang, cậu nhỏ lính mau miệng hỏi lại :

— Anh còn nhớ em không ? Châu đây nè.

— À, nhớ ra rồi, Châu ! Nhưng Châu mau lớn và khác trước nhiều quá. Sao biết anh ở đây ?

— Khác mới sợ anh quên đó. Em có thằng bạn không hiểu sao nó biết anh ở đây và cho em địa chỉ, mà nói anh không hề biết nó.

— Ngộ thế. Châu vào lính bao giờ ?
Lính chi đây ?

— Em đi được sáu tháng rồi. Học ở Lam - Sơn xong em được đưa về Sài Gòn làm lính bàn giấy ở gần Sở thú đó anh. Người ta gọi tụi em là Chuyên viên không quân.

— Châu kể anh nghe về bạn bè ngoài làng mình đi Châu. Hơn ba năm rồi anh không có cơ hội về làng. Ai còn ai mất, ai ở ai đi? Châu nói rõ anh nghe với.

— Trước hết, em phác họa đại khái cái khung cảnh rồi đã nói đến người nghe. Đề anh dễ hình dung làng mình bây giờ, hoang tàn lắm anh. Người ta vẫn còn đóng một cái đồn nhỏ bên kia sông. Dân chúng vẫn ở bên này sông. Cả cái bãi thông trước kia bây giờ bị đốt hết và dân chúng ở các vùng lân cận, Bàn-thạch, Xuyên-thái, đổ về tạm cư đông nghẹt. Những ngày mùa hè, chỉ thấy có nắng với những dãy mái tôn thấp lè tè. Không còn một bóng cây nào. Phía đông nam làng mình, Xuyên-long đó anh, người ta lập làng bình định rồi. Hồi chưa đi lính tụi em muốn qua thăm cho biết nhưng không cách gì qua được. Nghe người ở bên đó trốn qua bên này kể lại, tối ngày dân chúng sống chui rúc chờ ba bữa ăn trong những căn lều vải nóng chảy mỡ, chẳng biết làm gì và cũng chẳng được đi đâu hết. Nhiều người may mắn nhà cửa vườn tược chưa đến nỗi hoang tàn cũng phải đến ở đó. Có người đau ốm hay con cái đau ốm quá không tiền thuốc thang phải bán bớt con cho người khác. Còn làng mình thì chẳng còn gì nữa anh. Trường Tiểu-học trước kia hồi mới đình chiến công khó các anh san bằng cái nền đình làng đổ nát để xây lên đó, bây giờ cũng đổ nát rồi. Tất cả các nhà

thờ tộc này họ họ. chùa làng ở giữa và mấy thờ Quan công nữa. đổ ở đầu làng, trụ sở hội đồng xã và tất cả nhà cửa bà con mình, chẳng còn gì cả. Không sụp đổ hoàn toàn thì cũng thủng tường gãy mái. Tất cả các lối đi và sân nhà cỏ mọc tha hồ. Những bãi tha ma trước kia cứ tháng chạp đến mùa gầy mà đông đúc những đoàn con cháu đó anh, bây giờ là những khu rừng tràn ngập cây cỏ, tràn ngập những lùm bụi um tùm như huyền bí ma quái lắm.

— Làm sao Châu biết kỹ vậy?

— Tụi em thỉnh thoảng theo chân những cuộc hành quân lục soát.

— Đi như vậy không nguy hiểm sao?

— Nguy lắm chứ anh. Chỗ nào cũng có mìn bẫy hay hầm chông. Nhưng tụi em lộ dọ theo sau cả trăm anh lính dọn đường, thành ra cũng chưa đũa nào gặp rủi ro...

Châu tự dưng dừng lại, nhìn lên khoảng trời nhỏ hình thù kỳ dị cắt giữa những mái và nóc nhà. Hình như Châu đang buồn vì một liên tưởng nào đó. Tôi hỏi nhỏ nhỏ:

— Châu, Châu kể anh nghe về Yến đi...

— Chị Yến? Chị Yến cũng bình thường, vẫn ở bên kia sông như lúc anh còn ở ngoài đó vậy.

Nhưng tôi thấy Châu nhìn tôi một cái hơi nhanh rồi nhìn tránh đi nơi khác cách khác thường. Hình như có cái gì không thực trong câu nói của Châu. Tôi hỏi lại:

— Cũng bình thường là thế nào?

— Là vẫn sống bên cạnh mấy người thân yêu, mỗi ngày rúc hầm mấy bận vậy đó anh.

— Thế còn nói chung người trong làng mình thì sao? Châu nói kỹ kỹ đi, cụ-thề một chút. Cứ vẫn bình thường, cũng bình thường, anh chẳng hiểu gì hơn!

Châu hơi hơi mỉm cười:

— Đề em làm cho anh bài luận? Người trong làng mình bây giờ, có thể phân làm ba thứ. Vì mỗi thứ có những nét đặc biệt rất đáng chú ý. Là người già cả, người lớn tuổi và thanh thiếu niên. Ở những người già cả, em ít khi bắt gặp một nụ cười mà chỉ thấy những cái nhìn xa xăm buồn hay nghe những câu than thở. Hầu hết những ông già bà cả thành người giữ cháu nhỏ, sáng chiều đứng tựa cửa nhìn về bên kia sông. Người lớn thì tối ngày cặm cùi làm lụng lo kiếm tiền càng nhiều càng tốt, vì những ngày đói khó đã xảy ra với gia đình luôn ám ảnh họ. Còn với tuổi trẻ thì có hiện tượng lấy vợ lấy chồng sớm. Nhiều anh con trai mới mười bảy mười tám đi Địa-phương-quân, Nghĩa - quân hay Cán-bộ Xây-dựng-nông-thôn mà được ở gần làng, đã trở thành cha của một mặt con hay một cái bầu, trông cũng vui. Nhiều cô gái mới mười bốn mười lăm đã có người bỏ trâu cau đặt cọc rồi. Chỉ có tụi em là lên tàu trẻ đó thôi...

— Thật ra, anh nghĩ điều đó cũng hay chứ Châu. Châu tính cuộc sống đông đúc chật chội cả chín mươi ngàn người trên vài cây số vuông như thế làm sao không ép thân xác và dục tình con người phát triển sớm. Thành ra lập gia đình sớm có thể cũng là một phương thuốc tự nhiên của xã hội để ngăn ngừa những trường hợp lộn xộn bừa bãi. Biết đâu những bậc làm cha mẹ đã khôn ngoan ngầm khuyến khích sự kiện đó.

Châu đong đưa mắt ranh mãnh:

— Em thì em nghĩ khác. Chắc là dân mình yêu giống nòi quá sợ diệt chủng nên mới lẹ lẹ sinh con để cái đê lấp đầy chỗ mất mát đó chứ.

— Cũng có thể như thế. Nhưng Châu còn cười được, anh nghĩ phải có cái gì trong cái cười đó?

— Đã thua lận cuộc đời không lẽ cứ khóc với chửi thề mãi sao anh? Phải cười đê mà sống chứ.

Tôi vừa nghe Châu, vừa tìm dấu vết tuổi thơ hồn nhiên trên khuôn mặt sớm già giận đó. Chẳng còn gì. Nhớ trước đây năm sáu năm, khi bọn Châu năm bảy đứa học luyện thi đệ thất với tôi, bữa chỉ còn vài ngày vào trường thi mà đến giờ học Châu vẫn mãi mê bắt ve sâu ngoài vườn, rồi vào lớp cứ chốc chốc lại chọc con ve giấu trong túi quần kêu lên cho cả bọn cười ầm ĩ. Thế mà bây giờ, mới mười bảy tuổi đầu, Châu — và có lẽ cả lớp tuổi Châu — đã phải dùng cái cười nửa miệng cay đắng để đối phó với cuộc đời! Thấy tôi yên lặng, Châu tưởng tôi nghĩ ngợi gì lung lắm nên cũng yên lặng. Từng vòng khói thuốc tỏa rộng ra bay nhẹ lên trong mắt Châu nhìn lơ mơ. Không biết Châu có nhìn thấy được chút ánh sáng nào của tương lai không xuyên qua lớp hiện tại mù mờ như khói như sương này. Nhìn Châu già hẳn đi với cái tuổi mười bảy lẽ ra chỉ mới vỡ tiếng hay nhờ giò đê lớn, nếu ở vào những tháng ngày đất nước yên bình, tôi liền tưởng đến em gái tôi, cũng cỡ tuổi như Châu. Dung bỏ học từ đệ ngũ và khi gia đình tôi tản cư vào Biên-hòa, Dung trở thành cô thợ may suốt ngày cặm cùi với công việc để tối đến, rúc đầu vào lòng mẹ tôi cười rúc rích với

những câu chuyện không đâu, như một cách quên lãng. Nhưng có nhều lúc Dung ngồi tư lự trước bàn may thật lâu với hình ảnh mấy cô bạn học ngày cũ vẫn còn cắp sách đến trường, giờ đã bỏ xa Dung hai ba lớp học. Tôi thường an ủi Dung là còn nhiều người con gái ở tuổi Dung gặp hoàn cảnh bi đát hơn Dung nữa. Dung cũng biết như thế nhưng Dung vẫn buồn. Một bữa tôi về thăm nhà, Dung thủ thỉ với tôi :

— Anh biết không, em định trong vòng hai năm nữa nếu hết chiến tranh, em sẽ đi học lại và từ từ... làm lại cuộc đời, còn nếu chừng năm năm nữa mới hòa bình để em thành cô-gái-già đến trường sẽ chỉ là trò cười cho bọn trẻ con mới lớn, chắc em đi tu luôn quá. Mỗi đêm đi ngủ em vẫn khẩn thắm cho hòa bình mau tới. Em cầu Chúa một chút, cầu Phật một chút, rồi cầu tới Kinh-Dương vương, tới Lạc-Long quân và Âu-Cơ, tới những Lê-Lợi, Quang-Trung... cho hòa bình mau tới. Nhưng sáng dậy em thấy em còn một mớ vải phải cắt may cho khách hàng, ngoài đường quân xa Mỹ vẫn chạy nối đuôi nhau nhấn còi inh ỏi, em biết em già đi rất nhanh và chắc chắn em mất hẳn những ngày em tưởng chỉ tạm gián đoạn... Anh ít về nhà quá, mình em với ba với má tối ngày vào ra, buồn không chịu được. Nhiều lúc em thấy sợ một cái gì ..

Dung nấc lên khóc gục đầu trên bàn may. Tôi muốn yên ủi em gái tôi lắm nhưng tôi biết những lời tôi nói đều vô nghĩa trước những xót xa hiu quạnh dồn nén mà Dung phải chịu đựng hàng ngày. Tôi chỉ biết san sẻ nỗi buồn đau của em tôi bằng cái nhìn bất lực trên

vai gầy Dung đang rung lên từng nhịp mơ hồ...

Châu ném tàn thuốc xuống đường sau khi mời lửa qua một điếu khác, hỏi tôi trong dáng buồn ngủ :

— Anh nghĩ ngợi gì vậy ? Buồn ngủ chưa ?

— Thì anh cũng nhớ lang bang như Châu. Chưa buồn ngủ đâu. Châu kể anh nghe về mấy đứa bạn Châu ngày trước học hè với anh đó, bây giờ ra sao ?

— Tụi em thì ở cái tuổi bị luật động vên cầm chân nên đứa nào cũng lo đi trước hết. Hoặc bỏ ngang năm đệ tam, đệ nhị, hoặc thi tú-tài rớt. Đứa Quang-Trung, đứa Lam Sơn, đứa Đồng Để, đứa Phú Bài... Mỗi đứa mỗi nơi. Còn những anh học cùng lớp anh ngày trước đó bây giờ anh biết sao không ? Thật tội anh Đề bị thương cưa mất một chân, bây giờ anh về dạy bọn con nít trong xóm học. Anh Châu thì đi thông dịch viên phải lang thang theo tụi Mỹ rày đây mai đó, những anh còn lại thì Địa - phương - quân, Nghĩa - quân hay án-bộ-xây-dựng-nông-thôn hết ..

— Còn những anh em ở lại bên kia sông, Châu có biết gì không ?

— Chết hết rồi anh. Anh Mẫn, anh Mậu, anh Trúc gì cũng chết rồi, vì đánh nhau hay vì đại bác và bom của bên này. Năm ngoái chị Yến cũng chết rồi...

— Châu nói sao ? Yến chết rồi ? Chết trong trường hợp nào Châu ?

— Từ từ em kể anh nghe. Em định giấu vụ này, sợ anh buồn. Nhưng anh hỏi tới mãi ! Năm ngoái, một số ít dân-chúng-ở-lại-với-bên-kia của làng

mình và làng Xuyên-thái đang họp chợ, thì một quả đại bác hay đến. Chị Yến là y tá, chị đang loay hoay băng bó các nạn nhân thì một quả nữa rơi nổ gần chỗ chị đứng. Chị chết tức thì mà nghe nói không toàn thây. Lúc đó chừng bốn năm giờ chiều...

— Trời! Tại sao lại cần đến chỗ đang họp chợ?

— Em không biết. Chắc tưởng cần lắm một quả thoi nên bà con mới đề chị Yến cứu thương ngay. Đâu ngờ tới hai quả. Vụ đó bị thương trên hai chục người và chết mười bảy, mười tám người.

Một sụp đồ to rộng đè bẹp lấy tôi. Cháu đứng dậy đi ngủ trước. Còn lại một mình, tôi tắt đèn ngồi trong bóng đêm. Tôi nhớ lại rõ mồn một buổi chiều cuối cùng Yến qua sông...

Hôm đó là ngày đầu tháng chín. Buổi chiều trời nắng to mặc dầu buổi sáng có vài trận mưa lớn. Miền trung vẫn có những ngày kỳ dị như thế. Nhưng đẹp. Vì người ta được ở trong một khung cảnh ấm trên cao, mát trên lá cành và ẩm ướt dưới đất. Xóm tôi ở cách Hội An một cây cầu nhỏ. Trước xóm là một cồn cát tân bồi xanh rì một rừng dương liễu Người ta băng qua con đường đất nhỏ trên một cánh ruộng thấp để ra rừng thông. (Có lẽ nên mở một dấu ngoặc để nói một chút về rừng thông này. Những ngày súng đạn và hận thù chưa làm con người rã rời quá như sau này, đó chính là một yên ương lâm cho những đôi trai gái từ Hội An, một thành phố quá nhỏ và cổ kính, có nếp sống vừa già vừa trẻ, vừa đạo mạo vừa bay bướm nhất nước — một thành phố ở thì dễ thương vô cùng nên đi xa nhiều đêm nhớ không ngủ được... Rừng thông ấy, nhờ sự

thẳng tắp của những hàng cây, đã có những lối đi dài hút mắt, với gió rì rào bên trên từ cửa Đại lồng lộng thổi về, với lá và hột thông bên dưới mà những cô cậu muốn trọn hưởng cái thi vị ở đó đã bỏ giày dép đi chân trần lên trên. Để vừa nghe êm êm rất rất dưới chân vừa thấy mềm mềm làn tóc hay hồng hồng nét môi, như một hòa hợp giữa hồn người và nhiên giới... Những sáng tinh mơ đầu thu trời đầy sương mù, dày đặc đến nỗi người yêu đứng cách chừng năm thước có thể tưởng người xa lạ, rừng thông mất hút trong sương và chỉ hiện dần ra một giải xanh mờ lơ lửng giữa trời, lớn dần cho đến khi sương tan hẳn trên mặt đất, rừng thông mới hiện nguyên hình. Những ngày đó tôi thường đến trường trễ vì ít khi bỏ đi trước lúc rừng thông biến hình trọn vẹn trong sương tan). Tôi ngồi trong cửa sổ và thấy Yến quảy một đôi quang gánh thoăn thoắt đi qua trước nhà tôi. Tôi vui mừng như một người mê sách tìm lại được quyển sách gia bảo thất lạc. Đúng một năm tròn kể từ ngày dân làng tôi bỏ làng qua sông vì thời cuộc, tôi không thấy bóng dáng Yến một lần, vì Yến ở lại bên kia sông. Tôi mặc vội áo quần lạng lẹ theo sau Yến. Đôi gánh trên vai Yến co vẻ nặng. Nhưng Yến đi nhanh hơn điệu gánh đi bình thường của một cô gái rất nhiều. Tôi tự hỏi lý do sự kiện đó và đoán chừng có lẽ Yến không muốn nhiều người-đã-qua-bên-này-sông bắt gặp Yến. Cũng may là Yến không quay đầu lại nên không biết có tôi theo sau. Khi Yến đi được chừng nửa con đường xuyên qua rừng thông dẫn ra bờ sông, và khi đã nhìn quanh không có ai, tôi bước nhanh theo gần kịp Yến. Không hiểu sao tôi hồi hộp như lần đầu gặp Yến vậy.

Giọng tôi run đi và yếu ớt. Tôi gọi nhỏ :

— Yển, Yển.

Yển chẳng quay đầu lại và những bước chân càng thoăn thoắt hơn. Tôi sợ kéo dài sự lo sợ của Yển nên bước nhanh lên, gọi to hơn :

— Yển, Hoàng đây mà Yển.

Yển đứng ngay lại, reo nhỏ :

— Anh Hoàng ! Làm em hết hồn ! Anh...

— Yển gánh vào chỗ khuất kia tiện hơn. Anh có chuyện nói với Yển.

— Dạ.

Tôi đi bên Yển và quan sát trong đôi đôi quang. Một đầu là gạo, đây hờ bằng một tờ báo. Đầu kia là mấy chai lọ đựng muối, nước mắm và các thứ lặt vặt. Yển đặt gánh xuống, dựng đòn gánh vào một gốc thông. Mồ hôi lấm tấm trên thái dương, nhưng mắt và môi chứng tỏ Yển đang vui mừng lắm :

— Nghe nói anh vừa thi đậu ? Bao giờ anh đi Saigon học ?

— Chừng nửa tháng nữa Yển. Yển mua được có bấy nhiêu gạo đó ? Mua có khó không ?

— Khó chứ anh. Em đi với một người hàng xóm. Qua đây phải nhờ người quen ở Hội an mua giùm giá chợ đen ; bản gia đình em không có dấu của Hội-đồng-xã đâu có mua gạo tiếp tế được.

— Khô quá ! Yển qua sớm không ? Lỡ người ta bắt gặp thì sao ?

— Dạ, hồi hơn mười hai giờ. Giờ đó ít người đi ngoài đường. Qua Phố, em trốn mãi trong nhà quen đâu dám ra chợ...

— Bà ngoại với má cũng thường ? Cậu có hay về ?

— Má em cũng thường còn bà ngoại mấy ngày rày bị tê thấp, nhẹ thôi. Gần như mỗi tuần cậu về một lần.

— À này, Yển để xuống ở đâu ? Bà hàng xóm sao chưa về ?

— Dạ, để ở cuối bãi. Hai bác cháu giao hẹn ai ra trước thì chờ. Bà ta phải bán ít trái cây, bán giùm cho em nữa.

— Chừng này gạo là bao nhiêu lít ? Ăn được bao lâu ? Cả năm nay Yển đi nhiều lần không, anh chẳng bao giờ thấy Yển ?

— Dạ không, những lần trước bà ngoại hay má em đi. Không hiểu sao hôm nay em đòi đi. Chắc tại em đoán anh sắp đi Saigon nên qua thử. Nhưng khi đi ngang qua nhà, em lại không dám nhìn vào, không hiểu tại sao ..

Yển cúi xuống, cắn nhẹ một đầu quai nón vào răng. Tôi thấy má Yển hồng lên và mắt long lanh sáng. Tôi gọi như hơi thở :

— Yển.

— Dạ.

— Có cách gì Yển qua bên này ở ?

— Không anh.

— Sao vậy ? Yển chọn ở lại ?

— Không đâu anh, em không biết lựa chọn gì hết. Vì em sống giữa những người khác. Em không thể bỏ bà ngoại và má em ở lại. Mà bà ngoại và má em không thể bỏ cậu... Với lại, anh cũng sắp đi Saigon mà !

— Anh không đi nữa.

Yển cầm nón quạt cho tôi và Yển rẩy cái rồi đặt xuống chân.

— Người ta cũng bắt anh đi lính vậy.

Anh hay em hay cả hai đồng lõa cũng không cứu vãn được gì đâu anh. Thà nhờ giòng sông cách ngăn còn hơn đề sự bất lực đẩy xa nhau khi cùng ở một bên sông...

— Nhưng ở lại bên đó nguy hiểm quá. Anh sợ...

— Cũng còn nhiều người vì lý do tình cảm không qua sông được. Em nghĩ em ở lại có thể giúp ích những bà con này được ít nhiều. Ý nghĩ này có từ khi mới bắt đầu ở lại, không phải em bị tuyên truyền đâu. Anh biết, những em bé ở lại không có người dạy học. Em đang tạm thời làm cô giáo cho chúng nó. Nhiều bữa học ngay dưới hầm... Ở mỗi chỗ, mình phải tìm một lý do để sống. Nếu em qua sông, anh đi rồi em còn gì đâu!

Yến quay mặt đi và khi quay lại, hai giọt nước mắt lăn xuống trên má Yến. Tôi nhìn sâu trong mắt Yến buồn rười, Yến cũng yên lặng nhìn tôi. Tôi nắm một bàn tay Yến râm rấp mồ hôi.

— Yến nghe anh nói. Nếu chiến tranh sớm chấm dứt và không có tai biến nào xảy ra, anh sẽ trở về với Yến. Cầu trời cho Yến được bình yên bên bà ngoại với má và cậu cho đến ngày đó...

Yến nắm chặt bàn tay tôi nhưng lại nói :

— Chiến tranh này biết bao giờ mới chấm dứt anh! Thật điên khùng khi phải dùng súng của người ngoài để giết chết đồng bào mình.. Em linh cảm đây là lần gặp gỡ sau cùng!

— Không đâu Yến.

Sau một năm xa cách, Yến vẫn đẹp dịu dàng như ngày trước. Duy lúc này hơi gầy đi và xanh một chút. Có lẽ vì

sống dưới hầm nhiều, ít ánh mặt trời. Tóc Yến dài và nhiều hơn, mái tóc đẹp vô cùng này với ánh mắt buồn rười và đường răng quá đều đã làm Yến được nhiều say đắm trên những chuyến dò ngang trước đây, mỗi sáng chúng tôi qua sông để đến trường. Năm 65, gần xong lớp đệ nhị, Yến phải bỏ học khi cả làng rầm rộ qua sông... Cậu Yến tập kết ra bắc từ 54, mới trở về làng cuối năm Yến bỏ học và trở thành lẽ sống của bà ngoại Yến. Vì là người con trai duy nhất của bà. Về phần Yến, Yến làm sao chuyên hóa được những gì thuộc người lớn, cũng như người dân Việt nghèo đói khốn cùng làm sao trách nhiệm được cuộc chiến này. Nhiều lúc tôi mơ hồ thấy một thực tại không thể phủ nhận được bằng nguy hiểm hay bạo lực là chính những lý do tình cảm, là những lý do đậm đà và mãnh liệt nhất, đã chia dân làng tôi thành hai khối, ở bên này và bên kia sông. Và còn bao nhiêu làng Việt nam như thế! Yến nấp đầu vào ngực tôi, qua cổ tôi hơi thở Yến âm ỉm. Bất giác, tôi xoa nhẹ tay lên má Yến, thì thầm :

— Yến

— Dạ

— Trước khi mình tạm thời xa nhau, anh..

Tôi nâng cằm Yến lên. Tôi nghe người Yến rung lên nhẹ nhẹ, và tôi xúc động mạnh trong cái hôn duy nhất đó, sau năm năm tôi và Yến yêu nhau.

Yến khẽ lấy lại thăng bằng, chỉ tay về phía đường ra sông :

— Kìa anh, bà hàng xóm đã ra. Thôi em về kéo bà ta chờ? Em cầu

Trời Phật phù hộ anh.

Yến lại khóc. Tôi nắm tay Yến trong trạng thái dờ dảnh. Rồi bỗng đứng, tôi nói với Yến như một người xưng tội :

— Yến về. Lạy Trời cho hòa-bình mau tới. Anh hứa với Yến anh sẽ không gia nhập bất kỳ một bè phái nào, dù bị quyễn rũ hay ép buộc. Vì những bè phái chỉ làm cho hận thù kéo dài ra vô tận. Anh sẽ sống giản dị như một kẻ vô danh ngấp chồm giữa bao nhiêu người khác, để có thể xót xa và ước nguyện như những người bà con cùng khốn của chúng ta đang xót xa ước nguyện từng giờ từng phút, trong cơn bão kéo dài này. Và Yến, dù ở đâu, Yến cũng rán nhớ lời anh, đừng tham dự hoan hỉ vào bất kỳ cuộc giết người nào... Tất cả người Việt mình đều vô tội, chỉ đáng thương thôi! Bọn quỷ sứ, cha đẻ của tội ác, ở những chỗ khác. Ngoài ra, tất cả đều do sự ngu muội hay bất lực mà mỗi người không hoàn toàn tự trách nhiệm được. Anh gửi lời về thăm bà ngoại, thăm má và cậu. Và những bà con còn ở lại bên đó. Phần em, anh sẽ nhớ về em luôn và cầu Trời che chở em.

— Dạ.

Yến đặt gánh lên vai. Tôi lững thững theo sau Yến, nhưng nghe lời Yến tôi ngồi lại bên một gốc thông xa xa chỗ xuống đậu. Vì sợ cùng ra tới xuống ruộng có người theo dõi.

Mặt trời bốn giờ chiều xô bóng Yến

đồ dài trên bờ cát thoải thoải, lao đao nghiêng ngã như Yến lao đao vất vả trong cuộc sống. Khi đôi quang đã được đặt gọn trong lòng thuyền và khi Yến đã nòi vững vàng đầu mũi, hai người nhìn xuống nhìn lên dọc bờ sông dò xét có gì khả nghi không. Yến khẽ chống giẫm vào bờ đẩy mũi xuống ra sông. Bà hàng xóm chống mạnh phía sau, chiếc xuống lao tới. Hai bác cháu gò lưng bơi mạnh, vừa nhìn dáo dác trên mặt sông. Chốc chốc, Yến quay lại nhìn tôi. Gặp giờ nước ròng, chảy mạnh, con xuống hơi trôi theo dòng nước lúc càng ra giữa mặt sông hơi lớn sóng vì gió mạnh. Nhô lên, thụt xuống. Một lúc chỉ còn rõ hai bóng trắng nón lá trên một khối màu đen. Bầu trời xanh trong, chỉ hơi mờ xám phía đông bắc, phản chiếu xuống một sông mênh mông rộng gần cây số, lở nhỏ những cụm sóng bạc đầu nhỏ. Yến nhỏ dần, nhỏ dần, và xa tôi dần cho đến khi mắt hút vào một miệng hời dẫn vào giữa những lũy tre xơ xác của làng xóm tiêu điều. Xóm làng kéo một dải dài màu đen nâu làm giới hạn cho mặt sông. Ở đó, mười mấy năm trường của tôi đã trôi qua. Tôi ngồi mãi trên bờ cát chớ đến khi bóng đêm xuống, xóa nhoà ranh giới giữa sông nước và cỏ cây. Ký ức đã quay lại trong tôi bao nhiêu hình ảnh cũ của những ngày tháng ấu thơ tôi và Yến với chúng bạn quây quần chơi năm mười trong sân trường, những đêm trăng sáng; hình ảnh của những ngày

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

KH. 783/3TT/GCDP/16.4.46

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

nên thiếu chúng tôi vài chục đũa mỗi ngày qua lại trên những chuyến đò ngang để đến trường, có những buổi sáng trời dày đặc sương mù con đò đã đi êm nhẹ trong một không gian tròn âm u không nhận ra mặt nước, như chúng tôi chỉ còn là những linh hồn đi vào một giấc mơ bay như những tiên con trên một vân xa đi về bồng đảo. Tôi cũng nhớ lại những đêm hội hè, trên con đường làng băng qua một đồng ruộng cao, trăng trải vàng như một tấm lụa ẩm ướt sương khuya, tôi với Yên cùng những đôi trai gái khác đã đi bên nhau, thì thầm cho nhau những lời huyền bí nhất, vì là lời của sự hòa hợp đất trời, của sự hạnh ngộ âm dương trong trời đất...

Tất cả, còn gì đâu. Còn gì sót xa hơn sự xóa lấp lối về dĩ vãng, về với màu hoa dại và tiếng côn trùng ấu thơ một khi chính làng mạc, chiếc nôi của ấu thơ là quê hương của dĩ vãng đã tan tành. Với một người đã như vậy thì với một dân tộc, làm sao biện minh cho sự quay cuồng phá sản tất cả những gì đã được xây dựng lần hồi trên quê hương này, kể từ những khởi điểm trong ngút ngàn tháng năm quá khứ qua bao nhiêu thế hệ đã đến và đã yên nghỉ nơi này. Một khi quê hương tan tành rồi, người với người tựa vào đâu để sống?... Tôi miên man tự hỏi thăm khi lui thú trở về xuyên qua rừng thông phủ đầy bóng đêm vừa bắt đầu. Yên ơi, giờ thì em cũng đã ngủ yên.

HUỲNH PHAN

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Thời-sự Thế-giới

TỪ - TRÍ

Trong những ngày vừa qua tình hình thế giới tùy thuộc nhiều vào thái độ của phe Cộng-sản hay những biến chuyển của khối Cộng-sản. Thật vậy, hơn một tháng sau khi Thái tử Sihanouk bị lật đổ tình hình Cam-bốt trở nên hết sức rối loạn. Dư luận quốc tế đã luôn luôn theo dõi những biến chuyển chính trị của nước này. Tại Nga-sô người ta cũng đang bàn tán nhiều về một cuộc khủng hoảng trong hàng ngũ các lãnh tụ điện Kremlin. Người ta không biết có phải một vài phần tử đối lập đang tìm cách lật đổ tập đoàn Brejnev-Kossyguine hay không. Trong khi đó Trung Cộng sau bao năm bị hỗn loạn vì cuộc «Cách mạng Văn hóa» đang dần dần mở lại chiến dịch ngoại giao để «khôi phục» vai trò quốc tế đã bị lu-mờ từ 4 năm qua. Sau hết tại Mỹ châu La-tinh vụ Đại-sứ Tây-Đức ở Guaémala bị phe phiến loạn hạ sát đã khiến người ta phải chú trọng tới một hiện tượng bạo động mới xuất hiện trong đời sống quốc tế.

Tình hình rối loạn tại Cam bốt

Hơn một tháng sau cuộc đảo chánh ngày 18-3-1970 lật đổ Thái tử Sihanouk, tình-hình Cam-bốt đã tiến triển một cách mau lẹ khiến cho cục diện chính-trị Á-châu trở nên nghiêm trọng. Thật vậy, ngay sau khi cướp được chính-quyền các nhà lãnh đạo mới của Cam-bốt đã cố gắng thực hiện mục tiêu chính là đòi các lực lượng võ trang Bắc-Việt và Việt-cộng phải ra khỏi lãnh thổ Miên,

Đề yểm trợ yêu sách này chính phủ Lon Nol đã động viên mọi nhân lực trong nước. Sinh viên và công chức được thụ huấn quân sự. Chính phủ cũng tuyên bố «tình trạng khẩn trương» và đình chỉ mọi quyền tự-do căn-bản của dân chúng.

Nhưng những khó khăn đã xảy ra khiến chính phủ Nam-Vang đang hết sức lúng túng. Trước hết là những người theo Sihanouk đã tổ chức những cuộc biểu tình lớn đòi Thái-tử trở lại chính quyền.

Nhưng trầm trọng hơn cả là thái độ của Việt-Cộng và của quân Bắc-Việt. Nếu ở lại trên lãnh thổ Miên thì họ sẽ bị quân đội Miên tấn công. Nếu vượt biên giới sang Nam-Việt thì họ sẽ bị quân đội Nam-Việt tiêu diệt. Trở lại Bắc-Việt là một điều không thể thực hiện lúc này vì đường xá hiểm trở và qua Lào tất sẽ bị bom Mỹ dội. Dồn vào bước đường cùng quân đội Bắc-Việt chỉ còn một cách là tấn công quân đội Cam-bốt. Quân-đội Miên đã phải bỏ gần 10 thành phố ở vùng biên giới Việt - Miên. Trên con đường nối liền Saigon với Nam Vang người ta thấy đầy chặt dân chúng tản cư và quân đội Miên rút lui.

Tại Soai Rieng là nơi người ta tin là Việt Cộng sẽ tiến chiếm nhà cầm quyền Miên đã tổ chức kháng chiến. Và một trong những biện pháp phòng ngự của họ là tập trung hàng trăm Việt kiều vì Cảnh sát Miên coi Việt kiều là thân Việt Cộng. Tại Prasaut, gần

Soai Riêng, trên 100 Việt-kiều đã bị dồn vào một trại có dây kẽm bao vây. Khi quân Việt-Cộng tiến tới gần, người ta thấy một số lớn Việt-kiều bị hạ sát. Chính quyền Miên cho rằng họ đã bị kẹt v. o giữa hỏa lực hai bên. Nhưng nhiều nhân chứng tố cáo là chính lính Miên đã tàn sát họ. Người ta chưa được rõ sự thật về vụ thảm sát này nhưng dù sao những nạn nhân đầu tiên của vụ Việt Cộng xâm lăng Cam-bốt lại chính là người Việt-Nam.

Trước bước tiến của phe Cộng-sản/ Cam-bốt đã gần như ngả hẳn về phe Tây-phương. Tướng Lon Nol đã chính thức xin Mỹ viện trợ quân sự. Lời yêu cầu của Cam-bốt đã làm chính phủ Mỹ bối rối vì nó chứng minh rằng Mỹ đã dính líu một phần nào trong cuộc đảo-chính 18-3 vừa qua. Tuy Bộ Quốc-phòng Mỹ luôn luôn tuyên bố rằng không có người lính Mỹ nào được phép vào Cam-bốt nhưng người ta vẫn phải thú nhận rằng cố vấn Mỹ đã sang Cam-bốt tiếp xúc với các sĩ quan của nước này. Mỹ tham chiến ở Cam-bốt đã trở th nh một khuynh hướng khó cưỡng lại được.

Khủng hoảng chính trị tại Nga-sô

Trong những ngày vừa qua đã có nhiều tin đồn về cuộc tranh chấp quyền hành tại Nga-sô. Theo một nguồn tin từ Nam tư tới thì ba nhân vật của Trung-ương Đảng là các ông Polyansky, Mazurev và Souslov đã chỉ trích hai ông Brejnev và Kossyguine đề âm mưu lên nắm chính quyền.

Từ cuối năm 1964 tới nay, tức là từ khi ông Krouchtchev bị lật đổ, hai ông Brejnev và Kossyguine lên thay thế

cũng không thành công gì hơn ông Krouchtchev. Trong lãnh vực kinh tế, các khó khăn trong guồng máy sản xuất đã không cho phép Nga đuổi theo các quốc gia Tây-phương. Về phương diện chính trị thì trong các vấn đề sống chung hòa bình cũng như tranh chấp với Trung-Cộng hai ông Brejnev và Kossyguine cũng chỉ tiếp tục đường lối của ông Krouchtchev. Vì vậy mà trên 5 năm cầm quyền « triều đại » Brejnev và Kossyguine có một tí h cách tế nhị, thiếu sôi động.

Chính phủ Nga đã cải chính tin đồn này nhưng những tin đồn vẫn tiếp tục. Khi thì người ta nói rằng ông Souslov đã bị khai trừ khỏi Trung-ương Đảng, khi thì người ta nói rằng ông được bầu làm Chủ-tịch Liên-xô.

Tuy không có gì xác nhận những tin đồn trên, nhưng người ta thấy một vài dấu hiệu khủng hoảng trong hàng ngũ các nhà lãnh đạo Nga: 9 nhân vật cao cấp đã bị mất chức trong đó có ông Vladimir Stepalkov, phụ trách về tuyên truyền, và các nhân vật khác như Chủ bút báo Pravda, Tổng Giám-đốc hãng Thông-tấn Tass và Giám-đốc hý-kịch Bo'choi. Có lẽ cuộc khủng hoảng hiện thời chỉ mới được giới hạn trong thành phần giới chức mà thôi.

Chiến-dịch ngoại-giao mới của Trung-Cộng

Trong 4 năm lũng củng nội bộ do cuộc Cách-mạng Văn-hóa gây ra Trung Cộng hầu như không còn rảnh để nghĩ tới vấn đề ngoại giao. Nhưng vào tháng 4-1970, cuộc Cách mạng Văn hóa đã mất dần tính cách sôi động nên chính phủ Bắc-Kinh có thể hoạt động mạnh trở lại trên trường chính trị quốc tế.

Từ trước tới nay Trung-Cộng không tha thứ cho Bắc-Cao là đã không theo họ trong cuộc tranh chấp Nga-Hoa. Máy phóng thana Trung Cộng tại sông Áp lục luôn luôn đả kích Kim-Nhật-Thành là «xét lại». Nhiều cuộc chạm súng nhỏ đã xảy ra tại biên-giới giữa hai nước. Bỗng dưng Chu-Ân-Lai quên hẳn chuyện cũ và dành chuyển xuất ngoại đầu tiên từ 4 năm nay để sang thăm viếng Bắc Cao. Tại đây cả Chu-Ân-Lai lẫn Kim-Nhật-Thành đều lóe tiếng đả kích Nhật. Chống Nhật là một hành động phản ảnh nổi ưu tư của nhà cầm quyền Bắc-Kinh hiện tại. Khi Thủ-tướng Nhật Sato nhấn mạnh sự tương-quan giữa an ninh của Đại-Đông, Đại-Hàn và Nhật, Bắc-Kinh lo sợ Nhật muốn liên-minh với hai quốc-gia này để phong tỏa Trung-Cộng... Trong bản thông-cáo chung, Chu-Ân-Lai và Kim-Nhật-Thành tố cáo Tổng-thống Mỹ áp dụng chính sách Á-châu mới của ông để cho «người Á-châu chống người Á-châu» và tố cáo «giới quân phiệt Nhật đã trở lại tham vọng Đại-Đông-Á ngày trước».

Trước uy tín càng ngày càng tăng của Nhật, Trung-Cộng tỏ ra khó chịu vì vai trò của họ ở Á-châu không còn là vai trò chính yếu nữa. Nhật bản tuy không có quân-đội mạnh cũng đã làm lu mờ ảnh hưởng của Trung-Cộng.

Đề tái lập địa vị quốc tế của mình ngoài việc giảng hòa với Bắc-Cao, Chu-Ân-Lai còn kiếm hậu thuẫn của Hồi-quốc nữa. Từ năm 1962 tới giờ Hồi-quốc luôn luôn thân hữu với Trung-Cộng để chống Ấn-độ trong vụ Cachemire nên Chu-Ân-Lai chắc chắn sẽ được sự ủng hộ của Hồi. Do đó cuộc công du sang Karachi của Chu cũng nằm trong chiến-dịch ngoại-giao mới. Trong tương lai

Trung-Cộng có lẽ sẽ tích cực khai thác tinh thần chống Nhật của một vài quốc gia khác để lấy lại uy tín cho Trung-Cộng.

Những hình thức bạo lực mới Trong bang-giao quốc-tế

Từ khi Fidel Castro làm chủ được Cuba tới nay các phe phiến loạn Mỹ-châu-La-tinh đã phát minh ra được những hình thức bạo động mới trong bang giao quốc tế. Trong những năm qua người ta luôn luôn nói tới những vụ cướp đoạt máy bay dân sự trên không để đạt tới những mục tiêu chính trị. Lúc đầu người ta thấy nhiều phi-cơ của các hãng hàng-không dân-sự Mỹ bị những người khủng bố Cuba uy hiếp, bắt hạ cánh xuống thủ-đô Cuba, La Havane. Mỗi khi máy bay cất cánh quân khủng bố trà trộn với hành khách để lên máy bay và khi máy bay ở trên cao là họ dùng vũ lực uy hiếp phi-hành-đoàn để buộc máy bay phải hạ cánh nơi họ chỉ định. Muốn chuộc lại các máy bay và nhân vật quan trọng bị bắt giữ, Hoa-kỳ chỉ còn một cách là nhượng bộ chính-trị hoặc trả tiền chuộc.

Gương của Cuba đã được quân giải-phóng Palestine bắt chước, những người Palestine không những đã nhiều lần toan tính cướp máy bay Do-Thái để bắt Tổng-trưởng Ngoại-giao Do-Thái hay con trai Tướng Dayan mà còn đi xa hơn nữa bằng cách đặt bom nổ chậm trong các phi cơ. Một chiếc phi cơ chở hành khách và hàng hóa sang Do-Thái của hãng Swiss Air đã bị tiêu hủy tại Munich.

Vụ cướp máy bay gần nhất đã xảy ra tại Nhật. Một chiếc phi cơ Boeing

727 của hãng Japan Air line chở 122 hành khách, sau khi cất cánh tại Đông-Kinh, đã bị 9 sinh viên thuộc tả phái Nhật uy hiếp bắt phải hạ cánh tại Bắc-Cao. Được tin đó chính quyền Nhật đã dàn xếp với nhà chức trách Đại-Hàn để cho máy bay đậu tại Hán-Thành giả làm Bình-Nhuỡng. Nhưng các sinh viên tả phái, khi đáp xuống Hán-Thành, trông thấy người Mỹ nên họ không tin và đòi phải trao cho họ một bức hình của Kim-Nhật-Thành. Vì không có được bức hình này họ đã từ chối không chịu xuống khỏi phi cơ và giữ luôn cả hành khách lại với họ trong 75 giờ đồng hồ.

Bộ-trưởng Giao-thông Nhật Yamamura đã phải nhận làm con tin để họ thả hành khách ra. Sau đó ông Yamamura phải đi theo họ sang tới Bình-Nhuỡng để họ xuống an toàn rồi mới trở về.

Cách đây ít lâu một hình thức bạo lực mới, cũng bắt nguồn từ Mỹ-Châu La-tinh, đã xuất hiện, đó là bắt cóc các nhà ngoại-giao để buộc Chính-phủ phải nhượng bộ. Cách đây ít lâu phe phiến loạn Ba-Tây đã bắt cóc Đại-sứ Mỹ Elbrick để bắt chính phủ Ba-Tây phải thả 25 chính trị phạm. Chính phủ Ba-Tây đã phải nhượng bộ để cứu sống viên Đại-sứ Mỹ.

Tại Saint Domingue : tùy-viên quân-

sự Mỹ là Trung-tá Crowley cũng bị bắt cóc để đòi lấy 21 chính-trị phạm. Chính-phủ Saint Domingue cũng phải nhượng bộ nốt.

Sau đó tại Ba-Tây lại một vụ bắt cóc xảy ra. Nạn nhân là Tổng Lãnh-sự Nhật và kết quả là chính phủ Ba-Tây lại một lần nữa phải thả 5 phạm nhân.

Trường hợp đặc biệt nhất là tại Argentine, chính phủ mới này đã từ chối không nhượng bộ khi Lãnh-sự Paraguay bị bắt và phe phiến-loạn phải nhượng bộ.

Nhưng bi thảm nhất là vụ Đại-sứ Tây-Đức tại Guatemala là Bá tước Karl Von Spreti bị bắt cóc. Phe phiến loạn đòi 700.000 Mỹ-kim và thả 25 phạm nhân. Chính phủ Tây Đức sẵn sàng trả 700 000 Mỹ-kim nhưng chính phủ Guatémala, có lẽ theo gương Argentine, không nhượng bộ nên ông Spreti đã bị sát hại.

Những hành động bạo-lực này là những vi phạm luật quốc-tế của các nước văn-minh. Những vi phạm này càng không thể tha thứ được khi mà du-kích quân Guatemala tuyên bố coi những vụ bắt cóc các nhà ngoại-giao là một hành động để yểm trợ cuộc tranh đấu của họ.

TU TRÍ

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài "Trẻ em ta học đọc như thế nào" của ông Đoàn-Nhật-Tấn trên Bách-Khoa số 317, ngày 15-3-79, xin đính-chính lại cho đúng một chữ trong câu là: "Lớp Năm mỗi ngày chỉ học một giờ tập đọc và tập viết" (thay vì mỗi tuần, chữ sai ở trang 29).

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Chân dung nhà trí thức

John Lennon vẫn được xem như anh chàng «trí thức» nhất trong nhóm Tứ quái Beatles.

Nhà trí thức cần phải lưu khuôn mặt mình lại cho hậu thế. J.Lennon không viết sách tự truyện, không tự vẽ chân dung. Anh ta chọn một phương thức văn minh hơn: phim ảnh.

Anh quay nguyên khuôn mặt mình trong một cuốn phim dài một giờ rưỡi. Khuôn mặt có nụ cười hân hoan. Phim ấy mang tên *Smile*.

Theo ý J. Lennon, tác phẩm điện-ảnh của anh còn tuyệt hơn bức *La Joconde* của Leonard de Vinci. Vì nụ cười trong phim có hoạt động, nụ cười trong bức họa thì im lìm.

Nhưng tác phẩm điện ảnh *Smile* không tuyệt vời bằng tác phẩm mang tên *Autoportrait*. Vẫn là một cuốn phim. Nhưng lần này không phải là khuôn mặt của J. Lennon, mà là bộ phận truyền giống của anh ta (Tức cái chỗ mà cô Kim Vui gọi là của đẹp trời cho).

Tất nhiên, theo tiêu chuẩn giá trị của J. Lennon thì hình ảnh trong cuốn phim sau có thừa sự hoạt động để tỏ ra xuất sắc.

Bạch tượng

Đây không phải tên một liên-danh. Mà là nhan-đề cuốn tiểu thuyết mới

nhất của Henri Troyat, cuốn *L'éléphant blanc*.

Cuốn mới nhất của ông lại cũng ăn khách như hai mươi cuốn trước. Bạch tượng vừa dẫn đầu mấy tuần liền danh sách các tác phẩm bán chạy nhất nước Pháp.

Có người chê ông cụ là thợ viết, là vết cho đàn bà xem, là cũ kỹ, không có tìm tòi v.v... Mặc kệ! Ông cụ cứ làm việc đều đều mỗi ngày tám tiếng đồng hồ theo luật lao động, và như thế từ 35 năm nay. Và khách hàng của ông cụ không hề có lúc nào sút giảm.

Người ta tính ra, từ trước tới nay tại Pháp có ước chừng 5 triệu cuốn sách của Henri Troyat lưu hành.

Bấm quẻ cho nước Nga

Andréi Amalrik là một sử gia Nga, năm nay chỉ mới ba mươi tuổi. Ở tuổi ấy người ta vừa táo bạo vừa hay bất bình. Sử gia nọ bất bình với chế độ hiện hữu ở nước ấy và quả quyết rằng nước Nga khó lòng tồn tại đến năm 1984.

Luận-cứ của A. Amalrik đã từng làm xôn xao dư-luận hồi năm ngoái. Tác phẩm của A. Amalrik vừa được nhà Fayard in ấn bản Pháp văn, dày 118 trang, nhan đề là *L'union soviétique survivra t' elle en 1984*,

Hai quê hương

Picasso vừa quyết định tặng cho «Bảo tàng viện Picasso» ở Barcelone 800 họa

phẩm. Tin ấy làm cho giới chính quyền và nghệ-sĩ Pháp xôn xao.

Nước Pháp ganh tị với nước Tây-ban-nha không phải là không có lý do.

Tây-ban-nha là quê hương của Picasso. Từ ngày Franco lên cầm quyền, Picasso thề nhất quyết không vẽ xứ nữa, và bao nhiêu danh-họa của ông đều ra đời trên đất pháp.

Ngày 27-10-1969, một người Mỹ tên Norman Grauz đã viết một bức thư ngỏ gửi Tổng-thống Pháp, G. Pompidou, đề nghị nước Pháp hãy đứng ra dựng Viện bảo-tàng Picasso: Đó là một vinh dự cho Pháp quốc.

G. Pompidou có trả lời: Thực ra Chính phủ Pháp đã có ý định ấy. Bộ trưởng Văn hóa André Malraux đã dự kiến, Tổng-thống Pompidou đã xúc tiến thực hiện một công trình xây cất tại đồi Beaubourg vv. .

Tiếc rằng Pháp vẫn trễ. Và Picasso không thể từ chối lòng sốt sắng của đồng bào mình. Nhất là đồng bào ở Barcelone, nơi Picasso có nhiều kỷ niệm thích thú nhất trên đất Tây-ban-nha.

Dù sao, chính phủ Pháp vẫn còn hy vọng ở mấy ngàn bức họa Picasso hiện đang còn giữ riêng ở mấy tòa biệt thự trên đất Pháp.

TRANG THIÊN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

1.70
1.50

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Số KN 8 MBYTIQCPD

THỜI SỰ KHOA HỌC

Apollo 13 : một thất bại vinh quang

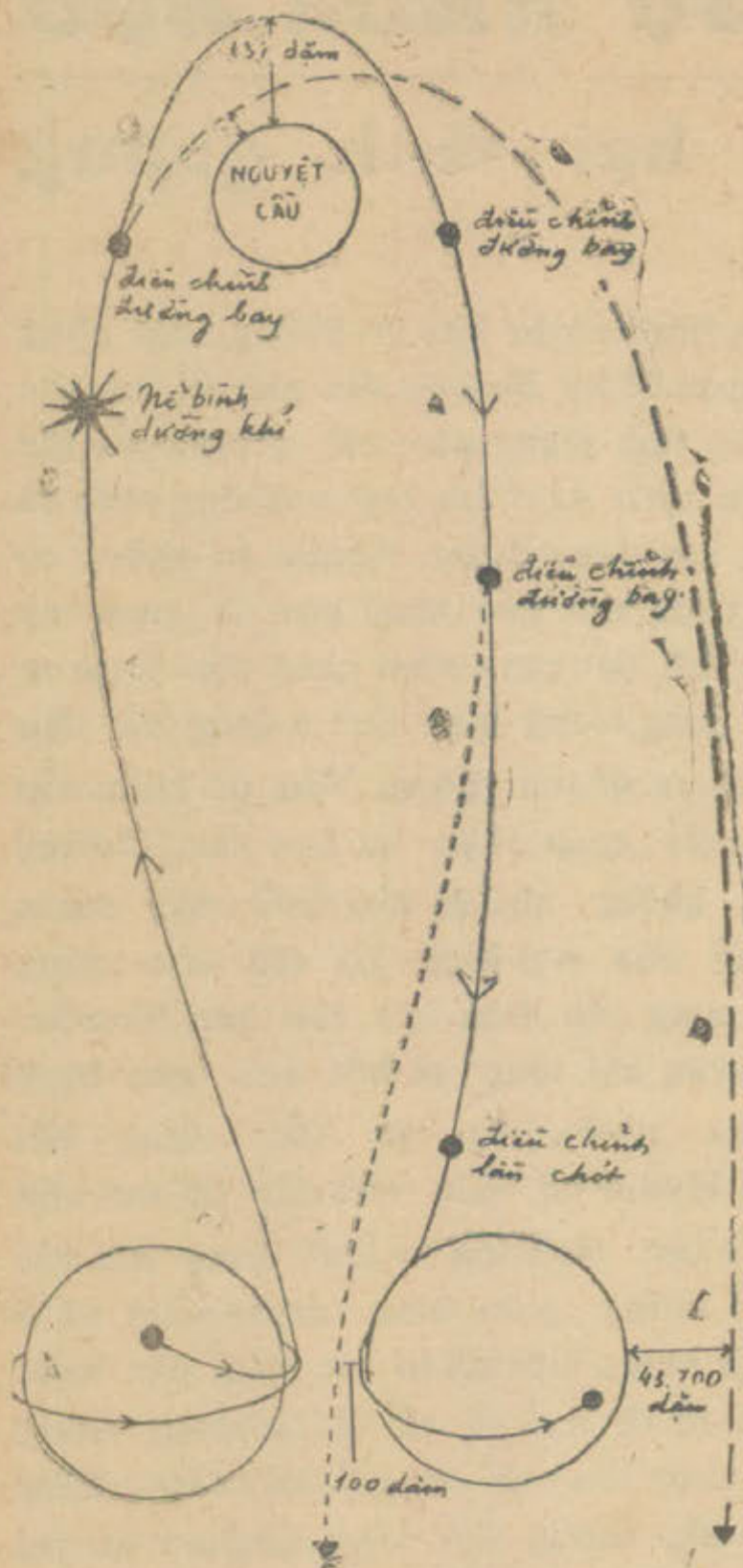
Cả thế giới thờ phào nhẹ nhõm : 3 cánh dù màu cam và trắng xuất hiện trên nền trời xanh ngát, đẹp đẽ và huy hoàng như chưa bao giờ có. Hàng triệu ánh mắt sáng lên vì hân hoan nhìn 3 cánh dù từ từ hạ xuống mặt đại-dương, cách hàng không mẫu hạm Iwo Jima không đầy 6 cây số. Trong vòng nửa giờ sau, 3 phi hành gia râu ria và mệt mỏi chấp tay đọc kinh tạ ơn trên boong tàu. Trên khắp lục-địa, chuông nhà thờ đổ hồi — ngày trở về của Apollo 13 được chọn làm ngày Lễ Tạ ơn của nước Mỹ. Người ta quên hẳn Apollo 13 là một chuyến bay đầy thất bại.

Tai họa xảy đến cho phi thuyền khi Apollo 13 đang trên đường trực chỉ Nguyệt cầu, cách xa trái đất 205 000 dặm. Vài phút trước đó phi đoàn trưởng Lovell còn gửi lời chúc lành về cho trái đất. Rồi cuộc điện đàm giữa Swigert và Trung tâm kiểm soát không gian bị cắt ngang bởi giọng nói vẫn tắt của Lovell: " Chúng tôi gặp rắc rối ở đây ». Và cơn ác mộng bắt đầu từ lúc đó.

Bắt đầu là một tiếng nổ lớn ở ngang hông phi thuyền chính. Đèn báo nguy chói sáng liên tiếp, giòng điện bị gián đoạn. Không đầy một phút sau, một trong hai bình chứa dưỡng khí lỏng bình cầu của phi thuyền chính hoàn toàn trống trơn. Qua cửa sổ, Lovell trông thấy dưỡng khí lỏng bốc hơi như sương mù. Tiếng nổ bí mật đó đã làm hư hoàn toàn 2 trong số 3 bình nhiên-liệu của phi thuyền mẹ Odyssey. Chỉ cần 1 trong

số 3 bình nhiên liệu đó không hoạt động là cuộc đổ bộ Nguyệt cầu phải bị bãi bỏ ; trong tình trạng này với 2 bình bị hư hoàn toàn và bình thứ 3 không chắc có thể xử dụng được, Apollo 13 không có sự chọn lựa nào khác hơn là quay trở về Trái đất càng sớm càng tốt. Dưỡng khí lỏng trong bình thứ 2 đang bắt đầu thoát ra nhanh chóng. Vấn đề khẩn cấp là phải ngăn chặn tai họa này. Dưỡng khí không những cần thiết cho mạng sống của phi-hành-gia mà còn dùng để cung cấp điện lực cho phi thuyền. Dưỡng khí lỏng sẽ bốc hơi, qua bình chứa nhiên-liệu và tác dụng với khí Hydro có sẵn nơi đây để tạo nên điện lực. Houston ra lệnh đóng kín các nắp thông giữa bình dưỡng-khí và 2 bình nhiên liệu đã bị hư. Kim báo hiệu vẫn từ từ ngã về số 0. Houston trong sự chọn lựa cuối cùng đánh ra lệnh đóng nốt nắp thông với bình nhiên liệu còn lại. Giờ đây hệ thống điện lực trong phi thuyền Odyssey hoàn toàn bị hủy bỏ, phản ứng giữa Hydrogen và Oxygen, một khi bị gián đoạn, sẽ gián đoạn vĩnh viễn. Muốn cho phản ứng khởi phát trở lại cần phải có những điều kiện về nhiệt độ và áp suất chỉ có thể thực hiện được ở dàn phóng mà thôi. 91 phút sau khi xảy ra tai nạn, phi thuyền mẹ Odyssey trở thành một phi thuyền chết. 3 phi hành gia được lệnh qua trú ẩn ở phi thuyền đổ bộ Aquarius.

Phi thuyền này dự trữ cho 2 phi-hành-gia trong thời gian 2 ngày trên



Nguyệt cầu bây giờ được dành cho 3 phi-hành-gia trên đường về trái đất.

Thê-thức "phi thuyền cấp cứu" mà các phi-hành-gia đã tập dượt nhiều lần ở dưới đất được đem ra áp dụng. Lovell và Haise qua phi thuyền Aquarius trước. Swigert lợi dụng chút dưỡng khí và điện lực còn lại của phi-thuyền Odyssey để sửa soạn các dụng cụ cần thiết cho sự trở về an toàn của phi-thuyền chỉ-huy sau này. Apollo 13 lúc đó cách xa trái đất 207.000 dặm và vẫn tiến về Nguyệt cầu với một tốc độ không thay đổi. Tình trạng của 3 phi-hành-gia tương đối an toàn.

Không khí tạm dễ thở hơn đôi chút cho các nhà kiểm soát chuyến bay ở Houston. Lovell và Haise điều khiển chuyến bay ở trong phi thuyền Aquarius trong lúc Swigert vẫn ở lại trong phi thuyền Odyssey nhờ một ống dẫn dưỡng khí nối liền với phi thuyền đổ bộ. Làm thế nào để Apollo 13 có thể trở về trong một thời gian nhanh chóng nhất và an toàn nhất? Các nhà bác học đã bác bỏ ý kiến cho khai hỏa hỏa-tiền chính của phi thuyền mẹ để đưa ngay Apollo 13 trở về mà không cần phải mất thì giờ bay vòng quanh Nguyệt cầu. Một hành động như thế quá liều lĩnh. Hỏa-tiền này đã bị coi như không kiểm soát được, nếu vụ khai hỏa thất bại phi thuyền lại mất thêm một số điện-năng vô ích.

Sau cùng, Căn cứ Houston đã quyết định: 5 giờ 25 phút sau vụ nổ, động cơ dùng cho việc đổ bộ của phi thuyền Aquarius được khai hỏa trong 30,7 giây. Với chuyến khai hỏa này, Apollo 13 sẽ đáp xuống một nơi nào đó trong Ấn-độ-dương 74 giờ sau. Mọi người thở phào, chỉ trừ có những chuyên-viên ở Trung-tâm kiểm-soát Houston: Thời gian 74 giờ quá lâu, vượt quá mức cung cấp của phi-thuyền nhỏ bé Aquarius. Hai giải pháp được đặt ra: hoặc lại thử liều lĩnh khai hỏa phi thuyền mẹ hoặc lợi dụng sức đẩy khi tách rời Aquarius và phi thuyền mẹ, sau khi đã vòng quanh Nguyệt cầu, sức đẩy tuy yếu hơn nhưng phi thuyền lại nhẹ hơn. Cả hai giải pháp đều bị bác bỏ. Giải pháp đầu có thể đưa Apollo 13 trở về trong 1 thời gian rất ngắn là 58g nhưng Houston coi như hỏa-tiền chính đã bị hư hại do vụ nổ, không xử dụng được nữa. Giải pháp thứ nhì có thể đem Apollo 13 trở về sau 40 giờ bay nhưng

lại tổn quá nhiều điện-lực cần thiết cho các cuộc điều chỉnh khác, nếu có Hơn nữa khi tách bỏ phi thuyền chính, phi thuyền chỉ-huy sẽ bị các tia cực tím và nhiệt độ rất cao ở chung quanh phá hoại, không còn đủ khả năng cầu thiết để vượt qua bầu khí quyển trái đất khi trở về nữa.

Apollo 13 tới Nguyệt cầu vào tối thứ năm. Trong chuyến bay vòng gần gũi trên một quỹ đạo lớn hơn 158 dặm, phi hành đoàn đã hoàn thành một thí nghiệm nhỏ. Tầng thứ 3, S-4B của hỏa tiễn thối tống Saturn V, được phóng thẳng vào Nguyệt cầu. Hỏa tiễn S-4B mang theo sự giận dữ của 3 phi hành gia đã rơi rất đúng chỗ, tạo một luồng chấn-động được ghi nhận bởi địa-chấn-kế của Apollo 12 đã đặt lên trước đó. Sự kiện này rất ích lợi cho các nhà bác-học để tìm ra thành phần cấu-ạo của bề mặt Nguyệt-cầu.

Houston chọn một giải pháp thứ 3. Động cơ đồ bộ của phi-thuyền Aquarius được xử dụng lần nữa. Lovell và Haise phải định hướng nhờ vị trí mặt trời và Nguyệt cầu để khai hỏa. Cửa sổ của phi thuyền bị các mảnh vụn bao phủ khiến cho việc định hướng bằng vị trí các ngôi sao không thực hiện được. Lovell có cảm tưởng đang bay trong giải ngân hà. Cuộc khai hỏa tuyệt hảo kéo dài trong 4 phút 24 giây. Cuộc hành trình trở về sẽ kéo dài 63 giờ và Apollo 13 sẽ đáp xuống một nơi trong Thái bình dương cách đảo Samoa 600 dặm. Một phần lớn sự nguy hiểm đã qua khỏi. Để tiết kiệm điện-lực đèn trong phi thuyền bị tắt hết. Apollo 13 bay trong bóng tối. Thiếu máy sưởi, phi thuyền bắt đầu lạnh và đồng thời áp xuất thân khí trong phi thuyền tăng lên tới mức nguy hiểm. Máy lọc không khí của phòng chỉ-huy

phải nối liền với phi-thuyền Aquarius bề cứu vãn tình thế. 3 phi-hành-gia bán thêm một lớp áo ngự hàn. Riêng Lovell, ông mang thêm đôi giày đồ bộ to tương để cho chân đỡ cứng. Mỗi người được lệnh uống thêm 2 viên Dexedrine để giữ tỉnh táo trong những giờ phút sắp tới.

Gần tới Trái đất phi-thuyền mẹ được tách rời khỏi phi thuyền Aquarius và phòng chỉ huy Odyssey. Lúc này 3 phi-hành-gia mới có dịp nhìn thấy chỗ hư của phi-thuyền. Giây điện và mảnh vụn nhìn thấy nhô ra ngoài một lỗ hổng lớn chừng 30 bộ Anh (khoảng 4,5m). Haise đã quay phim và chụp hình phi-thuyền này để các nhà bác học có thể căn cứ vào đó mà tìm ra nguyên nhân vụ nổ. Giả thuyết lúc đầu cho rằng phi thuyền bị chạm vào vẩn thanh đã bị bác bỏ. Chỉ có lối 1 phần tỉ xác xuất để cho một rủi ro như vậy xảy ra. Một lỗ hổng với kích thước lớn lao như thế có lẽ bắt nguồn từ một lỗi lầm bên trong chính phi-thuyền.

Chừng 30 000 dặm cách trái đất, Apollo 13 làm một cuộc từ giã cuối cùng. Ba phi-hành-gia đã vào cả trong phòng chỉ-huy Odyssey và khai hỏa để tách rời ra khỏi phi-thuyền cứu-tình Aquarius.

12 giờ 54 phút chiều ngày thứ sáu, Apollo 13 lao vào bầu khí quyển. Trái đất. Trong 3 phút 38 giây phi thuyền Odyssey bị bao phủ bởi một lớp khí ion-hóa do sức nóng gây nên xung quanh phi thuyền, cắt đứt mọi liên lạc với đài kiểm soát.

Vài phút sau đó, 3 cánh dù mong đợi xuất hiện trên các màn ảnh truyền hình khắp thế - giới, chấm dứt viễn-ảnh một thảm họa chung cho cả nhân-loại.

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— Thêm bạn bớt thù của Hoàng Xuân Việt, do Trung Tâm Nhân Xã xuất bản trong tủ sách « vấn đề của chúng ta » loại « Hậu Đại-học bổ túc », và tác giả gửi tặng. Tác giả toát yếu toàn thể cuốn « How to win friends and influence people » của Dale Carnegie thành 40 qui luật cô đọng toàn bộ khoa xử thế, dày 46 trang, giá 90đ.

— Đọc đường tập truyện của Thanh-Tâm-Tuyền do Tân-Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang gồm 7 truyện : Tư, Người gác cổng, Trên mây, Đọc đường. Chim cú, Mỗi người, Sắc trời. Giá 40đ.

— Hải - đảo Thần tiên 14 truyện ngắn quốc tế do Đặng Trần Huân chọn và dịch, Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm những truyện ngắn đặc sắc của : S. Maugham, M. Aymé, E. Caldwell, G. Guareschi, J. Steinbeck, Conan Doyle w... Bản đặc biệt. Giá bán thường : 240đ.

— Mùa thu thi ca của Bùi Giáng, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang gồm các bài tùy bút, phóng bút và thơ rất lạ của Bùi Giáng. Giá 160đ.

— Cánh phượng rơi truyện của Quyên Di, do Thăng Tiến xuất bản trong tủ sách « Quà tặng học trò ». Sách dày 36 trang, khổ 10 x 20, in đẹp. Giá 45đ.

— Lòng bác-ái sách song-ngữ do Văn Hà Vũ-Trung-Lập dịch, Trí Đức xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 76 trang, gồm 5 truyện Anh-Việt đối chiếu trích trong cuốn « The money lender and other stories » do Michael West viết lại cho thích hợp với New method Reader 4. Giá 65đ.

HỌP THU

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Huỳnh - Công - Ân ; Mai - Hương-Dương ; Thị-Độ Opy ; Đông-Hùng ; Nguyễn - Xuân-Nhật ; Hoàng-Thanh-Hiền ; Thanh-Tùng Tử ; Lê-Tà ; Trần-Ngọc-Hương ; Nguyễn - Tùng ; Lê-Thúy-Hồng ; Cao-Ngọc-Sa ; Lãng-Bạc ; Hồ-Đắc-Khôi ; Lữ-Tùng Anh ; Sa-Bình-Chung ; Phạm Mỹ-Khánh ; Đinh-Hữu-Hiền ; Lê-Thanh Liêm ; Nguyễn-Nguyên-Như ; Lê - Nhược - Thủy ; Hoàng-Ngọc-Châu ; Hoàng-Đức-Hòa ; Khánh-Linh ; Nguyễn-Định-Quán ; Lê-Gành ; Ngô-Hữu-Kính ; Đoàn-Nhữ-Hiệp ; Chu-Vương Miện ; Lữ-Quỳnh ; Nguyễn-Sa-Mạc ; Diệp - Thế - Phiệt ; Nguyễn-Thái Yên-Chi ; Nguyễn-Khải-Hoàng ; Thu-Quế ; Tô - Minh - Hồ ; Thái-Ngọc-San ; Huỳnh-Ngọc-Thiện ; Nguyễn - Tấn-Bi ; Hà-Nghiêu-Bích ; Trầm-Kha-Di ; Võ-Ngươn-Nhiên ; Trần-Nh-Hạnh ; Trương - Bách - Nguyễn ; Phạm-Đình-Dương ; Lê-Văn-Trung ; Châu - Hải - Kỳ ; Trần - Huiền-An ; Lê-Văn-Thi ; Huỳnh-Bích-Trâm ; Lê-Miên-Tường.

Bà Chu-Vương-Miện (Đà-Nẵng). Những tờ thư đã bị trả lại, như vậy kè như là đã quyết định rồi. Lời nhắn tin này như một lời già biệt êm đềm nhất. (Phương hoa Sử).

Anh Phương Đình — (Cà Mau).— Quả nhiên, người đọc thấy rõ anh đang có cái gì « óc ách trong ruột » cần nói ra. Đã vậy, nên tiếp tục nói, viết.

Có mấy nhận xét về « Cuối Đường » nhưng làm sao gửi đến anh ? Anh đã quên cho biết địa chỉ ! (Võ-Phiến)

Phong-trào Cộng sản Á-Châu

TRONG 25 NAM QUA

(Tiếp theo trang 9)

phong trào Cộng sản. Năm 1970 vết rạn nứt giữa phe Cộng sản với một vài quốc gia Á Châu lại được kéo dài thêm với cuộc đảo chính 18.3.1970 tại Cam-bốt: Thái tử Sihanouk, bạn của Trung-Cộng, đã bị loại khỏi chính quyền.

Trong tình trạng bất lợi này phong trào Cộng sản Á-châu đã cố bùng lên một lần nữa vào năm 1963 với vụ tàu Pueblo của Mỹ bị Bắc - Cao bắt giữ và cuộc Tổng-công-kích của Việt cộng ở Nam Việt. Tuy cả hai vụ này đã gây ra một tiếng vang lớn trên thế giới nhưng đều không mang lại cho phe Cộng sản những thắng lợi mong muốn. Vì vậy mà ngay từ tháng 5-1968 họ đã bằng lòng tới Paris để thương thuyết.

Sau hết một trở ngại quan trọng trong bước tiến của phe Cộng-sản Á châu là những lúng củng nội bộ. Lúng củng trong phong trào Cộng-sản thế giới với cuộc tranh chấp Nga-Hoa. Song song với sự gia-tăng cường-độ của cuộc tranh chấp, các nước cộng sản Á-châu phải chọn giữa Mac-Tư-Khoa và Bắc-Kinh. Sự lựa chọn này đã làm cho họ hết sức lúng túng. Nếu Nga-Mông, ngay từ đầu, đã chọn Mac-Tư-Khoa vì sợ tham vọng của Trung-Cộng thì Bắc Cao cũng như Bắc-Việt đều lưỡng lự không dám chọn một bên nào. Vì lý do địa-dư, họ sợ Trung-Cộng ở gần có thể xâm lăng họ, nhưng nếu theo Trung-Cộng thì độc-lập của họ càng bị đe dọa hơn mà không theo thì Trung-Cộng lại càng có cơ đề xâm lăng. Sự bối rối của phe Cộng sản Á châu trước cuộc tranh chấp Nga-Hoa đã làm cho họ mất dần tinh thần chiến đấu. Phe Cộng sản Âu-châu, vì muốn sống chung hòa-bình với Tây-

phương, càng ngày càng bớt chú ý tới hoạt động của Cộng-sản Á-châu hay có nhiều khi lại còn đi ngược lại đường lối của Cộng-sản Á-châu nữa. Hội nghị Ấn-Hồi Tachkent cho ta rõ Nga đã đi ngược lại quyền lợi của Trung Cộng đến mức nào.

Lũng củng nội bộ trong phong trào Cộng sản quốc tế đã làm cản trở sự bành trướng của Cộng-sản Á-châu. Những lúng củng nội bộ ngay trong phong trào Cộng-sản Á-châu lại còn nguy hại cho bước tiến của họ hơn nữa.

Tháng 6-1966 trước những khó khăn nội bộ, trước sức đối kháng của những lực lượng đối lập, Mao-Trạch-Đông đã phát động cuộc «Cách-mạng Văn-hóa». Sự mạng phổ biến «Cách-mạng Văn-hóa» được trao cho một đoàn thanh niên nam nữ cường tín gọi là « Vệ-binh đỏ ». Vệ-binh đỏ có nhiệm vụ san bằng mọi trở lực ngăn cản bước tiến của xã-hội chủ-nghĩa. Sự san bằng trở lực được quan niệm quá trớn nên những di tích lịch sử đã bị tiêu hủy vì có tính cách phong kiến, những đền đài kiến trúc cổ đã bị đập phá vì chúng gọi lại quá khứ, những nhân vật lão thành từng tham dự cuộc « Vạn lý trường chinh » cũng đã bị thanh trừng với tội chống Đảng. Bành Chấn, Thị trưởng Bắc Kinh bị cắt-chức; Lưu thiếu Kỳ, Tổng-thống Cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa bị hạ bệ vì đã theo « chủ nghĩa xét lại » và là một « Krouchtchev Trung-hoa »; Bà Tống-Khánh-Linh, góa phụ của Tôn-Dật-Tiên cũng bị yêu cầu rời khỏi căn nhà bà đang ở, vì căn nhà này quá sang trọng và gọi lại quá nhiều những kỷ niệm của gia-đình tài phiệt họ Tống.

Cuộc «Cách mạng Văn hó» đã đưa Trung-cộng tới một tình trạng hỗn loạn khiến sản xuất bị ngưng trệ, guồng máy chính quyền bị tê liệt. Tại ngoại quốc Trung Cộng cũng đụng độ với hầu hết các quốc gia: Miến-điện, Ấn-độ, Pháp, Anh, lần lượt bị Vệ-binh đỏ đập phá các tòa Đại-sứ và đã kích nạng nẽ. Trong điều kiện này tinh thần người Cộng sản Á Châu bị khủng hoảng và phong trào Cộng sản tại Á Châu không tiến thêm được bước nào nữa.

oOo

Trong phần tư thế-kỷ ừa qua, phong trào Cộng-sản Á châu đã là một sự kiện chính của chính-trị Á châu cũng như của chính trị thế giới. Phong trào Cộng sản Á châu được coi như một phương-thức dùng để áp dụng chủ nghĩa Mác-xít vào những quốc gia chậm tiến và nông

ngiệp. Tuy Nga, năm 1917, khi Lénine phát động Cách mạng vô sản, cũng là một nước chậm tiến và nông nghiệp nhưng dù sao thì tại nước này lúc đó cũng đã có sẵn một hạ tầng cơ sở kỹ-nghệ do những biện-pháp cải-cách của Stolyp ne tạo ra. Vì vậy Cách-mạng Cộng sản Nga năm 1917 là công trình của giới vô-sản đô-thị và của quân-nhân. Tại Á-châu, theo đúng giáo điều của Mao-Trạ h-Đông, người ta muốn dựa vào nông dân để thực hiện Cách-mạng. Nếu phe tự do có thể ngăn cản làn sóng đỏ ở Á-châu lâu dài thì họ có thể chứng minh được rằng không những lý thuyết của Marx, mà cả tư tưởng của Mao cũng đều không ứng-dụng được với nhu-cầu của các dân-tộc Á-châu.

TỪ TRÌ

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây, và xin ân cần giới thiệu cùng quý ban đọc.

— Chú thỏ tinh khôn truyện thiếu nhi của Bửu K⁵, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, bìa do họa-sĩ Vi Vi vẽ rất đẹp, câu chuyện hợp với các em nhỏ. Bản đặc biệt. Giá bán thường 5 đ.

— Hoa thông thiên tập thơ của Đào Tiên Luyện do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 24 trang, gồm 18 bài thơ, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

Gia tài học trò tập thơ của Lynch ca và Bùi văn Bình do Khuôn mặt học trò xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang khổ 20x.6 in roneo gồm 15 bài của Lynch Ca và 16 bài của Bùi văn Bình.

Khai phóng số 3, nội san của hội Phụ huynh học sinh tỉnh Khanh Hòa do Đạt nhân Nguyễn Dương quản nhiệm. Mỗi số dày 144 trang gồm những bài tiểu luận về giáo dục, thơ, văn của các nhà trí thức, giáo chức, phụ huynh học sinh trong và ngoài hội. Giá 60đ.

— Bách-Việt số 6 nội san khảo cứu, văn nghệ, giáo dục của Trung Tâm Bách Việt, cơ sở Giáo-dục miễn phí, 104 E Pasteur Saigon, Chủ nhiệm Nguyễn Trọng Cơ, Chủ bút: Hoàng Minh Hùng. Thư ký tòa soạn: Nguyễn Gia U⁵. Mỗi số in roneo khổ 21 x 27 dày trên 50 trang gồm những bài tìm hiểu, góp ý về giáo dục, thơ, đoán văn. Giá ủng hộ: 30đ

Thư ký Tòa soạn: TÔN-THẮT-HÀM
Quản lý: NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
NGUYỄN-HUY-NHÂN